

LÃNG NHÂN

**HÀN
VĂN
TINH
TỦY**

Lãng
Nhân
dịch

Nam
Chi
Tung
Chữ



LÃNG-NHÂN

**H Á N - V Ẫ N
T I N H - T U Ý**

**Đề-từ
của
ĐÔNG-HỒ**

NAM-CHI TÙNG-THƯ

3, đường Nguyễn-Siêu - Saigon

1965

hán-văn tinh-tuý

Tặng bạn HUY KINH

L. N.

Đề từ

Dâu chim bẻ nãi đá bao phen
Ngọc sứt văng rơi dỏ trước đôn
Muôn nẻo tìm đâu trời đất lạ
Ngàn xưa thấy lại thành hiền quen
Aurb hoa bút điểm sơn tươi nét
Tình tủy nghiên xây đá vững nền
Kim cô cách đối bỏ thế hệ
Cầm thông cũng bắc nhịp giao liên

Đông Hồ



東湖
畫





— Khi cha khuất bóng đi rồi,
Chính-quyên nước Trịnh sẽ dờn về con...

子產授政太叔
TỬ-SẢN THỤ CHÍNH THÁI-THÚC

TỬ SẢN DẶN CON PHÉP TRỊ DÂN

左丘明
Tả Khâu Minh

TIỂU DẪN. — Tả Khâu Minh làm thái-sử nước Lỗ, tư-tướng phần nhiều ám-hợp với Khổng-tử. Tả noi theo chí Khổng-tử, làm ra bộ truyện nhan-đề là Tả-thị Xuân-Thu.

鄭子產有疾謂子太叔曰

Trịnh Tử-Sản hữu tật, vị tử Thái-Thúc viết :
Trịnh Tử-Sản bệnh nặng, bảo con là Thái-Thúc rằng .

我死子必爲政

Ngã tử, tử tất vi chính
Ta chết, con sẽ giữ chính-quyền

惟有德者能以寬服民

Duy hữu đức giả, năng dĩ khoan phục dân
Chỉ kẻ có đức mới có thể lấy khoan hòa cho dân phục

其次莫如猛

Kỳ thứ mạc như mãnh.
còn thì không gì bằng chính-sách mạnh

夫火烈民望而畏之故鮮死焉

Phù hỏa liệt, dân vọng nhi úy chi, cố tiển tử yên

như lửa cháy, dân trông là sợ, nên ít kẻ chết vì lửa

水懦弱民狎而翫之則多死焉

Thủy nhu nhược, dân hạp nhi ngoạn chi, tắc đa tử yên.

Nước mềm yếu, dân ưa đùa-rỡn, nên chết nhiều.

故寬難

Cố khoan nan.
Vì thể khoan hồng là khó

疾數月而卒太叔爲政

Tật số nguyệt nhi tốt, Thái-Thúc vi chính
Đau mấy tháng rồi chết, Thái-Thúc lên cầm quyền

Tử-Sản bệnh, khó bề bình-phục

Bèn dặn con, Thái-Thúc, mấy lời :

— Khi cha khuất bóng đi rồi,

« Chính-quyền nước Trịnh sẽ đòi về con.

« Một nguyên-tắc luôn luôn phải trọng :

« Có đức thì hãy dụng khoan hòa,

« Lòng dân mến-phục sâu-xa.

« Bằng không, uy-vũ vẫn là phép hay.

« Như lửa đỏ, ai ai chẳng sợ,

« Dân tránh xa, ít va vào mình

« Nước kia mềm yếu hiền-lành,

« Dân ưa đùa rỡn, dễ thành tai-trương.

« Chính-sách khoan, hay nhưng rất khó »

Tử-Sản rồi sau đó lâm-chung.

不忍猛而寬

bất nhẫn mãnh nhi khoan

Không nỡ mạnh nên khoan hòa

鄭國多盜

Trịnh-quốc đa đạo

Nước Trịnh nhiều trộm cướp

取人於萑苻之澤

Thủ nhân ư hoãn bồ chi trạch

Bắt người lương thiện ở nơi bãi chằm um tùm.

太叔悔之曰

Thái-Thúc hối chi, viết :

Thái-Thúc ăn-năn, nói :

吾早從夫子不及此

ngô tảo tòng phu-tử, bất cập thử

ta sớm biết theo lời cha dẫu đến nỗi này

興徒兵以攻萑苻之盜

Hưng đồ binh dĩ công hoãn bồ chi đạo

Đem binh đi tiêu trừ trộm cướp

盡殺之盜少止

Tận sát chi. Đạo thiểu chi

Giết hết. Cướp trộm yên.

仲尼曰善哉

Trọng-Ni viết : Thiện tai !

Khổng-tử nói : Giải thay !

Con lên mở lượm khoan-hồng,

Thế là giặc cướp nổi cùng khắp nơi.

Thái-Thúc hỏi : « Theo lời cha dạy

« Thì có đâu đến nổi nước này ! »

Đem quân tuần-tiểu đi ngay,

Bao nhiêu giặc cướp từ đây hết liền.

Khổng-Tử nói : « Khá khen Tử-Sản

政寬則民慢

Chính khoan tắc dân mạn,

Chính sách khoan hòa dân nhờn

慢則糾之以猛

mạn tắc củ chi dĩ mãnh

nhờn thì lấy « mạnh » (thắng tay) mà đàn áp.

猛則民殘殘則施之以寬

Mãnh tắc dân tàn, tàn tắc thi chi dĩ khoan.

mạnh tất dân hại, hại thì lại lấy khoan mà thi-hành

寬以濟猛猛以濟寬

Khoan dĩ tế mãnh, mãnh dĩ tế khoan

Khoan để đỡ mạnh, mạnh để đỡ khoan

政是以和

Chính thị dĩ hòa

chính sự sẽ hòa.

詩曰民亦勞止汙可小康

Thi viết : dân diệc lao chỉ, ngột khả tiều-khang

Kinh thi nói : dân đỡ vất-vả, để tạm yên vui

惠此中國以綏四方

Huệ thử trung-quốc, dĩ tuy tứ phương

Ra ơn trong nước, để yên bốn phương.

施之以寬也

thi chi dĩ khoan dã

ây là lấy « khoan » mà thi-hành vậy

« Chính-sách khoan sinh biển, lễ thường.

« Biển đành phải dụng lối cương,

« Lối cương, ắt buộc dân càng xót-xa.

« Thì ta lại nói ra cho nhẹ :

« Cương cứu khoan, khoan chẽ lại cương ».

« Kinh Thi : *Dân sống dễ-dàng,*

« *Tất ơn nhà nước tràn-lan các vùng.*

« Ấy chính-thề khoan-dung là thẽ,

母從詭隨以謹無良式過寇虐
vô tông quỷ tùy, dĩ cần vô lương, thức át
khẩu ngược

Không nghe kẻ giồi trá, loại trừ kẻ vô lương, trộm cướp sẽ yên được.

慘不畏明糾之以猛也
thao bất úy minh, củ chi dĩ mãnh dã.

Không xong sẽ dùng sức mạnh

柔遠能邇以定我王平之以和也
Nhu viễn năng nhĩ, dĩ định ngã vương, bình
chi dĩ hòa dã.

Mềm mỏng với dân ở xa. Thân thiện với dân ở gần.

又曰不競不綈不剛不柔
Hựu viết : bất cạnh, bất cầu, bất cương, bất nhu.

Lại nói : « Không tranh, không vội, không cứng, không mềm, Thi chính hòa-thuận êm đềm, trăm lộc sẽ tụ họp đến thêm » đó là sự « Hòa » đến mức vậy.

布政優優百祿是遒和之至也
bố chính ưu-ưu, bách lộc thị tù hòa chi chí dã.
 để định việc lớn của mình, đó là làm quân bình sự
 hòa thuận trong dân gian.

及子產卒仲尼聞之出涕曰
Cập Tử-Sản tốt, Trọng Ni văn chi, xuất thủy viết :
 Tử-Sản biết thương dân, được dân yêu mến, là có
 phong thái của cổ-nhân sót lại.

古之遺愛也
Cổ chi di ái dã

Chỉ cổ nhân mới biết thương người như Tử-Sản.

« Không nghe gian, thẳng trị bất-lương.

« Các nơi giặc cướp hết đường,

« Không yên ta lại dùng cương dẹp loạn.

« Biên-cương xa, các miền gần-gũi,

« Nên nói tay, dân mới thông-dong.

« Thi còn nói : *muốn nên công*

« *Vội không, mà chậm cũng không : giữ chừng.*

« *Chẳng cương hẳn, cũng đừng nhu hẳn,*

« *Lấy đức mà uốn nắn tùy cơ,*

« *Lộc trời, trời sẽ ban ra*

« Ấy là chính-sách giữ hòa muôn phương ».

Đức Khổng-Tử xót-thương xúc-cảm

Khi nghe tin Tử-Sản qua đời.

Khóc rằng : « Kim cổ dễ ai

« Sánh tày Tử-Sản, là người thương dân ! ».



— Miệng dân dầu dễ phòng-ngừa,
Phòng-ngừa dễ vỡ còn chưa khó bằng!

召公諫監謗

THIỆU-CÔNG GIÁN GIÁM BẢNG

THIỆU-CÔNG CAN VUA CẨM DI-NGHỊ

左丘明

Tả Khâu Minh

厲王虐國人謗王

Lê-vương ngược, quốc nhân báng vương.

Lê-vương ác, người trong nước dị-nghị.

召公告王曰

Thiệu-công cáo vương viết :

Thiệu-công vào tâu :

民不堪命矣

Dân bất kham mệnh hĩ.

Dân không chịu nổi chính-sách của vua.

王怒得衛巫使陸謗者

Vương nộ, đắc Vệ-vu, xử giám báng giả

Vua giận, sai thuật-sĩ nước Vệ đi xét những kẻ dị-nghị

以告則殺之

đĩ cáo tắc sát chi

về báo cho đem giết

國人莫敢言道路以目

Quốc nhân mạc cảm ngôn, đạo lộ dĩ mục

Dân nước không ai dám nói nữa, ngoài đường chỉ nhìn nhau lầy mắt khiến thay lời nói.

王喜告召公曰

Vương hỉ cáo Thiệu-công viết :

Vua mừng báo Thiệu-công :

吾能弭謗矣乃不敢言

Ngô năng nhĩ báng hĩ, nãi bất cảm ngôn.

Trẫm đã dẹp hết được dị-nghị rồi, không ai dám nói nữa.

Chu Lệ-vương là vua bạo nghịch,

Dân lâm-than oán-trách đã nhiều.

Thiệu-công thấy vậy vào triều,

Trình-bầy cơ-sự, lựa điều khuyển-can.

Vua nghe nói lại càng giận-dữ,

Bèn sai nhà thuật-sĩ dò-la.

Dùng tà-thuật xét từng nhà,

Ai mà chỉ-trích đem ra chém liền.

Dân đành chịu một niềm im bật,

Gặp ngoài đường lăm-lét nhìn nhau.

Vua mừng vờ Thiệu-công vào :

— Trăm tìm ra kẻ rất mẫu trị yên !

召公曰是障之也

Thiệu-công viết : thị chướng chi dã.

Chiêu-công nói : ấy là che lấp vậy thôi

防民之口甚於防川

Phòng dân chi khẩu thậm ư phòng xuyên.

ngừa miệng dân cũng như ngừa sông.

川壅而潰傷人必多

Xuyên ủng nhi hội thương nhân tất đa.

Sông ủng vỡ đê thì hại rất nhiều.

民亦如之

Dân diệc như chi.

Dân cũng như sông vậy.

是故爲川者決之使導

Thị cố vị xuyên giả quyết chi xử đạo

Cho nên vì sông, thì phải khơi dòng

爲民者宣之使言

Vị dân giả tuyên chi xử ngôn

vì dân phải lay lời mà tỏ ra

vì dân, cho tự đáy lòng nói ra,

故天子聽政

Cố thiên-tử thính chính,

nên vua ngồi cai trị

使公卿至於列士獻詩

Xử công khanh chí ư liệt sĩ hiến thi

cho các quan cùng kẻ sĩ dâng thơ

Thiệu-công nói : « Vua đem bịt miệng,

« Khỏi nghe dân lọt tiếng kêu-ca !

« Miệng dân đâu để phòng ngừa ?

« Phòng ngừa đê vỡ còn chưa khó bằng !

« Đê mà vỡ, nước càng phá hại,

« Nước cùng dân, há lại khác sao ?

« Trị dân, trị thủy như nhau,

« Sông ngòi phải sửa, phải đào cho thông.

« Những ý-nguyện tự lòng phát-khởi,

« Nên cho dân được nói tự do,

« Truyền thông thấu đến tai vua,

« Xét soi phán-đoán cho vừa là hơn.

« Việc triều-chính quân thần cũng vậy,

« Hàng công khanh, quan lại dâng thư,

替獻典史獻書師箴

cồ hiễn điển, sử hiễn thư, sư châm

nhạc-sư mù dâng nhạc, quan sử dâng sử cũ, quan
thiếu-sư khuyên-can

瞎賦朦誦百工諫

tâu phú, mông tụng, bách công gián

người mù làm thơ, người lòa đọc sách
người coi bách công can-gián.

庶人傳語近臣盡規

Thứ nhân truyền ngữ, cận thần tận quy

Người dân truyền lời, kẻ cận thần tâu lên,

親戚補察替史教誨

thân thích bổ sát, cồ sử giáo hối

kẻ thân thích của vua xem xét lại, quan lễ truyền dạy

耆艾修之而後王斟酌焉

Kỳ ngãi tu chi, nhi hậu vương châm-chước yên

Kẻ già sửa lại, rồi đến vua châm-chước

是以事行而不悖

Thị dĩ sự hành nhi bất bội (bội)

nên việc làm không trái nhau.

民之有口也

Dân chi hữu khẩu dã,

Dân có miệng

猶土之有山川也

do thổ chi hữu sơn xuyên dã.

như đất có núi sông

« Từng ngành cứu-xét chuyên-tư

« Sao cho minh-bạch, không sơ-xuất gì.

« Đường lễ-nhạc liệu bề dạy-bảo,

« Chuyện thứ-nhân thấu-đáo tận tình.

« Việc to râu tới triều-đình,

« Cận-thần xem-xét đệ trình lên vua.

« Nếu quả thấy còn chưa xác-đáng

« Họp quần-thần thảo-luận cho mình ;

« Đến khi ban-bố thi-hành,

« Ất là hợp lý hợp tình trước sau.

« Được như vậy người đều mãn ý,

« Hẳn quốc-gia thịnh-trị đó rồi !

« Có đâu bưng-bít miệng người ?

« Đất kia còn có núi đồi, nguồn sông,

財用於是乎出

tài dụng ư thị hồ xuất

nguồn tài lợi ở đó mà ra

猶其有原隰衍沃也

do kỳ hữu nguyên thấp diễn ôc dã

do chỗ đất cao được tưới ướt, đất phẳng tươi tốt.

衣食於是乎生

y thực ư thị hồ sinh,

cơm áo ở đó mà ra

口之宣言也

khẩu chi tuyên ngôn dã

miệng truyền lời nói

善敗於是乎興

thiện bại ư thị hồ hưng

được thua ở đó mà lên

行善而備敗

hành thiện nhi bị bại

làm điều hay, phòng điều thua

所以阜財用衣食者也

sở dĩ phú tài dụng y thực giả dã.

lây ở đây mà có cơm áo vật dụng

夫民慮之於心

Phù dân lự chi ư tâm

Dân lo nghĩ trong lòng

« Nếu khí trời lưu-thông mặt đất,

« Thì nơi nơi muôn vật phát-sinh,

« Bao nhiêu nguồn lợi nuôi mình,

« Đề cho bế-tắc, ắt thành suy-vi.

« Dân có miệng, có gì cản trở?

« Nên cho bày : hay, dở, bại, thành,

« Dân ưa, vua sẽ thi-hành,

« Dân không ưa nữa, tự mình sửa ngay.

« Được lòng dân, đó đây tòng phục,

« Lại thu về lợi-lộc tài-nguyên.

而宣之於口

nhi tuyên chi ư khẩu

nói ra bằng miệng

成而行之胡可壅也

thành nhi hành chi hồ khả ủng dã ?

nên thì cho truyền đi, còn ứ vào đâu ?

若壅其口其與能幾何

nhược ủng kỳ khẩu, kỳ dĩ năng kỳ hà ?

nếu bịt miệng thì bịt được bao lâu.

王弗聽

Vương phất thính,

Vua không nghe

於是國人莫敢出言

ư thị quốc nhân mạc cảm xuất ngôn,

dân nước không ai dám nói

三年乃流王於彘

tam niên nãi lưu vương ư Trệ

ba năm vua phải lưu-vong sang đất Trệ

« Những điều lo-lắng, buồn phiền,

« Cho dân phát-biểu, chính-quyền mới hay.

« Há nên bắt đêm ngày ngậm miệng,

« Liệu bao năm lặng tiếng im hơi ? »

Lệ-vương chẳng khứng nghe lời,

Ba năm sau đó, là thời... lưu-vong.



— Nếu ham phú-quý ở đời
Mà quên nhân-đức thì tôi mới buồn!

叔向賀宣子貧

THÚC-HƯƠNG HẠ TUYÊN-TỬ BẦN

*THÚC-HƯƠNG CHÚC MỪNG
TUYÊN-TỬ NGHÈO*

左丘明

Tả Khâu Minh

叔向見韓宣子

Thúc-Hướng kiến Hàn Tuyên-tử.

Thúc-Hướng thăm Hàn Tuyên-tử.

宣子憂貧叔向賀之

Tuyên-tử ưu bần, Thúc-Hướng hạ chi.

Tuyên-tử lo nghèo, Thúc-Hướng ngỏ lời mừng.

宣子曰吾有卿之名

Tuyên-tử viết : ngô hữu khanh chi danh

Tuyên-tử nói : ta có danh là khanh-tướng

而無其實無以從二三子

nhì vô kỳ thực, vô dĩ tòng nhị tam tử.

nhưng không có thực, không lấy gì theo được bạn.

吾是以憂子賀我何故

Ngô thị dĩ ưu. Tử hạ ngã, hà cố?

Bởi thế nên lo. Bác mừng ta là lý gì?

曰昔欒武子無一卒之田

Viết : Tích Loan-vũ-tử vô nhất tốt chi điền

Nói : Xưa Loan-vũ-tử ruộng không có đủ nuôi
trăm người,

其官不備其宗器

kỳ quan bất bị kỳ tông-khi

lộc không đủ cúng tế cha mẹ

宣其德行順其憲則

Tuyên kỳ đức hạnh thuận kỳ hiến tắc

đức hạnh được tuyên dương, thuận phép nước

Hàn-tuyên-Tử đương than nghèo khổ,

Thúc-Hương nghe, hớn-hở chúc mừng.

Hàn rằng : « Sao nói lạ nhường !

« Làm quan ai cũng đường-đường hiển-vinh.

« Tôi tiếng cả nhà thanh đương ngán,

« Lỡ đôi khi bè-bạn đến chơi,

« Rượu cơm không có mà mời,

« Đứng hàng khanh-tướng hồ-ngươi mọi bề.

« Cảnh nghèo ấy có gì đáng chúc,

« Bác lại còn trêu-chọc nữa ư ? »

Thúc thưa : « Nước Tấn ngày xưa,

« Có Loan-Vũ-Tử cũng là thượng-khanh,

« Mà nếp sống trung-bình không đời,

« Mảnh ruộng vườn huê-lợi đáng bao !

« Vun-trồng âm-đức về sau,

使越於諸候

sử viết ư chư hầu

danh tiếng truyền ra đến chư hầu.

諸候親之戎狄懷之

Chư hầu thân chi, nhung địch hoài chi

Chư hầu xem thân, giặc-giã coi mến

以正晉國

đi chính Tấn quốc.

chỉnh đốn nước Tấn

行刑不疚以免於難

Hành hình bất cứu dĩ miễn ư nạn.

người ốm không đem hành-hình, vì thế tránh được nạn.

及桓子驕泰奢侈

Cập Hoàn-tử kiêu thái sa-xỉ

Đền Hoàn-tử kiêu căng hoang phí

貪欲無藝畧則行志

Tham dục vô nghệ, lược tắc hành chí

tham lam không theo cha, bỏ phép nước mà theo lòng dục của mình,

假貸居賄宜及於難

giả thái cư hối, nghi cập ư nạn

cho vay lãi, ăn hối lộ đến khi gặp nạn

而賴武之德以沒其身

nhì lại Vũ chi đức dĩ một kỳ thân

lại nhờ đức của cha mà chỉ mất gia-sản.

« Rợ Nhung báỉ phục, chư-hầu ngợi khen.

« Con : Hoàn-Tử đã quên gương quý,

« Lại kiêu-căng, xa-xỉ, tham-tàn ;

« Đến khi gặp phải tai-nàn,

« May nhờ âm-đức, chết toàn được thân.

及懷子改桓之行

cập Hoài tử cải Hoàn chi hạnh

Đền Hoài-tử sửa lại nết xấu của Hoàn,

而修武之德可以免於難

nhi tu Vũ chi đức, khả dĩ miễn ư nạn

tu lấy đức của Vũ, có thể tránh được nạn

而離桓之罪以亡於楚

nhi li Hoàn chi tội dĩ vong ư Sở

mà tránh tội của Hoàn, phải lưu vong sang Sở.

夫卻昭子其富半公室

Phù Khước-chiêu-tử, kỳ phú bán công-thất

Khước-chiêu-tử giàu có bằng nửa nước

其家半三軍

kỳ gia bán tam quân,

người nhà đông bằng nửa số quân-đội

恃其富寵以泰於國

thị kỳ phú sủng dĩ thái ư quốc

giàu có lại được vua yêu,

其身尸於朝其宗滅於絳

kỳ thân thi ư triều, kỳ tông diệt ư Giáng

bị phơi thây ở triều, dòng họ bị diệt ở kinh-thành.

不然夫八卻五大夫

Bất nhiên phù bát khước : ngũ đại phu

Tám người họ Khước thì năm làm đại-phu,

« Cháu : Hoài-Tử, ăn-năn hối-cải,

« Vì lỗi cha cũng phải lưu-vong.

« Khước-Chiêu gương nọ thử trông :

« Giàu sang nghiêng cả non sông nửa phần.

« Bày con cháu quây-quần bao-bọc,

« Được vua yêu, tước lộc hơn người,

三卿其寵大矣

tam khanh, kỳ sủng đại hĩ

ba làm quan khanh, vua yêu đã cực vậy

一朝而滅莫之哀也

Nhất triêu nhi diệt, mạc chi ai dã

một sớm diệt vong, không ai thương

唯無德也

duy vô đức dã.

chỉ vì không có đức vậy.

今吾子有樂武子之貧

Kim ngô tử hữu Loan-vũ-tử chi bần

Nay bác nghèo như Loan-vũ-tử

吾以爲能其德矣是以賀

ngô dĩ vi năng kỳ đức hĩ, thị dĩ hạ.

nhưng cái đức cũng sánh Loan-vũ-tử, nên chúc mừng.

若不憂德之不建

Nhược bất ưu đức chi bất kiến

Nêu không lo sửa đức

而患貨之不足

nhi hoạn hóa chi bất túc,

chỉ sợ của cải không đủ

將弔不暇何賀之有

trương điếu bất hạ, hà hạ chi hữu?

thì phải chia buồn, chứ có gì mà mừng.

« Tưởng rằng an-hưởng đời đời,

« Thế mà một sớm đến hồi diệt-vong.

« Dù phú-quý oai-hùng đến mấy,

« Thiếu đức thì cũng phải tan-hoang.

« Đáng mừng đâu ở giàu sang,

« Đáng buồn đâu ở nghèo-nàn mà lo ?

« Bác thanh-bạch chẳng thua Loan-Vũ,

« Cốt đức dày là đủ mừng rồi.

« Nếu ham phú-quý ở đời,

« Mà quên nhân đức, thì tôi mới buồn ! »

宣子拜稽首焉曰

Tuyên-tử bái khê thủ yên, viết :

Tuyên-tử cúi đầu vái, nói :

起也將亡賴子存之

Khởi dã tương vong, lại tử tồn chi

Khởi này sắp suy-sụp, nhờ bác giữ lại

非起也敢惠承之

phi Khởi dã cảm huệ thừa chi

không phải chỉ Khởi này cảm ơn huệ bác mà thôi

其自桓叔以下嘉吾子之賜

kỳ tự Hoàn Thúc dĩ hạ, gia ngô tử chi tứ.

mà từ Hoàn-Thúc trở xuống đều chịu ơn bác.

Hàn-Tuyên nói : « Đương cơn ấm-ức,

« Quên tu nhân tích đức, lo nghèo,

« Diệt vong một sớm, một chiều,

« Hiếu sinh bác nhắc mấy điều, xin ghi ! »



— *Vậy vương là quý hay khinh?*

Vua Tê hỏi tiếp hận-tình chưa nguôi.

顏 觸 說 齊 王 貴 士

NHAN-XÚC THUYẾT TỀ-VƯƠNG QUÝ SĨ

NHAN-XÚC KHUYÊN TỀ-VƯƠNG

QUÝ-TRỌNG KÊ SĨ

齊 文

Văn nước Tề

đời Chiễn-quốc

齊宣王見顏觸曰觸前

Tề Tuyên-vương kiến Nhan-Xúc, viết : Xúc tiên !

Tề Tuyên-vương thấy Nhan-Xúc, bảo : Xúc lại đây

觸亦曰王前

Xúc diệc viết : Vương tiên !

Xúc cũng nói : Vua lại đây.

宣王不悅左右曰

Tuyên-vương bất duyệt. Tả hữu viết :

Tuyên-vương không hài lòng, các quan nói :

王人君也觸人臣也

Vương, nhân quân dã, Xúc, nhân thần dã.

Vua là đứng trên mọi người, Xúc là bày tôi

王曰觸前

Vương viết : Xúc tiên !

nay vua nói : Xúc lại đây.

觸亦曰王前可乎

Xúc diệc viết : Vương tiên, khả hồ ?

Xúc cũng nói : vua lại đây ! như thế được chăng !

觸對曰夫觸前爲慕勢

Xúc đối viết : Phù Xúc tiên vi mộ thế

Xúc trả lời : nêu Xúc lại thì là mộ quyền thế

王前爲趨士

Vương tiên vi xu sĩ

vua lại là đón kẻ sĩ.

Thấy thầy Nhan-Xúc đứng xa

Tuyên-vương phán gọi : « Lại ta truyền lời ».

Xúc rằng : « Vua lại đây chơi ! »

Tế-vương lòng chẳng được vui, chau mày.

Các quan xúm lại trách ngay :

— Đức vua vốn bậc xưa rày chí-tôn.

« Sỉ là trong đạo tôi con,

« Cớ sao lại dám xem nhờn xem khinh ? »

Xúc rằng : « Sao chẳng nghĩ tình :

« Gọi mà tiến đến, sỉ thành nịnh vua.

與使獨爲慕勢

Dữ sử Xúc vi mộ thế,

Để cho Xúc mang tiếng mộ quyền thế

不如使王爲趙士

Bất như sử Vương vi xu sĩ

không bằng để vua được tiếng chuộng kẻ sĩ.

王忿然作色曰

Wương phẫn nhiên tác sắc, viết :

Vua giận, nói :

王者貴乎對曰士貴耳

Wương-giả quý hồ? Đối viết : Sĩ quý nhĩ.

Vua quý hay không? Xúc thưa : sĩ mới quý

王者不貴

Wương-giả bất quý.

vua không quý.

王曰有說乎

Wương viết : Hữu thuyết hồ?

Vua nói : có gì làm bằng?

對曰有昔者秦攻齊

Đối viết : hữu. Tích giả Tần công Tề,

Thưa : Có. Xưa Tần đánh Tề

今有敢去柳下季壘

lệnh hữu cảm khứ Liễu-hạ-Quý lũng

có lệnh ai dám đến mộ Liễu-hạ-Quý

« Hạ mình, vua tới chào thừa :

« Vua vừa được tiếng, sĩ vừa trọn danh. »

— Vậy vương là quý hay khinh ?

Vua Tề hỏi tiếp, hận tình chưa nguôi.

Xúc thừa : « Sĩ quý mà thôi,

« Vương so với sĩ vực trời xa nhau. »

Vương rằng : « Căn-cứ vào đâu ? »

Xúc thừa : « Truyện cũ, trước sau thiếu gì !

« Thừa xưa Tần đến đánh Tề,

« Mộ Liễu-hạ-Quý lo bề giữ yên.

五十步而樵採者死不赦

ngũ thập bộ nhi tiều thái giả tử bất xá

50 bước mà đôn củi thì giết không tha.

令曰有能得齊王頭者

Lệnh viết : hữu năng đắc Tề-vương đầu giả,

Lệnh nói : ai lấy được đầu Tề-vương

封萬戶侯賜金千鎰

phong vạn-hộ-hầu, tứ kim thiên dật

được phong vạn-hộ-hầu, thưởng ngàn dật vàng

由是觀之生王之頭

Do thị quan chi : sinh vương chi đầu

xem thế thì đầu vua sống

曾不若死士之壘也

tằng bất nhược tử-sĩ chi lũy dã.

có khi không bằng mộ kẻ sĩ vậy.

宣王曰嗟乎

Tuyên-vương viết : Ta hồ !

Tuyên-vương nói : Than ôi !

君子焉可侮哉

Quân tử yên khả vụ tai !

quân-tử há có thể khinh được sao !

寡人自取病耳

Quả nhân tự thủ bệnh nhĩ.

Trẫm tự mua lỗi này vậy,

« Trong năm mươi bước vòng khuyên

« Ai mà đốn củi, tội nên chặt đầu.

« Lĩnh thêm : phong vạn-hộ-hầu,

« Cho ai đem nộp được đầu Tề-vương.

« Lại còn khuyến-khích rõ ràng,

« Vua ban cho cả ngàn vàng thưởng ngay.

« Hỏi còn sai-biệt nào tầy

« Đầu vương còn sống, ai hay không bằng

« Năm mỗ kẻ Sĩ, phải chăng ? »

Vua Tề tỉnh-ngộ than rằng : « Sợ thay !

« Những người quân-tử xưa nay,

« Để đầu khinh-thị : vốn tay chẳng vừa !

« Lỗi này là Trẫm tự mua,

願請受爲弟子

Nguyên thỉnh thụ vi đệ-tử.

xin thầy thụ làm đệ-tử,

且顏先生與寡人遊

Thả Nhan tiên-sinh dữ quả-nhân du

thầy cùng trăm cùng đi chơi,

食必太牢出必乘車

thực tất thái-lao, xuất tất thừa xa,

ăn cùng yên-tiệc đi cùng xe,

妻子衣服麗都

Thê-tử y-phục lệ đô

vợ con quần áo đẹp tốt.

孺辭曰夫玉生於山

Xúc từ viết : phù ngọc sinh ư sơn

Xúc từ chời nói : ngọc sinh trong núi

制則破焉非弗寶貴矣

chế tắc phá yên, phi phất bảo-quý hĩ

đem mài rũa thì vỡ không còn quý nữa

然太璞不完

nhiên thái phác bất hoàn.

mà cũng không còn toàn-vẹn

士生乎鄙野推選則祿焉

Sĩ sinh hồ bỉ-dã, suy tuyển tắc lộc yên

kẻ sĩ sinh chốn quê mùa đem dùng thì có tước lộc

« Trăm xin làm kẻ học trò tiên-sinh.

« Xin thầy lưu lại triều-đình,

« Ngày ngày yến-tiệc, thỏa tình tương-tri !

« Ngựa xe, du ngoạn, cùng đi,

« Vợ con, gấm vóc dùng chi mặc dầu ».

Tạ-từ, Xúc giải ý sâu :

— Ngọc sinh trong đá, non cao ần hình.

« Phá non ra lấy ngọc lành,

« Ngọc kia nứt rạn, cũng thành hoài công ;

« Ví đem bầy ở trong cung

« Chắc rằng giá-trị ngọc không còn gì.

« Sĩ thì quen thú thôn quê,

« Đem ra cắt-nhắc : được bề vinh thân,

非不尊遂也然而形神不全
phi bất tôn toại dã, nhiên nhi hình thần bất toàn.
 không phải là không vẻ vang nhưng ình thần không
 vẹn.

願得歸晚食以當肉
Xúc nguyện đắc qui, vãn thực dĩ đáng nhục
 Xúc chỉ xin về, đói ăn rau thay thịt

安步以當車無罪以當責
an bộ dĩ đáng xa, vô tội dĩ đáng quý
 đi bộ thay xe, vô tội thay cho hiền quý

清淨貞正以自娛
thanh tịnh trinh chính dĩ tự ngu
 lầy thanh-tĩnh trinh chính làm vui

則再拜辭去
tắc tái bái từ khứ.
 lại vái xin từ biệt.

君子曰願知足矣
Quân-tử viết : Xúc tri túc hĩ
 Người quân-tử nói : Xúc là người biết lầy làm đủ.

歸真反璞則終身不辱
Quy chân phản phác tắc chung thân bất nhục.
 Biết quay về chân-lý tất suốt đời không nhục.

« Nhưng sao toàn được tinh-thần ?

« Xúc này xin chỉ an-băn quê-hương.

« Muối dưa thay miếng cao-lương,

« Chân quen đi bộ, coi thường ngựa xe.

« Tịnh, thanh, trinh, chính, giữ lẽ,

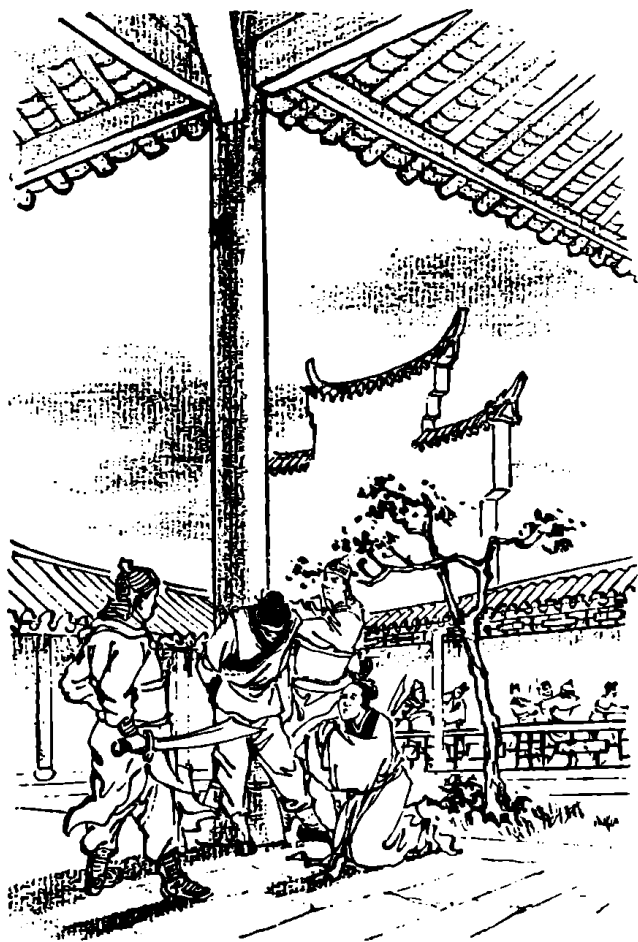
« Quý hồ không tội, đi về an vui ».

Cúi chào, Nhan-Xúc rút lui,

Ấy người tri-túc, ấy người trọng danh !

Biết thân giữ giá ngọc lành

Hắn rằng không lụy nhục vinh ở đời...



— Con người vô-dụng còn chờ gì đây
Mà không đem giết thẳng tay?

趙威后問齊使

TRIỆU-UY-HẬU VĂN TỀ-SỨ

TRIỆU UY HẬU HỎI SỨ NƯỚC TỀ

趙文

Văn nước Triệu

đời Chiến-quốc

齊王使使者問趙威后

Tề-vương xứ sứ-giả văn Triệu-uy-hậu.

Vua Tề cho sứ sang thăm Triệu-Uy-hậu.

書未發威后問使者曰

Thư vị phát, Uy-hậu văn sứ-giả viết :

Thư chưa mở, Uy-hậu hỏi sứ giả :

歲亦無恙耶民亦無恙耶

Tuế diệc vô dạng da? Dân diệc vô dạng da?

Mùa năm nay được chứ? Dân bình yên chứ?

王亦無恙耶

Vương diệc vô dạng da?

Vua cũng bình yên chứ?

使者不悅曰臣奉使使威后

Sứ-giả bất duyệt, viết : Thần phụng sứ sứ Uy-hậu,

Sứ-giả không vui, nói : Thần phụng mệnh sang sứ Uy-hậu

今不問王而先問歲與民

Kim bất văn vương nhi tiên văn tuế dĩ dân,

nay lệnh-bà không hỏi vua, lại hỏi mùa với dân trước.

豈先賤而後尊貴者乎

Khởi tiên tiện nhi hậu tôn quý giả hồ?

Há chẳng là hỏi hèn trước rồi mới đến sang?

Sứ Tề đệ quốc-thư lên,

Triệu-hậu chưa đọc, trước tiên hỏi rằng :

— Bèn Tề gặt hái được chăng ?

« Dân thường no ấm, vua thường yên vui ? »

Sứ Tề ngần-ngại đáp lời :

— Lệnh-bà phán hỏi chưa xuôi mười phần :

« Hỏi mùa-màng, hỏi nhân-dân,

« Hỏi vua sau chót, thì thần chẳng yên ».

威后曰不然

Uy-hậu viết : bất nhiên !

Uy-hậu nói : không phải thế

苟無歲何有民

Cầu vô tuế, hà hữu dân ?

nếu không được mùa, thì sao có dân ?

苟無民何有君

Cầu vô dân, hà hữu quân ?

không có dân thì sao có vua ?

故有問舍本而問末者耶

Cố hữu vấn xả bản nhi vấn mạt giả da !

Nên bỏ gốc mà hỏi ngọn.

乃進而問之曰

Nãi tiến nhi vấn chi viết :

Bèn lại hỏi sứ rằng :

齊有處士曰鍾離子無恙耶

Tề hữu xử-sĩ viết Chung-li-tử vô dạng da ?

Tề có xử-sĩ Chung-li-tử có bình yên chăng ?

是其爲人也有糧者亦食

Thị kỳ vi nhân dã, hữu lương giả diệc tự

ông ấy là người kẻ có lương cũng nuôi,

無糧者亦食

Vô lương giả diệc tự,

Kẻ không lương cũng nuôi,

Hậu rằng : « Đâu phải ta quên,

« Mùa-màng chẳng được, dân đen chết mòn.

« Hết dân, vua cũng chẳng còn,

« Cho nên mới hỏi từ nguồn tới sông ».

Nói rồi, Hậu lại hỏi thông :

« Ngươi Chung-li-tử vẫn lòng yên vui ?

« Áo cơm lo tính cho đời,

« Có thời cùng có, không thời cùng không ;

有衣者亦衣無衣者亦衣
Hữu y giả diệc ý, vô y giả diệc ý

Kẻ có áo thì cho thêm, không áo thì cho có

是助王養其民者也
thị trợ vương dưỡng kỳ dân giả dã
 ấy là giúp vua trong việc nuôi dân vậy.

何以至今不業也
hà dĩ chí kim bất nghiệp dã?
 Sao đến nay chưa được phong-chức?

業陽子無恙耶
Nghiệp-dương-tử vô dạng da?
 Nghiệp-dương-tử bình yên chăng?

是其爲人哀鰥寡卹孤獨
Thị kỳ vi nhân ai quan quả, tuất cô độc,
 xem ông ta là người thương người góa, giúp
 người cô,

賑困窮補不足
chần khốn cùng, bổ bất túc,
 cứu kẻ nghèo khổ, bổ khuyết cho kẻ thiếu-thôn

是助王息其民者也
thị trợ vương tức kỳ dân giả dã
 ấy là giúp vua cho dân sông

何以至今不業也
hà dĩ chí kim bất nghiệp dã?
 sao đến nay vẫn chưa phong chức?

« Cùng dân cùng giữ lễ công,

« Nuôi dân như thế, chưa phong chức nào ?

« Còn Nghiệp-dương-tử ở đâu ?

« Thường lo cho kẻ khó nghèo có ăn,

« Có công trong việc yên dân

« Mà ơn vua thấy được phần nào không ?

北宮之女嬰兒子無恙耶

Bắc-cung chi nữ Anh-nhi-tử vô dạng da?

Nàng Anh-nhi họ Bắc-cung bình yên chứ?

徹其環瑱至老不嫁

Triệt kỳ hoàn thiển, chí lão bất giá

Bỏ cả vòng, bông tai, đến già không lấy chồng

以養父母是其率民

đĩ dưỡng phụ mẫu : thị kỳ suất dân

để nuôi cha mẹ : ấy là làm gương

而出於孝情者也

nhi xuất ư hiếu-tình giả dã

hiếu cho dân

胡爲至今不朝也

hồ vi chí kim bất triều dã?

sao bây giờ chưa được tặng phong?

此二士弗業一女不朝

Thử nhị sĩ phất nghiệp, nhất nữ bất triều,

Hai kẻ sĩ không có chức, một gái không được phong

何以王齊國子萬民乎

hà dĩ vương Tề-quốc, tử vạn dân hồ?

lấy gì cho nước Tề thịnh, cứu muôn dân?

於陵子仲尚存乎

Ô Lăng Tử Trọng thượng tồn hồ?

Ô-Lăng Tử Trọng còn chăng?

« Nàng Anh-nhi, họ Bắc-Cung

« Là người hiếu-thảo, ở cùng mẹ cha,

« Thân-hôn trọn đạo đến già

« Tình duyên gác bỏ, sa-hoa chẳng màng.

« Nêu cao chữ Hiếu làm gương,

« Sao nay chưa được sắc vàng tặng phong ?

« Đã hai xử-sĩ không dùng

« Lại người hiếu-nữ cũng không thưởng gì.

« Thì sao trị được dân Tê ?

« Mà Trần Trọng-tử, mọi bề vẫn dung !

其爲人也上不臣於王

Kỳ vi nhân dã : thượng bất thần ư vương

Ây là người trên không biết thờ vua

下不治其家中不索交諸侯

hạ bất trị kỳ gia, trung bất sách giao chư hầu

dưới không biết trị gia, giữa không biết giao hảo
chư hầu.

此率民而出於無用者

Thử suất dân nhi xuất ư vô-dụng giả

Thiệt là đồ vô dụng

何爲至今不殺乎

hà vi chí kim bất sát hồ?

sao đến nay còn chưa giết?

« Làm tôi, đã chẳng hết lòng,

« Làm cha, lại chẳng trị xong việc nhà.

« Chư-hầu ai cũng tránh xa,

« Con người vô-dụng còn chờ gì đây

« Mà không đem giết thẳng tay ? »



Sai Tử-Lộ hỏi thăm duyên-có...

苛政猛於虎

HÀ CHÍNH MÃNH Ư HỒ

CHÍNH-SÁCH HÀ-KHẮC TÀN-BẠO

HƠN CỌP

Lễ ký

TIỂU-DẪN. — Sách Lễ-ký cũng gọi là Tiểu-Đới ký : lúc đầu nhà Hán tìm ra được 131 thiên của học-trò Khổng-tử và người sau chép lại, đến Lưu-Hưóng khảo các sách vở, kiểm được 130 thiên, sau lại tìm ra Minh-đường âm-dương ký 33 thiên, Khổng-tử tam triều ký 7 thiên, Vương sử-thị ký 21 thiên, Nhạc-ký 23 thiên, tất cả là 240 thiên, Đái-Đức san lại, lược bớt những chỗ rườm-rà, còn 85 thiên, gọi là « Đại-Đái ký ». Em Đức lại san nữa thành 46 thiên, gọi là Tiểu-Đái ký. Cuối đời Hán, Mã-Dung đem phổ-biến, thêm thắt vào thành 49 thiên, tức là bộ Lễ-ký hiện nay vậy. Đời Hán, Trịnh-khang-Thành chú thích rất kỹ.

孔子過泰山側

Khổng-tử quá Thái-sơn trắc,
Khổng-tử đi qua bên núi Thái-sơn :

有婦人哭於墓者而哀

hữu phụ nhân khốc ư mộ giả nhi ai.
có một người đàn-bà khóc ở mộ rất thảm-thương.

夫子式聽之

Phu-tử thức thính chi,
Phu-tử cúi đầu xuống tâm gõ trên xe mà nghe,

使子路問之曰子之哭也

sử Tử-Lộ vấn chi viết : « Tử chi khốc dã,
sai Tử-Lộ hỏi rằng : « Tiếng khóc của bà

壹似重有哀者

nhất tự trùng hữu ai giả. »
đường như có nhiều nỗi đau buồn ? »

乃曰然昔者吾舅死於虎

Nãi viết : « Nhiên. Tích giả ngô cữu tử ư hồ,
Người đàn-bà liền trả lời rằng : « Đúng thế.
Ngày trước cha chồng tôi chết vì cọp,

吾夫又死焉今吾子又死焉

ngô phu hựu tử yên, kim ngô tử hựu tử yên. »
chồng tôi chết vì cọp, nay con tôi lại chết vì cọp ».

夫子曰何爲不去也

Phu-tử viết : « Hà vi bất khứ dã ? »
Phu-tử nói rằng : « Tại sao bà không bỏ đi ? »

Đức Không-tử qua sườn non Thái,

Thấy mù già khăn vái nhỏ to

Sụt-sùi lăn khóc bên mồ

Khiến ai nghe cũng sững-sờ động tâm.

Sai Tử-Lộ hỏi thăm duyên-cớ :

Vì sao mà khổ sở long-đong ?

Thưa rằng : « Cọp bắt cha chồng,

« Bắt chồng, rồi đến cuối cùng : bắt con ! »

Đức Không hỏi : « Sao còn ở đó

« Không tìm nơi xa hồ nương thân ? »

曰無苛政

Viết : « Vô hà chính. »

Người đàn-bà đáp : « Vì không có chính sách hà-khắc ».

夫子曰小子識之

Phu-tử viết : « Tiều tử chí chi. »

Phu-tử nói rằng : « Các trò ghi nhớ lấy điều đó. »

苛政猛於虎也

Hà chính mãnh ư hổ giũ. »

Chính-sách hà-khắc tàn-bạo hơn cọp ».

Mụ thừa : « Chính-sách chần dân

« Đây so nơi khác có phần dễ hơn ! »

Đức Khổng dạy : « Các con nhớ lấy

« Ác với dân, dân phải kinh-hoàng.

« Hùm beo, cũng chẳng sợ bằng ! »



*Thôi thôi cứ ở như lòng,
Việc này bói-toán quẻ không ứng nào!*

卜居
BỐC-CU

BÓI ĐƯỜNG CU-XỬ

屈平
Khuất-Bình

TIỂU-TRUYỆN. — Khuất-Nguyên tự Bình, làm quan tả-đô nước Sở đời Chiến-quốc, là người học rộng nhớ lâu, có tài chính-trị, nói năng bạt-thiệp. Sở Hoài-vương rất trọng dụng, giao phó cho thảo hiến-pháp. Khi Nguyên còn đang soạn thảo, thượng đại-phu Cẩn-thượng tính vốn ghen tị muốn đoạt lấy bản thảo, Nguyên không cho. Cẩn-Thượng bày chuyện tâu với Sở-Vương: Nguyên gặp ai cũng khoe tài, và tự kiêu là chỉ có mình mới có tài lập hiến-pháp. Vương nghe lời Cẩn-Thượng không dùng Khuất-Nguyên nữa. Nguyên biết mình bị kẻ gian-thần li-gián, thì lo buồn chán nản, làm ra tập « Ly tao » để tỏ nỗi hận lòng.

Nước Tấn muốn diệt Tề. Vì biết Tề và Sở có hiệp-ước tương trợ, Tấn sai Trương-Nghi đem vàng bạc

sang Sở mua chuộc, bảo Sở nêu đoạn giao với Tể, Tần sẽ cắt cho 600 dặm đất ở Thương-y. Sở-Vương vì tham, nghe lời Trương-Nghi đoạn giao với Tể; rồi cho sứ giả sang Tần để nhận đất. Trương-Nghi lật lọng là chỉ hứa với Sở 6 dặm đất thôi chứ không phải 600 dặm. Sở-Vương nổi giận, cất đại quân sang đánh Tần. Quân Sở thua to, lại bị Tần chiếm mất cả đất Hán-trung. Sở lại đem hết binh lực trong nước quyết tử chiến với Tần. Nước Ngụy nhân dịp đem quân đánh tập-hậu nước Sở. Sở vội rút quân về cự Ngụy. Một năm sau Tần bằng lòng trả lại Hán-trung cho Sở để nghị hòa. Sở-Vương nói không cần Hán-trung chỉ muốn được Trương-Nghi để trả thù. Trương-Nghi nói với Tần-Vương: «đổi một Trương-Nghi lấy Hán-trung, thần xin qua Sở». Nghi đem vàng sang hồi-lộ Cần-Thượng. Thượng nhờ ái-cơ Sở-vương khuyên vương tha cho Nghi về. Khi ấy Khuất-Nguyên vừa đi sứ ở Tể về, hỏi Sở-vương sao lại tha Trương-Nghi. Vương hồi, cho đuổi theo bắt, thì Nghi đã thoát rồi.

Sau đó chư hầu các nước cùng đem quân đánh Sở. Tần-chiêu-vương có thông hôn với Sở, mời Sở Hoài-Vương sang Tần tạm lánh. Khuất-Nguyên can rằng: «Tần là nước lang sói vô tín nghĩa, không nên sang». Con nhỏ Hoài-Vương là Tử-Lan nói: «Không nên trái ý Tần, cứ sang tạm lánh». Sở-Vương sang Tần, Tần giữ mặt, uy hiếp bắt Sở cắt đất cho Tần. Sở-vương không chịu, chạy qua Triệu. Triệu không tiếp. Bí thế lại quay về Tần, rồi chết ở đó. Con trưởng Hoài-vương là Hạng-tương-Vương kê vị dùng em là Tử-Lan làm thừa

tướng. Khuất-Nguyên oán vì Tử-Lan khuyên Hoài-vương sang Tần nên vương mới đến nỗi chết ở nước người.

Tử-Lan biết chuyện tâu với Sở-Tương-Vương. Vương nổi giận đuổi Khuất-Nguyên.

Khuất-Nguyên ra đến bờ sông, đầu bù tóc rối, mặt mày tiều tụy, vừa đi vừa than thở. Ngư-phủ gặp Nguyên hỏi rằng : « Ông có phải quan Tam-lư đại-phu đó chăng ? Vì sao ra nông nỗi này ? ». Nguyên nói : « Tất cả thế-nhân đời nay đều đục, chỉ có tôi là trong, họ đều mê, chỉ có tôi là tỉnh, nên tôi mới bị họ xua đuổi ». Ngư-phủ nói : « Bậc thánh hiền không câu nệ đến vật-chất, thì mới sông được với đời. Thế-nhân đã đục, sao ông không theo họ đục mà gây sóng gió, họ mê, ông cũng vờ mê mà uống rượu ăn cơm của họ. Việc gì cứ phải bảo thủ lấy phẩm giá của mình, để đến nỗi bị xua đuổi ? » Nguyên nói : « Con người ta tắm gội xong thì phải mặc áo sạch, đội mũ sạch, chứ lẽ nào lại đem thân trong sạch mà mặc đồ dơ bẩn ? »

Rồi lấy đá buộc vào người, tự trầm mình xuống sông Mịch-La, vào ngày 5 tháng 5, sau này là ngày tết Đoan-ngọ.

Sau khi Khuất-Nguyên chết được hơn một trăm năm, đời Hán Giã-Nghị làm thái-phó Trường-Sa khi qua nơi này có làm điều văn thả xuống sông để viếng Khuất-Nguyên.

屈原既放三年不得復見

Khuất Nguyên ký phóng, tam niên bất đắc phục kiến.

Khuất-Nguyên bị đuổi, 3 năm không được thấy vua.

竭智盡忠而蔽障於讒

Kiệt trí tận trung, nhi tể chương ư sàm.

Hết sức trung-thành nhưng bị kẻ sàm-báng hại.

心煩意亂不知所從

Tâm phiền ý loạn, bất tri sở tùng.

Lòng buồn ý loạn, không biết theo đâu.

乃往見太卜鄭詹尹曰

Nãi vãng kiến Thái-bồc Trịnh Thiểm-Doãn viết :

Bèn đến gặp Thái-bồc Trịnh-Thiểm-Doãn, nói :

余有所疑願因先生決之

— Dư hữu sở nghi, nguyện nhân tiên sinh quyết chi.

Tôi có chỗ ngờ, xin thầy quyết đoán cho.

詹尹乃端箕拂龜曰

Thiểm-Doãn nãi đoan sách phất quy viết :

Thiểm-Doãn bèn giở thẻ ra để gieo quẻ, hỏi :

君將何以教之

— Quân tương hà dĩ giáo chi ?

Nhà thầy muốn hỏi điều gì ?

屈原曰

Khuất Nguyên viết :

Khuất-Nguyên nói :

Khuất-Nguyên rủi bị vua Sở ghét

Đã ba năm, xa-biệt kinh-kỳ.

Trước kia : tài-giỏi ai bì !

Mà nay : dèm-báng thị-phi đủ vánh...

Lòng rầu-rĩ, gũn thành thác-loạn

Đến nhờ thầy Thiêm-Doãn thử coi

Rằng : « Đương nghi-ngại rồi bời

Xin thầy bói giúp cho tôi đôi điều ».

Thầy Thiêm-Doãn sắp gieo tìm quẻ,

Hỏi — Nhà-thầy lo-nghĩ chi nào ?

吾寧惓惓款款樸以忠乎

— *Ngô ninh khồn-khồn khoản-khoản phác dĩ trung hồ ;*

Tôi nên cô công giữ lòng trung

將送往勞來斯無窮乎

tương tống vãng lao lai, ty vô cùng hồ ?

hay nên đưa đón để khỏi cùng khôn ?

寧誅鋤草茆以力耕乎

Ninh tru sừ thảo mau dĩ lực canh hồ ;

Nên về nơi thảo dã cày bừa

將遊大人以成名乎

tương du đại nhân dĩ thành danh hồ ?

hay bôn tẩu theo người sang để cầu danh ?

寧正言不諱以危身乎

Ninh chính ngôn bất húi dĩ nguy thân hồ ;

nên nói thẳng không kiêng kị, để nguy vào thân

將從俗富貴以媮生乎

tương tùng tục phú quý dĩ thâu sinh hồ

hay theo lời phú-quý mà trộm lấy sống ?

寧超然高舉以保真乎

Ninh siêu nhiên cao cử dĩ bảo chân hồ

nên cư-xử cao-siêu để giữ lấy chân-tính

將呶訾慄斯喔咿嚅唅

tương tức tư lật ty, ốc y nhu nhi,

hay nên vuốt ve mơn trớn, cười gằn nịnh bợ.

Khuất-Nguyên bèn giải gót đầu,

Rằng : « Nên trung-trực trước sau giữ lẽ ?

« Hay là cũng đi về hầu-hạ,

« Cốt ấm no, chẳng sợ dạn-dây ?

« Nên vẽ vườn ruộng cấy cấy,

« Hay nên buôn-tầu theo bày công-danh ?

« Nên bạo nói, chẳng kinh quyền thế,

« Hay sống hèn theo kẻ sang giầu ?

« Sửa mình cho lấy cao-siêu,

以事婦人乎

dĩ sự phụ nhân hồ ?

để phụng-sự đàn bà ?

寧廉潔正直以自清乎

Ninh liêm khiết chính trực dĩ tự thanh hồ

nên thanh-liêm ngay thẳng để giữ trong sạch

將突梯滑稽如脂如韋以潔楹乎

Tương đột thô hoạt kê, như chi như vi, dĩ hiệp doanh hồ ?

hay mềm mại tròn trặn, như mỡ như da để cho trơn cửa ?

寧昂昂若千里之駒乎

Ninh ngang ngang nhược thiên lý chi câu hồ ;

nên tự đắc như ngựa chạy ngàn dặm

將汜汜若水中之鳬

tương phiếm phiếm nhược thủy trung chi phù,

hay nên lênh đênh như chim le ở dưới nước ?

與波上下偷以全吾軀乎

dữ ba thương há, thân dĩ toàn ngô khu hồ ?

theo sóng nổi chìm, để giữ thân cho vẹn

寧與騏驎亢軛乎

Ninh dữ kỳ kỳ kháng ách hồ

nên cùng ngựa kỳ ngựa ký lộn ách chăng ?

將隨鴛馬之迹乎

Tương tùy nô mã chi tích hồ ?

hay theo dấu chân ngựa xâu ?

« Hay nên mềm-yếu như chiều phụ-nhân ?

« Nên trong-sạch giữ thân ngay-thẳng ?

« Hay còng lưng, tròn-trặn nhựa-nhầy ?

« Nên cho rõ sức ngựa hay ?

« Hay nên bập-bồng như bày vịt le ?

« Vó kỳ-ký đợi khoe tài lạ

« Hay chạy luôn theo ngựa dung-thường ?

寧與黃鵠比翼乎

Ninh dữ hoàng-hộc tị dực hồ ;
nên cùng liêu cánh với chim hoàng-hộc

將與雞鶩爭食乎

Tương dữ kê vạ tranh thực hồ ?
hay nên tranh ăn với gà, với cò ?

此孰吉孰凶何去何從

Thử thực cát thực hung, hà khứ hà tòng ?
Như thế đâu là tốt, là xấu bỏ đâu theo đâu ?

世溷濁而不清

Thế hỗn trọc nhi bất thanh :
Đời đục ngầu không trong

蟬翼爲重千鈞爲輕

thuyền dực vi trọng, thiên quân vi khinh ;
cánh ve nặng, ngàn cân lại nhẹ

黃鐘毀棄瓦釜雷鳴

hoàng chung hủy khí, ngōa phủ lôi minh.
chuông vàng bỏ xó, viên khánh bằng ngói thì reo vang

譏人高張賢士無名

Sâm nhân cao trương, hiền sỹ vô danh.
kẻ xấu thì được phô ra, hiền sỹ thì không ai biết.

吁嗟默默兮誰知吾之廉貞

Hu ta mặc mặc hề, thùy tri ngô chi liêm-trinh !
Buồn thay, ai biết ta liêm-trinh.

« Cánh hồng thả sức dọc ngang

« Hay nên ăn quần theo gương gà què ?

« Lẽ lành dữ, hai bề khôn tỏ,

« Hối rằng theo, rằng bỏ, chưa hay.

« Nước trong bùn vẫn nổi đầy,

« Nhẹ như quả tạ, nặng tầy cánh ve !

« Chuông vàng bỏ, ngói khoe đặc ý,

« Kẻ gian lên, người trí hết phương.

« Than ôi, thẽ-sự mang-mang,

« Đục trong lẫn-lộn ai vàng ai thau ! »

詹尹乃釋筭而謝曰

Thiêm-Doãn nãi thích sách nhi tạ viết :

Thiêm-Doãn thu quẻ lại từ-tạ nói :

夫尺有所短寸有所長

— *Phủ xích hữu sở đoản, thốn hữu sở trường.*

thước có khi ngắn, tấc có khi dài.

物有所不足知有所不明

Vật hữu sở bất túc, trí hữu sở bất minh.

Vật có thứ không đủ, trí có chỗ không suốt.

數有所不逮神有所不通

Số hữu sở bất đãi, thần hữu sở bất thông.

Số có chỗ không kịp, thần có chỗ không thông.

用君之心行君之意

Dụng quân chi tâm, hành quân chi ý ;

Làm theo lòng ta, làm theo ý ta.

龜策誠不能知此事

quy sách thành bất năng tri thử sự.

Bói toán thật không thể biết được việc ông hỏi.

Doãn nghe nói liền thâu lại quẻ :

— Thước dẫu dài, tắc dễ ngắn sao !

« Vật thường thiếu-sót như nhau,

« Mười phần ai có khôn đâu cả mười !

« Ngay lý số. mấy người đoán được,

« Đến thần-minh, chưa chắc là thông.

« Thôi thôi cứ ở như lòng,

« Việc này bói toán, quẻ không ứng nào ! »



Thầy con thỏ chạy vấp cây vớ đầu

守株待兔

THỦ CHU ĐÁI THỎ

GIỮ GỐC CÂY ĐỢI THỎ

Hàn-Phi tử (1)

Tiểu-Dẫn. — Hàn-Phi là một vị công-tử nước Hàn, sinh vào cuối đời Chiến-quốc, cùng với Lý-Tur theo học Tuân-tử. Hàn-Phi có tật nói ngọng, không đàm-thuyết được, cho nên hay làm sách. Ông thầy nước Hàn suy-nhược, thường hay dâng thư lên Hàn-vương, bày tỏ đạo trị nước, nhưng không được dùng. Sau Tần đánh Hàn gấp lắm, vua Hàn sai ông đi sứ Tần. Vua Tần (tức về sau là Thi-Hoàng) đã xem sách của ông, vẫn có lòng kính-phục, muốn dùng, nhưng lúc ấy bạn ông là Lý-Tur đang làm tướng nước Tần, sợ mất quyền-lợi dèm với vua Tần, bắt Hàn-Phi bỏ ngục. Lý-Tur lại sai người đưa thuốc độc cho ông tự-tử. Hàn-Phi tuy không được dùng ở đời, nhưng cái học của ông sau được đem ra thi-hành ở nước Tần.

(1) Hàn-Phi là tên một bộ sách do Hàn-Phi, một pháp-gia thời Chiến-quốc soạn ra.

宋人有耕田者

Tống nhân hữu canh điền giả.

Có anh cây ruộng người nước Tống.

田中有株

Điền trung hữu chu.

Trong ruộng có gốc cây.

兔走觸株折頸而死

Thỏ tẩu xúc chu, chiết cảnh nhi tử.

Con thỏ chạy đụng gốc cây, gãy cổ chết.

因釋其耒而守株

Nhân thích kỳ lữ nhi thủ chu,

Vì thế người đó bỏ cày mà giữ gốc cây

冀復得兔

ký phục đắc thỏ.

mong lại bắt được thỏ.

兔不可復得

Thỏ bất khả phục đắc,

Nhưng không thể lại bắt được thỏ nữa,

而身爲宋國笑

nhì thân vi Tống quốc tiếu.

mà mình thì bị nước Tống chê cười.

Có người nước Tống đi cấy,

Thấy con thỏ chạy vấp cây vỡ đầu.

Bắt về nấu nướng chia nhau.

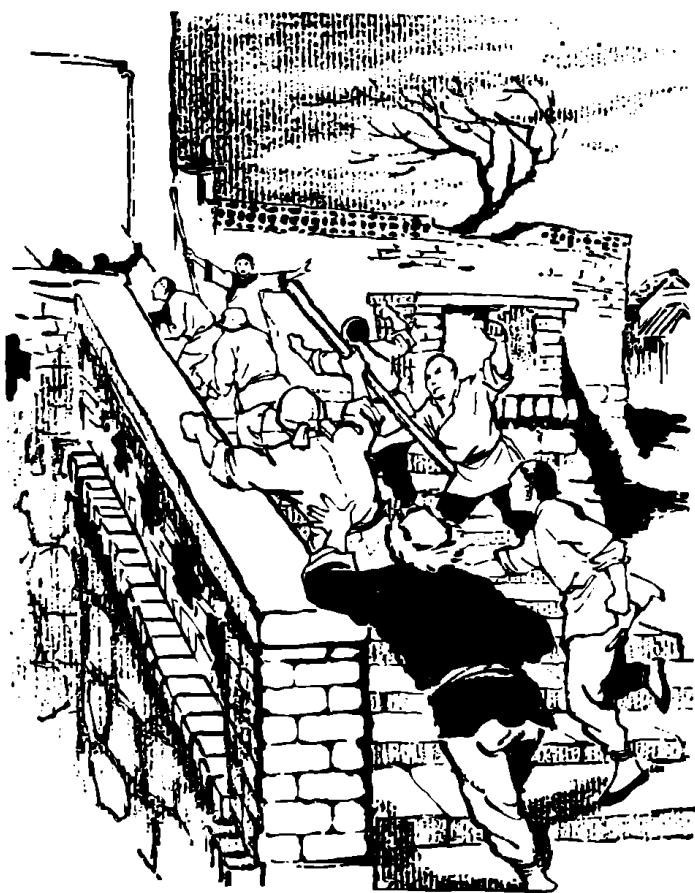
Quen mui rồi lại ra châu gốc cây.

Ngày ngày bỏ cả việc cấy,

Chỉ chờ những thỏ gốc cây đâm đầu !

Hỡi ội, thỏ chẳng thấy đâu,

Bỏ cấy, mất việc, lại câu mua cười !



Ít lâu có giặc Hồ qua,
Tráng-dinh liều chết xông ra giữ làng...

塞翁失馬
TÀI ÔNG THẤT MÃ

ÔNG LÃO TRÊN AI MẤT NGỰA

Hoài-Nam tử

TIỂU-DẪN. — Lúc Hán-sơ, quăng đời vua Cảnh-đề, một thân vương là Hoài-nam-vương Lưu-An tôn-sùng Nho-giáo, quy-tụ được nhiều nho-giả ở Sơn-đông ; Hoài-nam-tử là tên bộ sách do Lưu-An biên-soạn.

近塞上之人

Cận tái thượng chi nhân,

Có người ở gần đồn ải biên-giới

有善術者

hữu thiện thuật giả.

giỏi về thuật đạo-gia.

馬無故亡而入胡

Mã vô cớ vong nhi nhập Hồ.

Con ngựa vô cớ chạy vào đất Hồ mất.

人皆弔之其父曰

Nhân giai điếu chi. Kỳ phụ viết :

Những người khác đều đến chia buồn.

Người cha nói rằng :

此何遽不爲福乎

« Thử hà cự bất vi phúc hồ ? »

« Việc này biết đâu lại không là may ? »

居數月馬將胡駿馬而歸

Cư số nguyệt, mã tương Hồ tuấn mã nhi quy.

Được vài tháng, con ngựa đó đem con ngựa Hồ tốt trở về.

人皆賀之其父曰

Nhân giai hạ chi. Kỳ phụ viết :

Những người khác đều đến chúc mừng.

Người cha nói rằng :

Ông già ở chốn ải-biên,

Học thông, thông cả thánh-hiền Đạo-gia.

Một hôm con ngựa của nhà

Xồng tẩu, chạy tuốt ngay ra phía rừng.

Chủ-nhân còn nói lừng-khùng :

— Chắc đâu mất ngựa đã rằng là xui ?

Tháng sau, ngựa trở lại rồi,

Lại đem ngựa bạn, sóng đôi cùng về.

Người mừng, ông nói : « May gì !

此何遽不能爲禍乎

« *Thử hà cự bất năng vi họa hồ ?* »

« Việc này biết đâu lại không thể là rủi ? »

家富良馬其子好騎

Gia phú lương mã. Kỳ tử hiếu kỵ,

Nhà thêm ngựa tốt. Người con ham cưỡi ngựa,

墮而折其髀

đọa nhi chiết kỳ bễ

té gãy đùi.

人皆弔之其父曰

Nhân giai điếu chi. Kỳ phụ viết :

Những người khác đều đến hỏi thăm chia buồn

Người cha nói rằng :

此何遽不爲福乎

« *Thử hà cự bất vi phúc hồ ?* »

« Việc này biết đâu lại không phải là may ? »

居一年胡人大入塞

Cư nhất niên. Hồ nhân đại nhập tái.

Được một năm, người Hồ ủa vào đồn ải :

丁壯者引弦而戰

Đinh tráng giả dẫn huyền nhi chiến :

Kẻ trai-tráng trương cung ra kháng cự :

« Biết đâu rồi chẳng có khi tai-nạn ! »

Con trai sẵn ngựa, đua tràn,

Một hôm té ngã, gãy ngang xương đùi.

Xóm làng ai cũng ngậm ngùi,

Ông rằng : — « Đã chắc là xui đâu mà ! »

Ít lâu, có giặc Hồ qua,

Tráng-dinh liều chết xông ra giữ làng.

近塞之人死者十九

cận tái chi nhân, tử giả thập cửu.

những người gần ải chết đến chín phần mười.

此獨以跛之故父子相保

Thử độc dĩ bả chi cố, phụ tử tương bảo.

Chỉ vì có què chân,

mà cha con cùng bảo toàn được.

故福之爲禍禍之爲福

Cố phúc chi vi họa, họa chi vi phúc,

Bởi vậy may là rủi, rủi là may,

化不可極深不可測也

hóa bất khả cực, thâm bất khả trắc dã.

sự biến hóa không thể hiểu thấu,

lẽ sâu-xa không thể lường tính được.

Tử-thi chõng-chất ngoài đường

Con ông thoát được tai-ương vì... què !

Mới hay con tạo éo-le,

Phúc chăng hay họa ? có dè được đâu !



Đêm nghe lính bắt người...

石壕吏

THẠCH-HÀO LẠI

NGƯỜI LÍNH-LỆ THÔN THẠCH-HÀO

杜甫

Đỗ-Phủ

TIỂU-DẪN. — Đỗ-Phủ tự Tử-Mỹ, sinh năm Thiên-tiên I (712) đời vua Duệ-tôn (Thịnh-Đường). Vốn con nhà thế-phiệt, quê ở huyện Trường-an tỉnh Thiểm-tây, sau thiên xuống ngụ ở Thiệu-lăng, huyện Tương-dương tỉnh Hồ-bắc, nên lấy biệt-hiệu là Thiệu-lăng dã-lão.

Năm 20 tuổi, Đỗ đi chu-du khắp miền Ngô-Việt. Năm 30 tuổi thi hương-công không đỗ, lại cùng bè-bạn đi chơi đất Tế, đất Lỗ rồi dừng chân ở Lạc-dương.

Năm 40 tuổi đến ở huyện Trường-an bên sông Khúc-giang gặp vua Huyền-tôn đi tế Giao, Đỗ dâng bài Tam-đại-lễ phú, được vua khen và bổ làm thị-chê viện Tập-hiến.

Ở kinh-đô, Đỗ gặp Lý-Bạch, kết thành đôi bạn văn-chương rất tương-đắc.

Cách bốn năm sau, An-lộc-sơn khởi loạn, quan-quân thua ở Nghiệp-thành, quân-giặc định kéo vào cướp Hà-dương, nên Quách-tử-Nghi phải cho quân đóng giữ ở đây. Đỗ-Phủ được chứng-kiến những nỗi khổ của dân-gian trong lúc chiến-tranh, nên cảm-hứng làm ra bài *T'hạch-hào lại*.

Vua Huyền-tôn rồi chạy vào Thục, con là Túc-tôn lên ngôi ở Linh-vũ. Đỗ theo vua Túc-tôn làm chức Tả-thập-di. Gặp tể tướng Phòng-Quán là bạn thân bị bãi chức, Đỗ dâng sớ bênh-vực, vua nổi giận giáng làm tham-quân Hoa-châu. Vì bất đồng ý với Huyện-lệnh Hoa-châu, Đỗ bỏ quan về ẩn ở Đông-cốc. Năm ấy mất

mùa, Đỗ dời nhà vào bên suối Cán-hoa đất Thục. Bấy giờ Trịnh-quốc-công Nghiêm-Vũ làm tướng ở Thục, tâu xin cho Đỗ chức Công-bộ viên-ngoại-lang.

Đỗ tuy lĩnh chức mà vẫn ở nhà riêng bên suối Cán-hoa, ngâm thơ uống rượu, cuộc đất trồng rau, thông-dong, nhàn-tản.

Được ít lâu Nghiêm-Vũ chết, các tướng Thục nổi loạn, Đỗ phải lánh sang Quỳ-châu rồi sau lại phải chạy sang Đàm-châu.

Năm Đại-lịch thứ 6 (771) đời vua Đại-tôn, Đỗ lưu-lạc đến tỉnh Hồ-nam, xem khắp phong-cảnh sông Tiền-đường rồi lên núi Hoành-sơn. Một hôm đến huyện Lỗi-dương vào yết Nhạc-miêu gặp nước dâng to 10 ngày không về được. Quan huyện Lỗi-dương nghe tin thân hành đưa thuyền đến Nhạc-miêu đón về. Đến huyện, Đỗ uống rượu say quá rồi bị cảm mà chết, thọ 59 tuổi.

暮投石壕村
Mộ đầu Thạch-hào-thôn,

有吏夜捉人
Hữu lại dạ tróc nhân,

老翁踰牆走
Lão ông du tường tẩu.

老婦出門迎
Lão phụ xuất môn nghênh.

吏呼一何怒
Lại hô nhất hà nộ!

婦啼一何苦
Phụ đề nhất hà khổ!

聽婦前致辭
Thính phụ tiền chí từ:

三男鄴城戍
Tam nam Nghiệp thành thú

一男附晝至
Nhất nam phụ thừ chí:

二男新戰死
Nhị nam tân chiến tử.

存者且偷生
Tồn giả thả thâu sinh,

死者長已矣
Tử giả trường dĩ hĩ.

Thạch-hào chiều tới nơi,

Đêm nghe lính bắt người :

Ông lão trèo tường trốn

Bà lão mở cửa mời.

Lính giận lớn tiếng quát

Bà lão khóc sướt-mướt

Nghe kẻ-lê sụt-sùi

Chuyện thương-tâm não-nuột :

— Nhà có ba con trai

Đi lính cả ba người,

Con lớn vừa thư đến :

Hai em chết trận rồi.

« Kẻ sống chạy lấy thân,

Người chết đành vùi đó ;

室中更無人

Thất trung cánh vô nhân,

惟有乳下孫

Duy hữu nhũ hạ tôn.

孫有母未去

Tôn hữu mẫu vị khứ.

出入無完裙

Xuất nhập vô hoàn quần

老嫗力雖衰

Lão ầu lực tuy suy,

請從吏夜歸

Thỉnh tòng lại dạ qui,

急應河陽役

Cấp ứng Hà-dương dịch,

猶得備晨炊

Do đắc bị thân xuy.

夜久語聲絕

Dạ cửu ngữ thanh tuyệt,

如聞泣聲咽

Như văn khấp thanh yết.

天明登前途

Thiên minh đăng tiền đồ,

獨與老翁別

Độc dữ lão ông biệt.

Nhà cửa còn ai đâu ?

Còn đứa cháu đang bú.

« Cháu may nhờ mẹ nó

Thương con chẳng dứt tình,

Dù muốn đi chẳng nữa,

Áo rách thôi lại đành !...

« Lão tuy đã già yếu,

Xin theo ông đồng hành ;

Dù chẳng giúp nên việc,

Xin hầu-hạ cơm canh ! »

Trong lặng-lẽ đêm trường,

Tiếng thồn-thức áo-não.

Sớm dậy ta lên đường,

Nhà chỉ còn ông lão :

Nhìn nhau cùng bế-bàng...



Bên sông cao ngất Đằng-vương các

滕王閣序
ĐẰNG VƯƠNG CÁC TỰ

BÀI TỰ CÁC ĐẰNG-VƯƠNG

王勃
Vương Bột

TIỂU DẪN. — Vương Bột tự Tử-An, quê huyện Long-môn đất Giáng châu. Dòng-dõi thư-hương, ba anh em đều đỗ Tiên-sĩ, đời gọi là *Vương-gia tam-châu-thụ*.

Tử-An có thiên-tài, làm văn không phải rập, lại tinh-thông y-học, thường đến Quắc-châu thử các vị thuốc. Lại giỏi lý-sô, truyền lại quyển *Đại-Đường Thiên-tuê-lịch*, đời sau theo đây mà làm lịch và thông-thư.

Năm 19 tuổi, một hôm vào ngày mồng 9 tháng 9, Vương-tử-An nhân đi Giao-châu thăm cha làm thái-thú ở đó, tiện đường qua huyện Nam-xương, gặp khi có

tiệc ở gác Đăng-vương do quan Đô-độc Hồng-Châu là Diêm-bá-Dur đãi liêu-thuộc. Tử-An tuy còn ít tuổi nhưng vì nổi tiếng văn-chương, vả lại là con một quan thái-thú đông-liêu với Diêm, nên cũng được mời.

Diêm-bá-Dur muốn khoe tài con rể là Ngô-tử-Chương nên đã bảo làm sẵn bài tự Đăng-vương-các, rồi lại lấy đầu-đế ấy yêu cầu các tân-khách làm. Các tân-khách đều có ý nhường Ngô-tử-Chương. Riêng Tử-An không biết dụng ý của Diêm đô-độc, cầm bút viết ngay. Diêm không bằng lòng nhưng không tiện nói ra, cho người đứng bên Tử-An xem viết được câu nào thì cho biết ngay. Khi thấy câu mở đầu, Diêm công đã nguôi giận, kịp nghe đến câu :

Lạc hà dữ cô vụ tề phi

Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc

Diêm-công khen thực là thiên tài.

Tử-An viết xong, tân-khách xúm lại xem, ai nấy đều bái phục. Ngô-tử-Chương xấu-hổ không dám đưa bài mình ra. Trước đó, năm 14 tuổi, Tử-An gặp quan Thái-thường Lưu-tường-Đạo, dâng thơ bày tỏ chí mình. Tường-Đạo xem rất lấy làm kinh-dị, dâng lên vua Cao-Tôn (650-683). Vua cho triệu Tử-An vào điện thi đôi sách, được liệt vào hạng cao-đệ, làm chức Triều-tán-lang. Thường dâng lên những bài tụng, được ban khen, từ đây tiếng tăm lừng-lấy.

Bái-vương nghe danh mời về phủ làm chức Tu-soạn. Lúc ở Vương-phủ viết bài Bình-đài yêu-lược, được Bái-vương rất trọng. Thời ấy các vương-công nhàn-hạ hay bày ra trò chơi chọi gà. Tử-An tuổi trẻ máu hăng lại cạy thê Bái-vương, mới viết đùa một bài hịch gọi là Đầu-kê hịch-văn. Không ngờ có người tâu với vua Cao-Tôn. Vua cho là khinh nhờn các bậc thân vương liền giáng ra làm quan úy ở Kiêm-nam, Tứ-xuyên.

Năm 28 tuổi sang Giao-Chỉ thăm cha, Vương-Bật bị đắm thuyền chết đuối ở biển Nam-hải.

Sau đó, Cao-Tôn một hôm đọc bài tự Đăng-vương-các trên đây, lấy làm kinh-dị, định cho triệu đế thăng chức cho thì đã muộn. Cao-Tôn thường nói :

— Đọc đến câu phú « *Lạc hà...* », ngâm đến câu thơ « *Các trung đề-tử...* ». Trẫm phải gấp quyển lại một lúc mà than tiếc cho bậc kỳ-tài nhưng yếu-mệnh.

Bài « *Đăng-vương-các* » quả là một áng văn trác-tuyệt, lời văn lộng-lẫy, ý-tứ súc-tích, chúng tôi dịch ra đây chỉ cốt để trình-bày ý-nghĩa mà thôi, không thể chuyển được đôi phần cái đẹp của Hán-văn sang Việt-văn.

南昌故郡洪都新府

Nam-xương cũ quận, Hồng-đô tân phủ.

(Đây là) quận cũ Nam-xương,
phủ mới Hồng-đô.

星分翼軫地接衡廬

Tinh phân Dực Chấn, địa tiếp Hành Lô.

Sao phân ngôi Dực, ngôi Chấn :
đất nối núi Hành, núi Lô.

襟三江而帶五湖

Khâm tam giang nhi đới ngũ hồ ;

Như cổ áo của ba sông, vòng đai của năm hồ ;

控蠻荆而引甌越

Không Man-Kinh, nhi dẫn Âu Việt.

khuất phục đất Man Kinh, tiếp dẫn miền Âu Việt.

物華天寶龍光射牛斗之墟

Vật hoa thiên bảo, long-quang xạ ngưu đầu chi khu.

Vẻ rực-rỡ của vật chính là đồ quý báu của trời ;
ánh sáng vẫn rồng chiếu lên khu-vực sao Đầu sao Ngưu.

人傑地靈徐穉下陳蕃之榻

Nhân kiệt địa linh, Từ-Trĩ hạ Trần-Phôn chi tháp.

Bậc hào-kiệt do khí linh-tú của đất mà có ;
cao-sĩ Từ-Trĩ hạ chiếc giường treo của Trần-Phôn.

Quận Nam-xương : phủ Hồng-đô mới, (1)

Dực Chấn soi hai núi Hành Lô, (2)

Ba sông thất lại năm hồ,

Man-Kinh Âu-Việt gồm thu một vùng. (3)

Bao của báu, trời chung-đức sẵn,

Át Đầu-Ngưu, gươm ánh sáng ngời, (4)

Đặt thiêng, người hẳn khác đời,

Giường chờ Từ-Trí, vắng thời đem treo ! (5)

(1) Gác Đăng-vương ở đất Hồng-châu, tức quận Nam-xương khi trước, giờ đổi tên là phủ Hồng-đô.

(2) Dực, Chấn : tên hai ngôi sao. Hành, Lô, tên hai trái núi : địa thế Hồng-Châu, trên trời có sao Dực sao Chấn chia hai bên, dưới đất có núi Hành núi Lô có tiếng là cao lớn.

(3) Man Kinh là nước Sở, Âu-Việt thuộc về Triết-Giang. Đều là ở trong địa-thể Hồng-Châu.

(4) Ngưu Đầu là hai vì sao. Xưa Tấn-vũ-Đế thấy vào khoảng sao Ngưu sao Đầu chiếu thẳng xuống, thường có ánh-sáng ở dưới đất xông lên. Vũ-Đế hỏi Lôi-Hoán, Hoán đáp : đó là tinh-hoa của thanh kiếm báu. Sau Hoán cho đào chỗ đất ấy lên, quả nhiên được hai thanh gươm, một thanh Mạc da, một thanh Can tương. Đây tả của báu của Hồng-Châu.

(5) Từ-Trí, tức Từ-nhụ-tử, nhà cao-sỹ ở miền đó. Khi Trần-Phồn làm thái-thú, rất trọng Từ-Trí, có để riêng một cái giường. Trí đến thì hạ xuống mời ngồi, Trí đi thì lại treo lên, không để ai ngồi nữa. Đây là nói người giỏi ở Hàng-Châu. Yên-đỗ khóc Vân-dĩnh : « Giường kia treo cũng hững-hờ » là ở điển này.

雄州霧列俊彩星馳

Hùng-châu vụ liệt tuân-thái tinh trì.

Chôn hùng châu như sương mù giải-giăng;
người anh-tuân như ngôi sao rong-ruổi.

臺隍枕夷夏之交

Đài hoàng chẩm Di Hạ chi giao.

Đài, hào nằm gối lên giao-giới vùng Di, Hạ;

賓主盡東南之美

Tân chủ tận đông nam chi mỹ.

khách, chủ đều là những vẻ đẹp miền đông, nam.

都督閻公之雅望榮戟遙臨

Đô đốc Diêm-công chi nhã-vọng, khải kích dao-lâm.

Tiêng-tám của đô-độc Diêm-bá-Dur cùng với những
khải-kích đi đến miền xa.

宇文新州之懿範襟帷暫駐

Vũ-văn tân-châu chi ý phạm, thiêm duy tạm trú.

Quan thái-thú Vũ-văn-Quân, là mô-phạm của châu
mới, tạm dừng xe tại chôn này.

十旬休暇勝友如雲

Thập tuân hưu-hạ, thắng hữu như vân.

Mười tuần nhàn rồi, bạn tốt như mây;

千里逢迎高朋滿座

Thiên-lý phùng nghinh, cao-bằng mãn tọa.

ngàn dặm đón chào, bạn hiền đầy chỗ.

Hơi sương tỏa hùng-châu mờ-mịt,

Ánh sao sa, tuần-kiệt bao người !

Hạ, Di thành-quách lâu-đài, (6)

Chen vai chủ khách, tuyệt vời Đông Nam.

Diêm đô-đốc tiếng thơm chính-tích, (7)

Đoàn quân hầu dân kích sâm-nghiêm.

Phong-châu, quan mục dự bên, (8)

Ngựa xe đóng-dã, càng thêm oai hùng.

Mười tuần nghỉ, bạn đông mây tỏa,

Ngàn dặm xa, đơn-đả vui-vầy.

(6) Di là một tên đất ở phía nam Hồng-Châu. Hạ là một tên đất ở về Đông Nam Hồng-Châu.

(7) Tức là Diêm-bá-Dur, người chủ bữa tiệc này.

(8) Vũ Văn là tên quan châu mới ở Phong-thành, thuộc phủ Hồng-Châu, cũng đến dự tiệc.

騰蛟起鳳孟學士之詞宗

Đềng giao khởi phượng, Mạnh học-sĩ chi từ-tôn.

Giao-long vượt cao, phụng-hoàng nổi dậy,
đó là văn-chương Mạnh học-sĩ đứng đầu văn-giới,

紫電青霜王將軍之武庫

Tử điện thanh sương, Vương tướng-quân chi vũ-khố.

Gươm Tử-điện và Thanh-sương, đó là oai-võ của
Vương tướng-quân, cai-quản vũ khố.

家君作宰路出名區

Gia-quân tác tể, lộ xuất danh khu.

Nhân cha tôi làm quan tể tại Giao-châu
tôi đi thăm, qua miền nổi tiếng này.

童子無知躬逢盛饌

Đổng-tử vô tri, cung phùng thịnh tiển.

Kẻ đồng-tử này đâu biết có việc chi,
hân-hạnh gặp buổi tiệc linh-đình.

時維九月序屬三秋

Thời duy cửu nguyệt, tự thuộc tam thu.

Lúc này đương là tháng chín, thuộc về ba thu.

潦水盡而寒潭清

Lạo-thủy tận nhi hàn-đàm thanh.

Nước rãnh cạn, đầm lạnh trong ;

煙光凝而暮山紫

Yên-quang ngưng nhi mộ-sơn tử.

ánh khói đọng, núi chiều tím.

Văn-chương học sĩ ai tày ? (9)

Rõ là phượng múa rồng bay thừa giờ...

Sương thu rợn, giương lòe sắc tía,

Vương tướng-quân rõ vẻ võ-thần ! (10)

Nhân đường đi yết đấng-thân,

Ngờ đâu trẻ được dự tuần tiệc khao.

Tiết tháng chín, khí thâu hiu-hắt,

Nước bên đầm, lạnh ngắt trong veo.

Non xa nhuộm tía bóng chiều,

(9) Quan học sỹ họ Mạnh là người văn hay, hiện có dự tiệc.

(10) Tướng quân họ Vương là quan võ giỏi, cũng cùng dự tiệc.

儼驂駢於上路

Nghiêm tham phi ư thượng lộ,
Trông ngựa xe trên đường cái;

訪風景於崇阿

Phỏng phong cảnh ư sùng a.
hỏi phong-cảnh nơi gò cao.

臨帝子之長洲

Lâm đế-tử chi trường châu,
Đền miên Trường-châu của đế-tử,

得仙人之舊館

Đắc tiên-nhân chi cựu quán.
tìm được quán cũ của người tiên.

層巒聳翠上出重霄

Tầng loan tủng thúy, thượng xuất trùng-tiêu.
Núi non cao biếc, nhô khỏi lớp mây;

飛閣流丹下臨無地

Phi các lưu-đan, hạ lâm vô địa.
hóng gác bay, màu son chảy, dưới không sát đất.

鶴汀鳬渚窮島嶼之縈迴

Hạc đình phù chủ, cùng đảo dự chi oanh hồi.
Bên hạc, bãi phù quanh-co đến tận đảo cồn;

桂殿蘭宮即岡壑之體勢

Quế điện lan cung, tức cương loan chi thể thể.
điện quế, cung lan bày ra cái thể thể của núi non.

Một đoàn chủ khách dập-dìu ruỗi-dong.

Qua gò-đống mái trông hoa cỏ,

Đây lâu xưa là chỗ vương gia ; (11)

Người tiên quán cũ đâu ta,

Ngang lâu tăng núi nguy-nga ngất trời !

Nước bên dưới toi-bời sóng bạc,

Bãi xung-quanh, bóng hạc vầy-vùng.

Quẽ lan la-liệt trong cung,

(11) Để từ là con vua, trở vào Đăng vương ngày trước.

披繡闥俯雕甍

Phi tú thát, phủ điêu mang.

Mở rộng cửa tô, cúi xem cột chạm.

山原曠其盈視川澤盱其駭矚

Sơn nguyên khoáng kỳ doanh thị,

Xuyên trạch hu kỳ hãi chúc.

—Đồng núi trông rộng khắp; sông đầm nhìn hãi kinh.

閭閻撲地鐘鳴鼎食之家

Lư diêm phác địa, chung minh đỉnh thực chi gia.

Cửa ngõ giăng mặt đất,

đó là những nhà rung chuông, bày vạc;

舸艦迷津青雀黃龍之軸

A hạm mê tân, thanh-tước hoàng-long chi trục.

thuyền bè chập bên sông,

trục vẽ chim sẻ xanh, con rồng vàng.

虹鎖雨霽彩徹雲衢

Hồng tiếu vũ tễ, thái triệt vân cù.

Cầu vồng tan, cơn mưa tạnh,

vẻ rực sáng, suốt đường mây.

落霞與孤鶩齊飛

Lạc hà dữ cô vưu tề phi.

Ráng chiều rơi xuống,

cùng cái cò đơn chiếc đều bay;

秋水共長天一色

Thu thủy cộng trường thiên nhất sắc.

làn nước sông thu với bầu trời kéo dài một sắc.

Song the mở khoát, một vùng bao-la :

Sóng quần-quại gần xa rợn mắt,

Núi chập-chồng rải khắp đó đây.

Bến sông phấp-phới cò bay,

Xóm làng : nhà cửa chen đầy đình-chung.

Mưa vừa tạnh. cầu vồng vừa lặn,

Đường mây xa, bóng nắng còn vương.

Cò đơn ránh lẻ bay ngang

Trời thu liền với trường-giang một màu.

漁舟唱晚響窮彭蠡之浦

Ngư chu xướng vãn hưởng cùng Bành-lãi chi tảo.

Thuyền câu hát ban chiều, vang đến bên Bành-lãi;

雁陣驚寒聲斷衡陽之浦

Nhạn trận kinh hàn, thanh đoạn Hành-dương chi phồ.

Bầy nhạn kinh rét, tiếng kêu dứt bờ Hành-dương.

遙吟俯暢逸興遄飛

Dao ngâm phủ xướng, dật hứng suyển phi.

Khúc ngâm xa-xôi sáng-khoái;

hứng-thú phiêu-dật bay nhanh.

爽籟發而清風生

Sảng lai phát nhi thanh-phong sinh,

纖歌凝而白雲遏

tiêm ca ngưng nhi bạch-vân ứ.

Tiếng vui phát sinh, gió mát nổi dậy;

ca nhẹ lắng chìm, mây trắng lưu lại.

淇園綠竹氣凌彭澤之樽

Kỳ viên lục trúc, khí lừng Bành-trạch chi tôn,

Tre lục vườn Kỳ, khí lan chén rượu Bành-trạch;

鄴水朱華光照臨川之筆

Nghiệp thủy chu hoa, quang chiếu Lâm-xuyên chi bút.

sắc đỏ sông Nghiệp, ánh soi ngọn bút Lâm-xuyên.

四美具二難并

Tứ mỹ cụ, nhị nan tòng.

Sẵn bốn điều hay, đủ hai bậc tốt.

Chài hát tối vang hồ Bành-lãi, (12)

Nhạn kêu sương ghen bãi Hành-dương. (13)

Hồn thơ theo hứng lâng-lâng,

Gió tuôn hơi mát, ca ngừng bóng mây.

Chén Bành-trạch, vườn tày Kỳ-trúc, (14)

Nét Lâm-xuyên, bút học Nghiệp-hoa (15)

Nhị nan, tứ mỹ đã vừa, (16)

(12) Bành lãi tức là hồ Phan dương.

(13) Hành dương là bên nam núi Hành sơn.

(14) Trúc biểc ở Kỳ-viên, tức là lời tặng người có đức. Bành-trạch, tên huyện : xưa Đào Tiềm làm tri-huyện Bành-trạch thường mời khách uống rượu, trong bọn khách có người có đức tốt mà rượu cũng tài.

(15) Nghiệp-thủy là nơi có nhiều văn-nhân mà cũng là nơi Tào Tháo nổi nghiệp. Trong bài cổ-thi vịnh đất Nghiệp-thủy có câu « *châu hoa mạo lục trì* » (hoa đỏ ra hồ biểc) để chỉ những người tài giỏi ở đó. Sau Vương-hy-Chi, làm nội-sử ở Lâm-xuyên, viết bài thơ ấy ra bút-pháp đặc-biệt. Hai câu này là tả bữa tiệc đó có đủ các bậc tài giỏi văn-chương đến dự.

(16) Nhị nan : hai điều khó, tức là hiền-chủ gia-tân : chủ giỏi gặp khách hay. Tứ mỹ là bốn điều tốt : mỹ cảnh (cảnh tốt) — lương thời (thời tốt) — thường tâm (bụng vui vẻ mà thường-ngoạn) — lạc sự (những việc thú, thích).

窮睇眄於中天極娛遊於暇日

Cùng thể miện ư trung thiên, cực ngu du ư hạ nhật
Ngắm khắp khoảng trời, vui hết ngày nhàn rồi.

高地迥覺宇宙之無窮

Thiên cao địa quỳnh, giác vũ-trụ chi vô cùng.
Trời cao, đất xa, biết vũ-trụ rộng vô cùng;

興盡悲來識盈虛之有數

Hứng tận bi lai, thức doanh-hư chi hữu số.
hứng hết, buồn về, hiểu đây vui là có số.

望長安於日下指吳會於雲間

Vọng Trường-an ư nhật hạ, Chỉ Ngô hội ư vân gian.
Trông Trường-an dưới mặt trời;
trở Ngô-hội trong khoảng mây.

地勢極而南溟深

Địa-thê cực nhi nam-minh thâm.
Thê đất tận cùng, biển Nam sâu thăm;

天柱高而北辰遠

Thiên trụ cao nhi bắc-thần viễn.
cột trời cao ngất, sao Bắc xa-xôi.

關山難越誰悲失路之人

Quan san nan việt, thùy bi thất-lộ chi nhân.
Quan san khó vượt, nào ai thương người lạc lối;

萍水相逢盡是他鄉之客

Bình thủy tương phùng, tận thị tha-hương chi khách.
bèo nước gặp nhau, hết thấy là khách tha-hương.

Dọc-ngang thỏa-thích sớm trưa miệt-mài.

Cao lũng-lộng, vòm trời man-mác,

Rộng mống-mênh, mặt đất bao-la.

Vui rồi, buồn lại nầy ra :

Số chung vũ-trụ vốn là đây vơi.

Ngóng Ngô-hội, mây trôi tản-mác,

Đoái Tràng-an, bóng gác ngàn dâu.

Miền nam thế đất hiểm sâu,

Ngảnh nhìn về bắc cột đầu ngất trời !

Màu quan-tái : thương người lạc lối,

懷帝閭而不見

Hoài đế-hôn nhi bất kiến.

Tưởng nhớ chôn cửa vua, không trông thấy được ;

奉宣室以何年

Phụng tuyên-thất dĩ hà niên!

phụng chiêu nơi Tuyên-thất, chẳng biết năm nào !

嗚呼時運不齊命途多舛

Ta hô! Thời vận bất tề, mệnh đồ đa suyễn.

Than thời vận chẳng thườg, số mệnh ngang trái.

馮唐易老李廣難封

Phùng-Đường dị lão, Lý-Quảng nan phong.

Phùng-Đường dễ già nua, Lý-Quảng khó được
phong hầu.

屈賈誼於長沙非無聖主

Khuất Giả-Nghị ư Trường-sa, phi vô thánh-chúa.

Giả-Nghị bị khuât nơi Trường-sa,
chẳng phải không vua hiền thánh ;

竄梁鴻於海曲豈乏明時

Thoán Lương Hồng ư hải-khúc, khởi phạp minh-thì.

Lương-Hồng phải náu miền hải giốc,
đâu có thiếu thời quang-minh.

所賴君子安貧達人知命

Sở lại: Quân-tử an bần, đạt-nhân tri mệnh.

Nhờ được : người quân-tử vui cảnh nghèo,
bậc đạt-nhân biết rõ mệnh.

Cảnh nước bèo, cùng nổi bơ-vơ.

Trông vời chẳng thấy dễ-đô,

Bao giờ Tuyên-thất được vua triệu về (17)

Ngắm thời-vận éo-le thêm ngán,

Buồn mệnh-cung lắm hạn lao-đao.

Số đâu Lý-Quảng phong hầu (18)

Phùng-Đường lận-đận bạc đầu luống
[công...(19)]

Truất Giả-Nghị, ví không lỗi chúa, (20)

Đầy Lương-Hồng, há đổ tại thời ? (21)

(17) Tuyên-thất là tên một cung-điện về đời Hán. Giả-Nghị đời Hán bị truất, sau lại được Văn đế vời về Tuyên-thất.

(18) Lý-Quảng làm quan Hữu-bình bắc-hải thái-thú đời Hán Vũ Đế, có tài thao-lược, giặc Hung-nô phải sợ, song chỉ vì có số kỳ-dị mà không được phong hầu.

(19) Phùng-Đường, đời Hán, già bạc đầu mà còn làm một chức quan nhỏ.

(20) Giả-Nghị đương làm quan to, chỉ vì người dèm mà phải truất ra tận đất Trường Sa.

(21) Lương-Hồng là người giỏi, được vua Ngụy Vũ Đế tin dùng, nhưng sau vì người dèm, cũng bị đày đi một chỗ xa.

老當益壯寧知白首之心

Lão đương ích tráng, ninh tri bạch-thủ chí tâm.

Tuổi già càng phải mạnh, nên hiểu lòng đầu bạc ;

窮且益堅不墜青雲之志

Cùng thả ích kiên, bất trụy thanh-vân chí chí.

lúc cùng nên thêm vững, không rớt chí mây xanh.

酌貪泉而覺爽處涸轍以猶懼

Chước tham-tuyền nhi giác sảng,

xử hạc triết dĩ do hoan.

Uống nước Suối tham lòng vẫn sáng ;

ở nơi cùng khổ, bụng còn vui.

北海雖賒扶搖可接

Bắc-hải tuy xa, phù dao khả tiếp ;

Biển bắc tuy xa-xôi, nhưng cỡi gió có thể đi tới.

東隅已逝桑榆非晚

Đông ngu dĩ thế, tang du phi vãn.

Đã để trôi qua lúc mặt trời mọc phương đông ;

nhưng khi bóng lặn khóm tang-du,

phải đầu đã muộn.

孟嘗高潔空懷報國之心

Mạnh thường cao-kiết, không hoài báo quốc chí tâm.

Mạnh-thường thanh-cao, vẫn mang lòng báo quốc ;

阮籍猖狂豈效窮途之哭

*Nguyễn Tịch xướng-cương, khởi hiệu cùng đồ chi
khôc.*

Nguyễn-Tịch rõ đại, há bắt chước khóc đường cùng.

Phận nghèo quân-tử yên-vui,
Đạt-nhân thì ắt mệnh trời đã hay.
Gan sắt đá dù thay tóc trắng,
Chí mây xanh càng gắng khi cùng.
Suối tham, lòng vẫn giữ trong,
Lạch khô, sống cũng thông dong chẳng buồn.
Xa bề Bắc, gió tuôn cũng tới, (22)
Mất gò Đông, gở lại bóng dâu, (23)

(22) Bề Bắc : miền Bắc-hải dù xa-xôi cũng nhờ gió mà đến nơi.

(23) Đông ngu là gò bên đông, chỉ phía mặt trời mọc. Tang là cây dâu, du cũng là một thứ cây. Mặt trời khi lặn, ánh sáng còn phảng-phất trên ngọn cây, cho nên người ta lấy chữ tang-du nói về cảnh chiều và cũng đề ví với người nhiều tuổi. Cô thi có câu « *thất chi đông ngu, thu chi tang du* » (mất đông ngu còn thu lại tang-du) ý nói trẻ đã lớn thì còn mong ở tuổi già.

勃三尺繳命一介書生

Bột, tam xích vi-mệnh, nhất giới thư-sinh.

Bột này là đứa nhỏ ba thước, một gã học-trò.

無路請纓等終軍之弱冠

Vô lộ thỉnh anh, đẳng Chung quân chi nhược quán.

Không có đường xin giải dây dài !

như tuổi niên-thiếu của Chung-Quân ;

有懷投筆慕宗慤之長風

Hữu hoài đầu bút, mộ Tông-xác chi trường phong.

nhưng có hoài-bảo vút cây bút,

yêu mến cơn gió dài của Tông-Xác.

舍簪笏於百齡奉晨昏於萬里

Xả trâm-hốt ư bách linh phụng thân-hôn ư vạn lý.

Bỏ rơi trâm hốt ở trăm năm :

theo việc thân hôn ngoài vạn dặm.

非謝家之寶樹接孟氏之芳鄰

Phi Tạ-gia chi bảo-thụ Tiếp Mạnh thị chi phương-lân.

Tuy không phải là cây báu nhà họ Tạ,

nhưng được ở gần hàng xóm tốt của họ Mạnh.

他日趨庭叨陪鯉對

Tha nhật xu đình, thao bồi Lý-đôi.

Ngày sau, tôi sẽ rảo bước trên sân,

lạm phụ thêm lời đôi đáp của ông Lý.

今晨捧袂喜託龍門

Kim thân phụng mệ, hỷ thác long-môn.

Sớm nay, nâng tay áo,

vui mừng được gởi-gắm họ tên tại Cổng Rồng.

Mạnh-thường vì nước uống sâu (24)
 Còn hơn Nguyễn-Tịch rừng sâu khóc rồ ! (25)
 Bột-tôi vốn trẻ thơ ba thước,
 Tuổi thơ-sinh chưa được thỉnh-anh (26)
 Deo gươm, ném bút mới đành,
 Muốn cùng Tôn-Xác bằng mình gió khơi ! (27)
 Gác trâm-hốt, bao đời dòng-dõi,
 Vâng thần-hôn, ra cõi xa-xôi.
 Tạ-gia bấu ấu khôn noi (28)

(24) Mạnh-Thường, đời Hán, tính-hạnh cao-khiết, có lòng
 khẳng-khải báo quốc, mà suốt đời chỉ làm thái-thú.

(25) Nguyễn-Tịch là một tay tài giỏi đời Ngụy Tấn, không
 chịu làm quan, chỉ uống rượu và ngao-du sơn thủy. Tịch thường
 một mình ngồi xe vào rừng, đến chỗ đường cùng thì lại than
 khóc một lúc rồi về.

(26) Thỉnh anh là xin cái dây. Đời Vũ Đế nhà Hán, nước
 Tàu cùng nước Nam đánh nhau. Chung Quân đương làm bác
 sĩ, mới có 20 tuổi đứng ra tình nguyện đem cái dây đi trói
 bắt vua nước Nam. Vương Bột tiếc không theo được thỉnh anh
 như Chung Quân, vì chưa đủ tuổi (20 tuổi, tuổi đội mũ).

Năm ấy Vương mới 19. « *tuổi còn non* ».

(27) Ban-Siêu đời Hán đương làm thư-ký sau chán nản
 ném bút theo việc quân. Tôn-Xác tên tự là Nguyên-Căn,
 người Nam-Dương, đời Tống. Lúc còn nhỏ, người chú hỏi
 chí muốn làm gì. Xác đáp muốn cỡi gió khơi phá muôn trùng
 sóng. Sau Xác quả làm tướng.

(28) Tạ-Huyền có tài giỏi, người chú rất quý, ví như cây
 bấu trong sân.

楊意不逢撫凌雲而自惜

Dương Ý bất phùng, phủ Lăng-vân nhi tự tích.

Không gặp Dương-Ý, đọc thiên lăng-vân mà tự tiếc.

鍾期既遇奏流水以何慚

Chung-kỳ ký ngộ, tâu Lưu-thủy dĩ hà tàm?

Đã gặp Chung-Kỳ, tâu khúc lưu-thủy có hổ thẹn gì?

嗚呼勝地不常盛筵難再

Ta hô! Thắng-địa bất thường, Thịnh-diễn nan tái.

Than ôi! Chỗ danh-thắng chẳng thường tồn-tại, bữa tiệc lớn khó gặp hai lần.

蘭亭已矣梓澤丘墟

Lan-đình dĩ hĩ, Tử-trạch khuư hư.

Lan-đình còn đâu nữa, Tử-trạch thành gò hoang.

臨別贈言幸承恩於偉饒

Lâm biệt tặng ngôn, hạnh thừa ân ư vĩ tiếu.

Hân-hạnh được thừa ân trong bữa tiệc vĩ-đại này, tôi viết lời tặng khi lâm biệt.

登高作賦是所望於羣公

Đăng cao tác phú, thị sở vọng ư quần công.

Còn như lên cao làm phú, việc đó mong-mỏi nơi các ông.

敢竭鄙誠恭疏短引

Cảm kiệt bỉ thành, cung sơ đoản dẫn.

Xin giãi lòng thành quê-kịch, cung kính làm bài tự ngắn.

Láng-giềng Mạnh-mẫu tạm nguôi tắc thành. (29)

Đợi ngày khác, đi trình lý-đối, (30)

May hôm nay được tới cửa rồng (31)

Lăng-vân, ngâm-ngợi chờ mong, (32)

Chung-Kỳ đã gặp, thẹn lòng nửa chi. (33)

Nơi danh-thắng mấy khi thịnh mãi,

Tiệc vui mừng họp lại dễ sao !

Lan-đình chốn cũ giờ đâu ? (34)

Thử xem Từ-trạch về sau còn gì ? (35)

(29) Bà mẹ Mạnh-Kha chọn xóm hay mà ở để con theo được gương tốt. Vương-Bột muốn nói : Tuy không giỏi như Tạ-Huyền, nhưng cũng được yên lòng là con nhà gia-giáo.

(30) Lý là tên Bá-Ngư, con đức Khổng-Tử. Khổng-Tử cho Bá-Ngư học ở ngoài, thỉnh-thoảng về có hỏi sự học thì Bá-Ngư mới nói. Đời sau con nói với cha, thì gọi là Lý đối.

(31) Cửa Rồng là Long-môn : Lý-Ứng đời Hán có tiếng tài giỏi, kẻ sĩ được đến chơi, đều cho như là được tới cửa rồng.

(32) Tư Mã Tương Như, đời Vũ đế nhà Hán, khi chưa gặp được Dương-Ý tiến cử lên vua, vẫn đọc bài phú Lăng-Vân mà than tiếc một mình.

(33) Bá-Nha gặp Chung-Tử-Kỳ đánh đàn cho nghe mà Từ-Kỳ biết là trong bụng Bá-Nha đang nghĩ đến giếng nước chảy.

(34) Lan đình là nơi Vương-Hi-Chi yến khách. Vương-Hi-Chi là một tay bút thiếp danh-tiếng.

(35) Từ-Trạch là tên nơi vườn mà Thạch-Sùng ngao-du. Thạch-Sùng là một phú-gia, giàu có nứt tiếng.

一言均賦四韻俱成

Nhất ngôn quán phú, tứ vận câu thành :

Trước ngữ một lời, sau bày tình ý, đồng thời bốn vận đều xong.

滕王高閣臨江渚

Đềng-vương cao các lâm giang-chử,

佩玉鳴鸞罷歌舞

Bội ngọc minh loan bãi ca vũ.

畫棟朝飛南浦雲

Họa đông triều phi nam-phô vân ;

朱簾暮捲西山雨

Châu liêm mộ quyển tây-sơn vũ.

閒雲潭影日悠悠

Nhàn vân đàm-ảnh nhật du du,

物換星移幾度秋

Vật hoán tinh di kỷ độ thu !

閣中帝子今何在

Các-trung đề tử kim hà tại ?

檻外長江空自流

Hạ ngoại trường-giang không tự lưu...

Lúc lâm-biệt, xin ghi lời tạ,

Nơi lầu cao, đôi chữ dâng lên.

Lòng thành tùy lượng người trên,

Lời quê lại nổi một thiên bốn văn :

Bến sông cao ngắt Đàng-vương các,

Loan ngọc xa rồi, thôi múa hát (36)

Nam-phõ cột lũng mây sớm bay,

Tây-sơn rèm cuốn mưa chiều hắt.

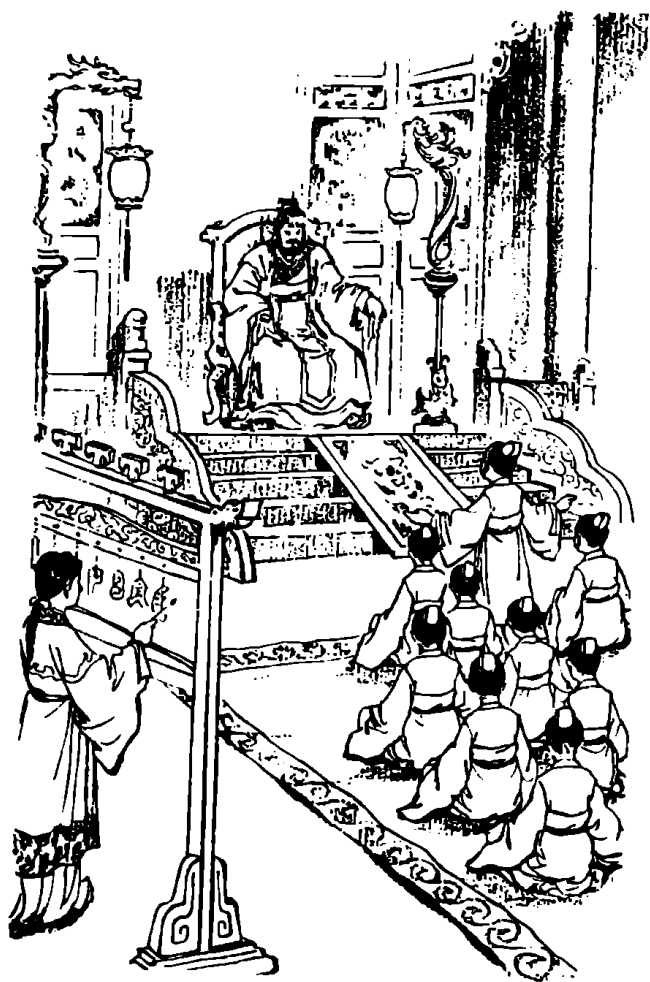
Cuộc thế suy-di mấy độ rồi,

Mặt đầm lũng-thững bóng mây trôi.

Vương-gia trong các giờ đầu tá ?

Chỉ thấy hiên ngoài nước chảy xuôi...

(36) Bội-ngọc : đeo ngọc — trở những bậc vương-công quyền-quý. Minh-loan : xe loan của bậc vương-giả lúc đi có tiếng chuông báo. — Ý nói các bậc công-khanh tan châu về rồi thì ca múa cũng nghỉ.



*Đêm đàn ngày hát,
Làm Tân cung-nhân!*

阿房宮賦

A PHÒNG CUNG PHÚ

BÀI PHÚ CUNG A-PHÒNG

杜牧

Đỗ Mục

TIỂU-DẪN. — Đỗ-Mục tự Mục-Chi, hiệu Phàn-Xuyên, quê huyện Lâm-đông, tỉnh Thiểm-tây, sinh vào đời Văn-Đường, vốn con nhà dòng-dối, thông-minh lanh-lợi, phóng-dật hào-hoa.

Năm 18 tuổi, Đỗ du-ngọa nơi kinh-đô, làm bài phú A-phòng được nổi tiếng.

Năm 26, đỗ tiên-sĩ (đời vua Văn-tôn 827-841). Ngưu-tăng-Nhự, tiết-độ-sứ Hoài-nam đóng ở Dương-châu mời Đỗ làm bí-thư. Đỗ ở chức nhỏ, lòng rất phẫn-uất.

Dương-châu là nơi văn-vật miền Nam nước Tàu. Đỗ lại đương độ thanh-niên, lãng-mạn, nên ngày đêm cứ miệt-mải nơi thanh-lâu tửu-quán. Sau bè-bạn khuyên-nhủ mới tỉnh-ngộ.

Ở Dương-châu về kinh, được thăng giám-sát ngự-sứ. Đến cuối đời vua Văn-tôn thiên ra làm thứ-sứ Hoàng-châu sau lại cải-nhậm thứ-sứ Trì-châu và Hồ-châu.

六王畢四海一

Lục vương tũt, tứ hải nhất,
Sáu vua hết thời, bốn bể thông nhất.

蜀山兀阿房出

Thục sơn ngột, A-phòng xuất.
Giữa miền núi Thục cao phẳng,
cung A-phòng hiện ra.

覆壓三百餘里隔離天日

Phúc áp tam bách dư lý, cách ly thiên nhật.
Che kín hơn ba trăm dặm, xa cách mặt trời.

驪山北構而西折直走咸陽

Ly sơn bắc cấu nhi tây chiết, trực tầu Hàm-dương.

Núi Ly-sơn nổi từ bắc, ngoẹo sang tây, chạy thẳng đến Hàm dương.

二川溶溶流入宮牆

Nhị xuyên dung dung, lưu nhập cung tường.
Hai con sông nước tràn đầy chảy vào bên vách cung.

五步一樓十步一閣

Ngũ bộ nhất lâu, thập bộ nhất các,
Năm bước có một lầu, mười bước một gác.

廊腰縵迴簷牙高啄

lang yêu man hồi, thiềm nha cao trác.

Những mấp thành mái nhà nhô cao, tựa như chim đậu ăn thóc.

Sáu vua phút chốc tan mây khói,
Bốn biển tóm thâu một mối.
San bằng ngọn Thục cao vọi,
Xây cung A-Phòng chói-lọi.
Phủ kín ba trăm dặm ngoài,
Khiến cho mặt trời phải tối.

Dãy Ly-sơn từ Bắc ngoặt sang Tây, thẳng tới
[Hàm-dương.

Hai sông mênh-mông,
Chảy vào cung tường.
Năm bước một lầu,
Mười bước một gác,
Thành mái nhô cao,
Như chim mỏ thóc.

各抱地勢鉤心闢角

Các bão địa thế, câu tâm đầu giác.

Trung-tâm mái nhà như móc câu hợp lại.

Những góc nhà đối nhau như đương tranh đấu nhau.

盤盤焉囿囿焉

Bàn bàn yên, khuân khuân yên,

Quanh co, khuất khúc,

蜂房水渦蟲不知其幾千萬落

*phong phòng thủy oa, xúc bất tri kỳ kỳ thiên
vạn lạc !*

giống như những buồng ong, vũng nước ở trên cao,
không biết bao nhiêu ngàn vạn giọt nước rơi xuống

長橋卧波未雲何龍

Trường kiều ngọa ba, vị vân hà long ?

Những cầu dài nằm trên làn sóng ;

không có mây, sao có rồng (cầu trông giống rồng) ?

複道行空不霧何虹

Phức đạo hành không, bất tê hà hồng ?

Những con đường nổi liền cung điện tưởng chừng đi
trong không trung ; không có trời mưa tạnh, sao có
cầu vồng (đường trông giống như cầu vồng) ?

高低冥迷不知西東

Cao đê minh mê, bất tri tây đông.

Cao cao, thấp thấp, mờ昧, lẫn lộn,

không phân biệt được đông, tây.

Địa-thế bao vây,

Vòng câu uốn góc.

Quanh-co, khuất-khúc,

Phòng quây như tổ ong,

Nước trên mái rỏ xuống hàng muôn vàn giọt.

Câu vượn trên mặt sóng :

Không mây sao có rồng !

Hành-lang liền cung như đi trên không :

Không mưa mà có cầu vồng !

Thấp cao loạn mắt,

Đâu là Tây Đông ?

歌臺暖響春光融融

Ca đài noãn hưởng, xuân quang dung dung.

Trên đài ca, tiếng vang âm như nắng xuân.

舞殿冷袖風雨淒淒

Vũ điện lãnh tú, phong vũ thê thê.

Dưới điện múa,

những ông tay áo lạnh như vừa qua cơn mưa gió.

一日之內一宮之間

Nhất nhật chi nội, nhất cung chi gian,

而氣候不齊

nhi khí hậu bất tề.

Trong một ngày,

tại một cung mà khí-hậu không đều nhau.

妃嬪嬙媵王子皇孫

Phi tần tường dượng, vương tử hoàng tôn,

辭樓下殿輦來於秦

từ lầu hạ điện, liễn lai ư Tần.

Các bà phi-tần, mạng phụ, các ông vương tử, hoàng tôn (của sáu nước) dời lầu, xuống điện, cỡi xe về hàng nhà Tần.

朝歌夜絃爲秦宮人

Triêu ca dạ huyền, vi Tần cung nhân.

(Những bà đó) ngày nay sớm hát, tối đàn, làm cung nhân cho vua Tần.

Đài hát lắng tiếng ca,

Nắng xuân ấm-áp.

Điện múa, rộn tay áo,

Mưa gió đìu-hiu.

Mỗi cung qua mỗi ngày,

Ấm-lạnh khác chiều.

Vương-tôn sáu nước,

Vẽ châu nhà Tần !

Lên xe, xuống điện,

Mệnh-phụ, phi-tấn,

Đêm đàn, ngày hát,

Làm Tần cung-nhân.

明星熒熒開妝鏡也

Minh tinh huỳnh huỳnh, khai trang kính dũ ;

Sao sáng rực-rỡ : đó là những tấm kính nơi trang-đài mở rộng.

綠雲擾擾梳曉鬟也

lục vân nhiễu nhiễu sơ hiều hoàn dũ ;

Mây lục rối bời : đó là những mớ tóc các nàng chải ban sáng.

渭流漲膩棄脂水也

Vị lưu trưởng膩, khí chi thủy dũ ;

Giòng sông Vị chảy : đó là nước sông trang-diễm do các nàng đổ đi.

烟斜霧橫焚椒蘭也

yên tà vụ hoành, phẫn tiêu lan dũ ;

Khói tỏa nghiêng nghiêng, sương mù nằm ngang : đó là làn hương bốc lên từ cây tiêu, cỏ lan các nàng đốt.

雷霆乍驚宮車過也

lôi đình sạ kinh, cung xa quá dũ ;

Sấm sét thành linh kinh động : đó là tiếng xe cộ trong cung chạy qua.

轆轤遠聽杳不知其所之也

lộc lộc viễn thính, yểu bất tri kỳ sở chi dũ.

Tiếng xe âm vang đến tận miền xa, không biết xe đi đến nơi nào.

Bời-bời mây biếc,

Ấy tóc chải ban mai.

Muôn sao lấp-lánh,

Ấy gương trên trang-đài.

Khói hương lan-tiêu

Như là-là sương rơi...

Sông Vị cuộn-cuộn

Bao phần thừa nổi trôi !

Như sấm như sét :

Xa-giá chạy đình tai

Âm vang xa thẳm

Vọng nghe hương chuyển nơi nơi.

一肌一容盡態極妍

Nhất cơ nhất dung, tận thái cực nghiên,
Một làn da, một dáng mặt, rất yêu kiều đẹp-đẽ.

綰立遠視而望幸焉

mạn lập viễn thị nhi vọng hạnh yên ;

有不得見者三十六年

hữu bất đắc kiến giả tam thập lục niên.

Những nàng cung-nữ đứng giờ lâu, trông phía xa, ngóng đợi xe vua tới; có nàng 36 năm không được thấy xe vua.

燕趙之收藏韓魏之經營

Yên Triệu chi thu tàng, Hàn Ngụy chi kinh doanh,

Những đồ châu chứa của các nước Yên, Triệu, những của kinh-doanh của các nước Hàn, Ngụy,

齊楚之精英幾世幾年

Tề Sở chi tinh anh, kỷ thế kỷ niên,
những vật tốt đẹp của nước Tề, nước Sở, trong bao nhiêu đời, bao nhiêu năm,

取掠其人倚疊如山

thủ lược kỳ nhân, ý điệp như sơn.
bóc-lột của nhân dân, chồng-chất như núi non.

一旦有不能輸來其間

Nhất đán hữu bất năng, thân lai kỳ gian.
Một sớm, không giữ được nổi, phải đưa nạp tại nơi này.

Dáng người nét mặt,

Yêu-kiểu nên thơ ;

Ngóng xe loan cung-nữ gần-ngơ,

Có kẻ ba mươi sáu năm chưa thấy xe vua !

Yên Triệu thấu chứa,

Hàn Ngụy kinh-doanh,

Tinh-anh Tề Sở,

Bóc lột dân lành,

Bao năm bao đời

Chống-chất như thành.

鼎鑄玉石金塊珠礫棄擲還迢
Đỉnh dương ngọc thạch, kim khối châu lịch,
khí trịch lý dĩ.

Nào đỉnh, vạc, ngọc, đá,
 nào khối vàng, hạt trai, vứt bỏ đầy rẫy.

秦人視之亦不甚惜
Tân nhân thị chi, diệc bất thậm tích.
 Người Tân trông thấy,
 cũng không thương tiếc nhiều.

嗟乎
Ta hồ !
 Than ôi !

一人之心千萬人之心也
nhất nhân chi tâm, thiên vạn nhân chi tâm giã.
 Lòng của một người là lòng của ngàn vạn người.

秦愛紛奢人亦念其家
Tân ái phân sa, nhân diệc niệm kỳ gia.
 Nhà Tân tuy thích xa-xỉ,
 nhưng mọi người cũng nghĩ đến gia-đình.

奈何取之盡錙銖
Nại hà thủ chi tận chuy thù,

用之如泥沙
dụng chi như nê sa !
 Tại sao lại vét sạch cả những đồ nhỏ mọn,
 rồi dùng như cát bùn ?

Một sớm không giữ nổi,

Dâng nộp, thôi đành !

Đinh, vạc, vàng, đá,

Châu ngọc ngồn-ngang.

Người Tần trông thấy,

Cũng không tiếc thương !

Than ôi ! lòng dân,

Một người như muôn người.

Người Tần tuy thích xa-xỉ,

Để ai không xót của trời.

Đỡ mọn sao mà vơ-vét sạch

Coi như bùn cát phung-phí hoài

使負棟之柱多於南畝之農夫

Sử phụ đồng chi trụ đa ư nam mẫu chi nông phu ;

Khiến cho những cây cột đội đòn nóc nhiều hơn những người nông-phu ở cánh đồng phía nam ;

架梁之椽多於機上之工女

đá lương chi triện đa ư cơ thượng chi công nữ ;

những khúc gỗ gác rường nhà nhiều hơn những cô thợ dệt trên khung cửi ;

釘頭磷磷多於在庾之粟粒

đinh đầu lân lân, đa ư tại dữu chi túc lập ;

những đầu đinh chạm nhau kêu vang nhiều hơn những hạt thóc trong kho chứa ;

瓦縫參差多於周身之帛縷

ngõa phùng sâm si, đa ư chu thân chi bạch lữ ;

những đường ngói tiếp giáp nhau so-le nhiều hơn những sợi vải, sợi tơ che phủ khắp mình ;

直欄橫檻多於九土之城郭

trực lan hoành hạm đa ư cửu thổ chi thành quách ;

những lan-can thẳng,

những ván hiên-ngang nhiều hơn những thành, quách của chín châu ;

管弦嘔啞多於市人之言語

quản huyền ôu nha, đa ư thị nhân chi ngôn ngữ.

tiếng đàn sáo ồn-ào nhiều hơn tiếng người trong chợ.

Đến nổi nơi đây :

Cột kèo nâng đỡ mái,

nhiều hơn dân cấy ruộng Nam ;

Gỗ trạm gác rường nhà,

nhiều hơn gái ngồi khung dệt ;

Đầu đình lấp-lánh,

nhiều hơn thóc chứa trong kho ;

Ngói mái lô-sô,

nhiều hơn tơ lụa trên mình chàng chệt ;

Hành-lang dọc ngang,

nhiều hơn chín châu thành quách ;

Đàn sáo sơn-sao,

nhiều hơn tiếng chợ họp ồ-ạt.

使天下之人不敢言而敢怒

Sử thiên hạ chi nhân bất cảm ngôn nhi cảm nộ :

Khiến cho người trong thiên-hạ không dám nói ra, nhưng dám cảm giận.

獨夫之心日益驕固

độc phu chi tâm nhật ích kiêu cố.

(Nhưng) lòng của tên độc-phu ngày càng thêm kiêu-căng, ngoan-cổ.

戍卒叫函谷舉

Thú tốt khiêu, Hàm-cốc cử ;

(Vĩ thê), tên lính thú Trần-Thiếp cất tiếng hô lớn.

Lưu-Bang đánh phá cửa quan Hàm-cốc.

楚人一炬可憐焦土

Sở nhân nhất cự, khả lân tiêu thổ !

Một mối lửa của người nước Sở Hạng-Vũ cháy bùng.

Thương thay chỉ còn lại một đám đất cháy khô !

嗚呼

Ô hô !

Than ôi !

滅六國者六國也非秦也

diệt lục quốc giả, lục quốc dã, phi Tần dã.

Kẻ diệt sáu nước chính là sáu nước, chứ không phải nhà Tần.

族秦者秦也非天下也

Tộc Tần giả, Tần dã, phi thiên hạ dã.

Kẻ giết cả họ nhà Tần chính là nhà Tần, chứ không phải thiên-hạ.

Khiến thiên-hạ không dám nói ra, nhưng
[dám phẫn-uất,

Lòng hôn-quân ngày thêm kiêu-căng quá
[quất.

Một tên lính hô to,

Cửa Hàm-cốc phá diệt.

Mỗi lửa Hạng-võ bùng lên,

Đốt cháy rụi hết !

Than ôi,

Diệt sáu nước, chính do sáu nước, đâu phải
[là Tần !

Diệt nhà Tần, chính do nhà Tần, đâu phải
[muôn dân !

嗟乎使六國各愛其人
Ta hồ ! sử lục quốc các ái kỳ nhân,

則足以拒秦
tắc túc dĩ cự Tần ;

Ồi ! Giả sử sáu nước yêu thương dân mình, thì đủ sức chống lại nhà Tần.

秦復愛六國之人
Tần phục ái lục quốc chi nhân,

則遞三世可至萬世而爲君
tắc đệ tam thế khả chí vạn thế nhi vi quân,

誰得而族秦也
thùy đắc nhi tộc Tần giã ?

Giả sử nhà Tần yêu thương dân sáu nước, thì làm vua không những ba đời mà có thể đến muôn đời, ai có thể diệt cả họ được ?

秦人不暇自哀而後人哀之
Tần nhân bất hạ tự ai, nhi hậu nhân ai chi ;
 Người nhà Tần không kịp tự thương mình, mà người đời sau thương.

後人哀之而不鑑之
hậu nhân ai chi nhi bất giám chi,

亦使後人復哀後人也
diệc sử hậu nhân phục ai hậu nhân giã !

Người đời sau thương nhà Tần, mà nếu không lấy đó làm gương, thì cũng lại khiến người đời sau thương cho người đời sau vậy !

Sáu nước ví thương dân,

Hắn rằng ngăn được Tần.

Tần mà thương sáu nước,

Muôn đời ai diệt phân !

Tần chữa kịp thương mình,

Lại để người sau thương...

Người sau ví chẳng soi gương

Thì người sau nữa, lại thương cho mình !



Lửa binh cận-dại?

Hay Hán, hay Tân?

弔古戰場

ĐIỀU CỖ CHIẾN-TRƯỜNG

VIỆNG BÃI CHIẾN-TRƯỜNG XƯA

李華

Lý-Hoa

TIỂU-DẪN. — Lý Hoa, tự Hà-thúc, đỗ tiến-sĩ đời Khai-nguyên nhà Đường, làm quan đến chức giám-sát ngự-sử. Sau bị quyền-thần ghen-ghét, ông cáo quan về sống cuộc đời nhàn-tản.

浩浩乎

Hạo hạo hõ!

平沙無垠復不見人

Bình sa vô ngân, quỳnh bất kiến nhân.

Bao-la thay! sa-mạc phẳng không bờ, xa xa không thấy người.

河水縈帶羣山糾紛

Hà thủy oanh đới, quần sơn củ phân.

Nước sông quanh-co, núi non rồi bờ.

踏兮慘悴風悲日曛

Ấm-hề thảm tụy, phong bi nhật huân.

Ấm-đạm hể thê-thảm! Gió buồn, nắng quái.

蓬斷草枯凜若霜晨

Bồng đoạn thảo khô, lẫm nhược sương

thần.

Bóng đứt, cỏ khô. Lạnh như buổi sớm sương rơi.

鳥飛不下獸挺亡羣

Điêu phi bất hạ, thú đĩnh vong quần.

Chim bay khôn xuống, muông chạy lạc bầy.

亭長告予曰

Đình trưởng cáo-dư viết :

此古戰場也嘗覆三軍

« Thử cổ chiến trường giã. Thường phúc

tam quân,

« Đây bãi chiến-trường xưa, từng tiêu-diệt ba quân,

Mênh-mông thay !

Bãi cát ngút trời,

Không một bóng người,

Nước sông uốn-éo,

Dãy núi rồi bời.

Âm-đạm thâm-thảm,

Gió gào nắng soi.

Cỏ khô, lau xém,

Lạnh buốt sương mai.

Chim không hạ cánh,

Thú sợ lạc bày.

Đình trường cho ta hay :

Xưa đây chiến-địa,

Ba-quân vui thây.

往往鬼哭天陰則聞

văng văng quỷ khóc, thiên âm tắc văn. »

thường có tiếng quỷ khóc nghe rõ lúc tối-tăm.»

傷心哉

Thương tâm tai !

秦歟漢歟將近代歟

Tần dư Hán dư ? Tương cận đại dư ?

Tấn ư, Hán ư, hay cận-đại ư ?

吾聞夫齊魏徭戍

Ngô văn phủ Tề Ngụy đao thú,

Tôi nghe nói : Lính thú nước Tề, nước Ngụy,

荆韓召募

Kinh Hàn triệu mộ.

lính mộ nước Kinh, nước Hàn,

萬里奔走連年暴露

Vạn lý bồn tẩu, liên niên bộc lộ.

chạy rong ngoài muôn dặm,

phơi mình hết năm này qua năm khác.

沙草晨牧河水夜渡

Sa thảo thần mục, hà thủy dạ độ.

Sáng chăn ngựa trên bãi cỏ sa-mạc ;

đêm lội qua sông.

地濶天長不知歸路

Địa khoát thiên trường, bất tri quy lộ.

Đất rộng, trời dài. Không biết đường về.

Đêm tối rền-rĩ,
Quỷ khóc rợn người.

Đau lòng thay !
Lửa binh cận đại
Hay Hán hay Tần ?

Ta nghe nói :

Tề Ngụy lính thú.
Kinh Hàn lính mộ,
Muôn dặm băng ngàn,
Luôn năm bộc-lộ.
Cỏ thừa cát vàng :
Sớm đi chẵn ngựa.
Sông nước lạnh lùng,
Nửa đêm lội bộ.
Đất rộng trời dài,
Đường về không rõ.

寄身鋒刃 膈臆誰訴

Ký thân phong nhận, phức ức thùy tở?

Gởi thân vùng gươm giáo, uất-ức ngổ cùng ai?

秦漢而還多事四夷

Tần Hán nhi hoàn, đa sự tứ di;

Từ đời Tần, Hán trở về, có nhiều chuyện với bốn rợ di.

中州耗斁 無世無之

trung châu hao đố, vô thế vô chi.

Sự tổn hại tại miền trung-châu không đời nào không có.

古稱戎夏不抗王師

Cổ xưng Nhung Hạ bất kháng vương-sư.

Những xứ xưa gọi là Nhung-Địch, Tây-Hạ đều không dám kháng-cự với quân-đội của Thiên-tử.

文教失宣 武臣用奇

Văn giáo thất tuyên, vũ thần dụng kỳ;

Văn-giáo không được truyền bá;

vũ thần thích dùng phép kỳ binh.

奇兵有異於仁義

kỳ binh hữu dị ư nhân nghĩa,

Kỳ binh khác với nhân nghĩa.

王道迂濶而莫爲

vương đạo vu khoát nhi mạc vi.

Cho vương đạo là vu-khoát, không làm.

Gửi thân gươm, dao,

Nổi lòng ai tỏ.

Từ Tần qua Hán,

Rợ Di dấy loạn.

Phá hại Trung-châu,

Đời nào cũng ngán !

Hai miền Hạ Nhung,

Xưa kia quy thuận,

Văn-hóa hết truyền,

Tướng chuyên đánh trận.

Chiến-trận có khác điều nhân nghĩa :

Nhân nghĩa không lợi, ai cũng chán.

嗚呼噫嘻

Ô hô ! Y hi !

吾想夫北風振漠

Ngô tưởng phù bắc phong chấn mạc,

Tôi nghĩ đến trận gió bắc thổi lộng sa-mạc,

胡兵伺便

Hồ binh tứ tiện.

quân Hồ thừa-cơ quây nhiều.

主將驕敵期門受戰

Chủ tướng kiêu địch, kỳ môn thụ chiến.

Chủ tướng khinh thường quân địch,

đến cổng trại cùng giặc giao chiến.

野豎旄旗川迴組練

Dã thụ mao kỳ, xuyên hồi tổ luyện.

Ngoài đồng dựng cờ xí, trên sông chập chiến-bào.

法重心駭威尊命賤

Pháp trọng tâm hãi, uy tôn mệnh tiện.

Phép nghiêm lòng sợ; uy cao, mạng hèn.

利鏃穿骨驚沙入面

Lợi thốc xuyên cốt, kinh sa nhập diện.

Mũi tên sắc xuyên thủng xương, cát bỏng rất đập vào mặt.

主客相搏山川震眩

Chủ khách tương bác, sơn xuyên chấn

huyễn.

Hai đoàn quân chủ, khách giao tranh: núi sông rung động, lấp-lóa.

Hỡi ôi thương thay !

Nghĩ đến lúc :

Bãi lộng gió Bắc,

Bình Hồ kéo vào,

Chủ tướng đã quen khinh địch,

Đề giặc xông đến thành-hào...

Cờ vung bãi rộng,

Sông nhộn chiến bào.

Phép uy lòng sợ,

Mạng người là bao !

Tên bay xương thủng,

Cát tấp như bào.

Hai quân tranh đấu,

Sông nước dạt-dào :

聲 柝 江 河 勢 崩 雷 電

Thanh tích giang hà, thê băng lôi điện.

Tiếng xẻ sông ngòi, thê long sấm sét.

至 若 窮 陰 凝 閉 凜 冽 海 隅

Chí nhược cùng âm ngưng bế, lâm liệt hải

ngu.

Đền nổi trời đất đóng kín, góc bể dữ-dội.

積 雪 沒 脛 堅 冰 在 鬚

Tích tuyết một hĩnh, kiên băng tại tu.

Tuyết cao ngập đùi vè, băng rắn bám trên râu.

驚 鳥 休 巢 征 馬 踟 躕

Chí điều hưu sào, chinh mã tri-trù.

Chim dữ nghỉ-ngoi trong tổ; ngựa chiến quanh-quẩn.

鎧 鏃 無 溫 墮 指 裂 膚

Tăng khoáng vô ôn, đoạ chỉ liệt phu.

Áo mỏng không đủ ấm

Ngón tay đường roi rụng, làn da muôn rách tung.

當 此 苦 寒 天 假 強 胡

Đương thử khổ hàn, thiên giả cường Hồ.

Đương lúc lạnh buốt ấy, trời cho bọn cường Hồ,

憑 凌 殺 氣 以 相 翦 屠

Bằng lăng sát khí, dĩ tương tiên đồ.

hông-hách sát khí, đến đánh giết nhau.

徑 截 輜 重 橫 攻 士 卒

Kinh tiết tri trọng, hoành công sĩ tốt.

Triệt thẳng quân nhu, giết bừa binh lính.

Long trời lở đất,
Chớp dật sóng trào.

Tưởng như vũ-trụ vừa đóng sập
Tận nơi góc biển còn kinh-hoàng !
Tuyết ngập ngang vế,
Râu tóc đầy băng,
Chim dữ nép tổ,
Ngựa chiến dùng-dăng.
Áo như tơ mỏng,
Chẳng ấm vào lưng.
Ngón tay như rụng,
Da dẻ nứt toang.
Đương khi rét buốt,
Rợn Hồ tràn sang,
Bùng bùng sát khí,
Xông-xáo bạo-tàn !

Chiếm hết quân-nhu,
Chém giết hung-hãn

都尉親降將軍覆沒

Đô-úy thân hàng, tướng-quân phúc một.

Đô-úy vừa đầu hàng, tướng-quân bị tử trận.

屍填巨港之岸

Thi điền cự cảng chi ngạn,

Thây lấp bờ cảng lớn,

血滿長城之窟

huyết mãn trường thành chi khố.

máu ngập lỗ thành dài.

無貴無賤同爲枯骨

Vô quý vô tiện, đồng vi khô cốt,

Không phân biệt sang hèn, thây đều là xương khô.

可勝言哉

khả thắng ngôn tai !

鼓衰兮力盡矢竭兮絃絕

Cổ suy hể lực tận, thi kiệt hể huyền tuyệt.

Tiêng trống yếu hể sức tận. Tên hết sạch hể dây đứt.

白刃交兮寶刀折

Bạch nhậm giao hể bảo đao chiết,

Gươm trần giao hể đao báu gãy.

兩軍感兮生死決

lưỡng quân túc hể sinh tử quyết.

Hai quân vội-vã hể quyết sông thác.

降矣哉終身夷狄

Hàng hỹ tai ! chung thân di địch ;

Hàng ư, trọn đời mọi rợ !

Đô-úy đầu hàng,

Tướng-quân chết trận.

Máu chảy ngập lỗ thành.

Thây phơi lấp bờ bến,

Kẻ sang người hèn,

Xương khô ai nhận ?

Kề sao cho xiết !

Tiếng trống là *chừ* lực kiệt.

Dây cung đứt *chừ* tên hết.

Gươm trần vùng *chừ*, đao gãy,

Khí xung-xát *chừ* quyết liệt !

Hàng ư ? đời thuộc man di.

戰矣哉 骨暴沙礫

chiến hỹ tai ! cốt bộc sa lịch.

Chiến ư, thân phơi bãi cát !

鳥無聲兮山寂寂

Điểu vô thanh hể sơn tịch tịch,

Chim không tiếng hể núi vắng-vẻ.

夜正長兮風淅淅

đạ chính trường hể phong tích tích.

Đêm dằng-dặc hể gió đều-hiu.

魂魄結兮天沈沈

Hồn phách kết hể thiên trầm trầm,

Hồn phách kết hể trời nặng nặng.

鬼神聚兮雲冪冪

quỷ thần tụ hể vân mịch mịch.

Quỷ thần tụ hể mây u-ám.

日光寒兮草短

Nhật quang hàn hể thảo đoản,

Ánh mặt trời lạnh hể cỏ ngắn.

月色苦兮霜白

nguyệt sắc khổ hể sương bạch.

Sắc vằng trăng buồn hể sương trắng.

傷心慘目有如是耶

Thương tâm thảm mục, hữu như thị da !

Lòng đau mắt thảm. Phải như thế không ?

Đánh ư ? xương phơi bãi cát.

Chim bắt tiếng *chừ* núi quạnh-hiu,

Đêm dằng-dặc *chừ* gió rên-xiết.

Hồn phách kết *chừ* trời âm-âm,

Quỉ thần tụ *chừ* mây, u-uất.

Ánh nắng lạnh *chừ* căn lá cây,

Trăng tẻ ngắt *chừ* sương trắng toát.

Đau lòng thảm mắt,

Đến thế được ru ?

吾聞之

Ngô văn chi :

牧用趙卒大破林胡

Mục dụng Triệu tốt, đại phá Lâm hồ,

Lý-Mục dùng quân Triệu cả phá rợ Lâm,

開地千里遁逃匈奴

khai địa thiên lý, độn đào Hung-nô.

mở đất đai ngàn dặm, ruồng đuổi bọn Hung-nô.

漢傾天下財殫力竭

Hán khuynh thiên-hạ, tài đần lực kiệt,

Triều Hán xô nghiêng thiên-hạ, của hết, sức nhọc.

任人而已其在多乎

nhậm nhân nhi dĩ, kỳ tại đa hồ?

Dùng người cốt xứng đáng mà thôi, có cần nhiều đâu !

周逐獫狁北至太原

Châu trục Hiêm-doãn, bắc chí Thái-nguyên.

Nhà Chu đánh đuổi rợ Hiêm-doãn đến tận miền

Thái-nguyên phía bắc ;

既城朔方全師而還

ký thành Sóc-phương, toàn sư nhi hoàn.

xây xong thành ở Sóc-phương, giữ toàn vẹn quân-đội trở về,

飲至策勲和樂且閒

Ấm chí sách huân, hòa lạc thả nhàn,

bổ-cáo tại nhà tông miếu, ghi chiến-công vào sổ sách.
đã vui-vẻ lại an-nhàn ;

Ta nghe nói :

Lý-Mục dùng binh Triệu,

Cả phá giặc Lâm Hồ,

Đuổi rồn quân mọi-rợ,

Ngàn dặm mở quy-mô.

Nhà Hán lấy thiên-hạ,

Đã tốn nhiều công phu,

Lọ phải người cho lắm,

Giỏi thì nên cơ-đỡ.

Binh Chu tới Thái-nguyên,

Phương Bắc thành lũy yên,

Đẹp xong rợ Hiêm-Doãn,

Đắc thắng, quân lại toàn.

Sở thưởng ghi công-trạng.

Dân mừng được thanh nhàn.

穆穆棣棣君臣之間

mục mục đại đại, quân thần chi gian.

cung kính, uy-nghi trong chốn vua tôi.

秦起長城竟海爲關

Tần khởi Trường thành, cánh hải vi quan.

Nhà Tần cất Trảng thành, đặt ải đền tận bể.

荼毒生靈萬里朱殷

đồ độc sinh linh, vạn lý chu ân.

bạo ngược sinh-linh, máu đọng đỏ tím muôn dặm.

漢擊匈奴雖得陰山

Hán kích Hung-nô, tuy đắc Âm-sơn,

Nhà Hán đánh Hung-nô, tuy chiếm được Âm-sơn,

枕骸遍野功不補患

châm hài biển dã, công bất bổ hoạn.

nhưng gởi xương khắp đồng, công chẳng bổ hại.

蒼蒼蒸民誰無父母

Thương thương chưng dân,

thùy vô phụ mẫu ?

Sinh dân trong trời đất ai mà không cha mẹ

提携捧負畏其不壽

Đề huề phủng phụ, úy kỳ bất thọ.

đắt dúi nâng-đỡ, sợ không sống lâu ;

誰無兄弟如足如手

Thùy vô huynh đệ? như túc như thủ ;

ai mà không có anh em, như chân như tay ;

Uy-nghi về đường-bệ,
 Vua tôi cùng hân-hoan.
 Tấn đắp thành Vạn Lý,
 Sát biển có ải quan.
 Bạo ngược hại dân nước,
 Máu đỏ loang dậm ngàn.
 Nhà Hán diệt Hung-tặc,
 Tuy đã chiếm Âm-sơn
 Gõi xương khắp đông bãi,
 Lợi chẳng bỏ hoang tàn.

 Sinh dân trong trời đất,
 Ai là không mẹ thầy
 Nâng niu, dìu dắt,
 Chỉ mong lâu dài.
 Ai không anh em,
 Như thể chân tay.

誰無夫婦如賓如友

thùy vô phu phụ? như tân như hữu ;
ai mà không có vợ chồng, như khách như bạn.

生也何恩殺之何咎

sinh dã hà ân? sát chi hà cữu?
Cho sống được ơn gì? giết đi có tội gì?

其存其沒家莫聞知

Kỳ tồn kỳ một, gia mạc văn tri.
Còn hay là mất, nhà chẳng ai biết.

人或言將信將疑

Nhân hoặc hữu ngôn, tương tín tương nghi
Có người nào nói, lại nửa tin nửa ngờ.

惓惓心目寢寐見之

quyên quyên tâm mục, tẩm寐 kiến chi.
Nỗi lo buồn ở trên mắt, trong lòng; khi nằm ngủ
trông thấy người thân.

布莫稱觴哭望天涯

Bố diện xưng thương (trường),
khốc vọng thiên nhai.
Bày lễ tế rót rượu chén khóc trông phía chân trời.

天地爲愁草木悽悲

Thiên địa vi sầu, thảo mộc thê bi,
Trời đất u sầu, cỏ cây thê-thảm.

Ai không chổng vợ,
 Như thề bạn bấy.
 Cho sống ơn gì đâu,
 Giết đi ai có hay !

 Còn hay là mất,
 Gia-quyễn ngăn-ngờ.
 Nghe người đồn-đại,
 Nửa tin nửa ngờ.
 Lòng sâu, mảy ử,
 Tìm nhau trong mơ !
 Bày lễ rót rượu,
 Khóc vọng nơi xa.
 Trời đất rầu-rĩ,
 Cây cỏ xác-xơ...

吊祭不至精魂何依

điều tể bất chí, tinh hồn hà y?

Không đến khi điều tể, tinh hồn nương tựa chôn
nào?

必有凶年人其流離

Tất hữu hung niên, nhân kỳ lưu-ly.

Tất rồi mất mùa, người sẽ linh-lạc.

嗚呼噫嘻時耶命耶

Ô hô! Y hi! Thời da! Mệnh da!

Than ôi! Than ôi! Thời ư, mệnh ư?

從古如斯爲之奈何

Tòng cổ như tư, vi chi nại hà!

Từ xưa như thế, còn biết làm sao?

守在四夷

Thủ tại tứ di.

Nên làm sao cho bốn rợ di, bảo-vệ đất đai của nhà vua.

Tẽ không thấu đến,

Hồn bay vật-vờ...

Rồi năm hạn-hán,

Bỏ quê bơ-vơ.

Than ôi, than ôi,

Thời ư? mệnh ư?

Trước nay vẫn thế,

Biết sao bây giờ?

Cảm hóa bốn rợ di sao cho tâm phục,

Mới mong yên cõi bờ...



Non Vu mơ tưởng lúc say nằm.

有所思
HỮU SỞ TU

NHỚ AI

盧全
Lư-Đồng

TIỂU-DẪN. — Lư-Đồng, đời Đường, người đất Tề-xuyên, biệt hiệu Ngọc-xuyên-tử. Vốn tính hiếu học, xem rộng, thích uống trà ngon, có làm bài « Trà-ca » rất được khen-ngợi. Sau gặp cuộc biến Cam-lộ, bị bọn hoạn-quan giết.

當時我醉美人家

Đương thì ngã túy mỹ nhân gia

美人顏色嬌如花

Mỹ nhân nhan sắc kiều như hoa,

今日美人棄我去

Kim nhật mỹ nhân khí ngã khứ

青樓珠箔天之涯

Thanh lâu châu bạc thiên chi nha.

渭渭嫦娥月

Quyên quyên thường nga nguyệt,

三五二八盈又缺

Tam ngũ nhị bát doanh hựu khuyết.

翠眉蟬髮生別離

Thúy my thiên phát sinh biệt ly

一望不見心斷絕

Nhất vọng bất kiến tâm đoạn tuyệt.

心斷絕兮幾千里

Tâm đoạn tuyệt hễ kỷ thiên lý.

夢中醉卧巫山雲

Mộng trung túy卧 vu sơn vân

Hôm nao lâu xanh say la-đà,

Mỹ-nhân yêu-điều tươi như hoa.

Giờ đây mỹ-nhân bỏ đi rồi !

Qua rèm, lặng trông chân trời xa...

Trăng mờ còn lúc tỏ ra,

Tóc tơ mây biếc biết là tìm đâu ?

Nỗi riêng luống những âu-sầu,

Vắng nhau một sớm, ruột đau ngàn tằm.

Non Vu mơ-tưởng lúc say nằm,

覺來淚滴湘江水
Giác lai lệ trích Tương giang thủy.

湘江兩岸花木深
Tương giang lưỡng ngạn hoa mộc thâm,

美人不見愁人心
Mỹ nhân bất kiến sầu nhân tâm.

含愁更奏綠綺琴
Hàm sầu cánh tấu lục ý cầm,

調高弦絕無知音
Điệu cao huyền tuyệt vô tri âm.

美人兮美人
Mỹ nhân hê mỹ nhân ;

不知爲暮雨兮爲朝雲
Bất tri vi mộ vũ hê vi triều vân,

相思一夜梅花發
Tương tư nhất dạ mai hoa phát,

忽到窗前疑是君
Hốt đáo song tiền nghi thị quân.

Tĩnh dậy sông Tương lệ ướt-đăm.

Sông Tương hoa lá hai bờ rậm :

Mỹ-nhân khuất dạng, lòng âm thầm...

Bâng-khuâng dạo khúc đàn cầm,

Điệu cao, dây đứt, tri-âm ai người...

Mỹ-nhân ơi, mỹ-nhân ơi,

Mưa chiều, mây sớm, em vui chốn nào ?

Năm canh khắc-khoải tìm nhau,

Bừng trông mai nở, ngõ đâu bóng nàng...



Ông thương thì nghĩ thể thôi

Thuê còn khốc-hại bằng mười rần kia

捕蛇者說

BỒ XÀ GIẢ THUYẾT

LỜI NGƯỜI BẮT RẪN

柳宗元

Liêu-tôn-Nguyên

TIỂU-SỬ LIÊU-TÔN-NGUYÊN

Tự Từ-Hậu, quê ở Ngô-quận, sinh đời Đức-Tôn nhà Đường (780-805). Nổi tiếng trên thi-đàn rất sớm lại sở-trường vẽ văn xuôi. Năm 17 tuổi đỗ tiến-sĩ, làm Hiệu-thư-lang rồi thăng Giám-sát Ngự-sử.

Vì Liễu có danh-vọng nên Tề-tướng Vương-thúc-Văn mời làm Lễ-Bộ Viên ngoại-lang. Vương vốn là sư phó vua Thuận-Tôn (805-806) nên khi vua lên ngôi được giữ quyền chính. Khi còn vua Đức-Tôn binh-quyền đều ở trong tay bọn hoạn-quan. Nay Vương muốn chính-đốn lại mới tiến-cử bọn Liễu-tôn-Nguyên, Lưu-vũ-Tích cùng giúp việc cải-cách. Không may vua Thuận-Tôn ở ngôi được một năm thì bị bệnh, nhường cho em là Hiến-Tôn (806-821). Bọn hoạn-quan cướp lại quyền-chính. Giết Vương và giáng Liễu và Lưu-vũ-Tích ra làm quan ở chốn xa-xôi. Liễu làm Tư-mã Vĩnh-châu nay là huyện Linh-lăng tỉnh Hồ-nam. Vì bất phục thủy thổ, Liễu bị đau ốm luôn tóa hết trắng chí.

Ở Vĩnh-châu hơn 10 năm lại phải đổi ra làm Thứ-sử Liễu-châu, đất hoang-tịch ở biên-giới Quảng-tây. Ở đây, nhân việc quan thư-nhân, Liễu mở trường dạy học.

Liêu viết nhiều bài văn xuôi công-kích thế-tục lời văn châm-biếm sâu sắc. Đời vua Mục-tôn (821-825), Liễu tạ-thế, thọ 47 tuổi.

永州之野產異蛇
Vĩnh châu chi dã, sản dị xà.

Cánh-đồng Vĩnh-châu có thứ rắn lạ.

黑質白章
Hắc chất bạch chương.

Lốt đen vân trắng.

觸草木盡死
Súc thảo mộc tận tử.

Chạm vào cỏ cây, cỏ cây chết hết.

以齧人無禦之者
Dĩ khiết nhân, vô ngự chi giả.

Cắn người thì không có cách gì chữa nổi.

然得而腊之以爲餌
Nhiên đắc nhi thảo chi, dĩ vi nhĩ,

Nhưng bắt mà ướp thịt làm món ăn

可以已大風掣踠瘡癰
Khả dĩ dĩ đại phong, loan, uyển, lâu, lệ ;

có thể khỏi được các bệnh đại phong, loan, uyển, lâu, lệ ;

去死肌殺三蟲
Khử tử cơ ; sát tam trùng.

Dùng làm thuốc cao lên da và sát trùng.

其始太醫以王命聚之
Kỳ thủy, thái-y dĩ vương mệnh tụ chi.

Lúc đầu, quan thái y theo mệnh vua đi kiếm rắn

Đất Vĩnh châu, đồng sâu quăng vắng

Có rắn mun vằn trắng, độc thay !

Chạm cỏ cây, chết cỏ cây,

Cẩn người : táng mệnh, chẳng ai thoát nần.

Nhưng làm thịt lại ăn ngon miệng,

Trừ bách phong, ngăn bệnh hiểm-nghèo :

Hay đem dùng nấu thuốc cao,

Sát trùng, trị nhọt, dán đầu khỏi liền.

Tiếng-tăm ấy đồn ran khắp nước

Ngự y truyền : bắt được nộp luôn :

歲賦其二

Tuế phú kỳ nhị.

mỗi năm nộp hai con.

募有能捕之者當其租入

Mộ hữu năng bô chi giả, đương kỳ tô nhập,

Thuê kẻ nào bắt rắn đem nộp thì tha thuế.

永州之人爭奔走焉

Vĩnh châu chi nhân tranh bôn tẩu yên.

Sau người ta tranh nhau làm nghề bắt rắn.

有蔣氏者專其利三世矣

Hữu Trương thị giả, chuyên kỳ lợi, tam thế hĩ.

Có họ Trương chuyên cái lợi ấy đã ba đời.

問之則曰吾祖死於是

Văn chi, tất viết : « Ngô tổ tử ư thị,

Hỏi thì nói : Ông tôi chết vì bắt rắn,

吾父死於是今吾嗣爲之

Ngô phụ tử ư thị, kim ngô tộ vi chi

cha tôi chết vì rắn, nay tôi

十二年幾死者數矣

Thập nhị niên, cơ tử giả số hĩ».

nổi nghề 12 năm đã mấy lần suýt chết.

言之貌若甚感者

Ngôn chi, mạo nhược thậm thích giả.

Nói vậy mà mặt như rất đau-đớn.

Hể ai nộp được hai con

Thuế thân sẽ miễn cho tròn một năm.

Dân từ đây cùng chăm bắt rắn,

Họ Tưởng đây chuyên đến ba đời.

Ông, cha, rắn cắn chết rồi,

Còn mình cũng suýt mạng toi mấy lần.

予悲之且曰若毒之乎

Dư bi chi. Thả viết : « Nhược độc chi hồ.

Ta thương tình mới hỏi : nghề này,

予將告於蒞事者更若役復
若賦則何如

*Dư tương cáo ư lị sự giả, canh nhược dịch,
phục nhược phú, tắc hà như ? »*

cực khổ lắm nhĩ ! Đề ta nói với người giữ việc cho
anh đòi nghề rồi đóng thuế nhé.

蔣氏大戚汪然出涕曰

Tưởng thị đại thích, uông nhiên xuất thủy, viết :

Họ Tưởng đau-đớn bội phần khóc :

君將哀而生之乎

« Quân tương ai, nhi sinh chi hồ.

Ông thương mà muốn tôi sống

則吾斯役之不幸

Tắc ngô tư dịch chi bất hạnh,

thì sự bất hạnh trong nghề tôi làm còn

未若復吾賦不幸之甚也

Vị nhược phục ngô phú, bất hạnh chi thậm dã.

chưa bằng bất tôi đóng thuế, còn bất hạnh hơn.

嚮吾不爲斯役則久已病矣

Hướng ngô bất vi tư dịch, tắc cửu dĩ bệnh hĩ.

Ví tôi không làm nghề này thì khốn đốn đã lâu rồi.

Ta nghe chuyện, bần-khoăn thương-xót :

— Làm chi nghề đại-dột thế này ?

« Để ta giới-thiệu nơi đây

« Cho anh đổi nghề, hàng ngày kiếm ăn

« Và để đóng thuế quan như cũ ».

Gã Tướng bèn ủ-rũ đáp lời :

— Ông thương thì nghỉ thế thôi

« Thuế còn nguy-hiểm bằng mười rần kia !

« Nếu không giữ lấy nghề cho trọn.

« Tiền thuế lo, khốn-đốn còn hơn.

自吾氏三世居是鄉

Tự ngô thị tam thế cư thị hương,

Nhà tôi ba đời ở làng này

積於今六十歲矣

Tích ư kim lục thập tuế hĩ,

tính đã 60 năm mà sinh kế trong làng càng ngày càng

而鄉鄰之生日感殫其地之
出竭其廬之入

*Nhi hương lân chi sinh nhật súc, đàn kỳ địa
chi suất, kiệt kỳ lư chi nhập,*

cùng quần, đất sản ra gì làng thu vào gì đều kiệt hết

號呼而轉徙飢渴而頓踣

Hào hô nhi chuyển tử, cơ khát nhi đốn phó,

kẻ thì kêu gào mà bỏ đi, người thì đói khát mà ngã
khụy.

觸風雨犯寒暑

Súc phong vũ, phạm hàn thử,

Dãi gió rã mưa, liễu rét chịu nóng

呼噓毒癘往往而死者相籍也

*Hô khư độc lệ, vãng vãng nhi tử giả, tương tạ
dã ».*

khô sở ốm đau, dần dần nối nhau mà chết.

曩與吾祖居者

« Nãng dữ ngô tổ cư giả,

Trước kia những người cùng ở với ông tôi

« Ba đời đến ở hương-thôn,

« Sáu mươi năm ấy, dân mòn mỏi đi.

« Đất sản được chút gì cũng vét,

« Thuế cứ thu cho kiệt, cho trơn,

« Kẻ tìm nơi khác sống hơn,

« Kẻ đành đói khát ngậm hòn nơi đây !

« Dầm mưa nắng qua ngày nóng rét,

« Không thuốc-thang ốm chết lẫn-lẫn.

« Bao người về lớp tiên-nhân,

今其室十無一焉

Kim kỳ thất thập vô nhất yên ;

đến nay 10 nhà không còn 1

與吾父居者十無二三焉

Dữ ngô phụ cư giả, thập vô nhị tam yên ;

Cùng ở với cha tôi 10 nhà không còn 2, 3.

與吾居十二年者

Dữ ngô cư thập nhị niên dã,

Cùng ở với tôi 12 năm nay

今其室十無四五焉

Kim kỳ thất thập vô tứ ngũ yên.

10 nhà không còn được 4, 5.

非死則徙爾而吾以捕蛇獨存

Phi tử tắc tỵ nhĩ, nhi ngô dĩ bô xà độc tồn.

Chẳng chết thì bỏ đi, tôi nhờ bắt rắn mà còn lại.

悍吏之來吾鄉

« Hãn-lại chi lai ngô hương,

Bọn quan lại hung ác về làng

呌器乎東西隳突乎南北

Khiếu hiêu hồ đông tây, huy đột hồ nam bắc.

găm-thét chỗ này đánh-đập chỗ kia.

譁然而駭雖雞狗不得寧焉

Hoa nhiên nhi hãi, tuy kê cẩu bất đắc ninh yên.

Ai này đều nhón-nhác sợ hãi, gà chó cũng không được yên.

« Mười phần sống sót một phần mà thôi !

« Những người lớp cha tôi cũng cực,

« Tính ra còn có được vài nhà,

« Trạc tôi mười mấy năm qua,

« Nửa phần đã chết hoặc là di-cư !

« Tôi còn sống đến giờ là khá,

« Nhờ rần mà miễn thuế xưa rày

« Sai-nha hung dữ lắm thay !

« Về làng thu thuế, quấy rày dân đen.

« Đã lục-lọi không quên gào thét,

« Vật như người, ngư-ngác, xôn-xao,

吾恂恂而起

« *Ngô tuân-tuân nhi khởi*

Tôi lo ngay-ngáy trở dậy dòm

視其缶而吾蛇尚存則弛然而卧

Thị kỳ hũ, nhi ngô xà thượng tồn,

Tắc hỉ nhiên nhi ngoạ.

vào hũ, thấy rắn còn, mới yên tâm mà nằm.

謹食之時而獻焉

Cẩn thực chi, thời nhi hiến yên.

Kính cẩn cho nó ăn, đợi kỳ đem nộp.

退而甘食其土之有以盡吾齒

Thoái nhi cam thực kỳ thổ chi hữu, dĩ tận ngô xỉ.

Nộp rồi, thì có cái gì ăn nấy cho trọn tuổi trời.

蓋一歲之犯死者二焉

« *Cái nhất tuế nhi phạm tử giả, nhị yên.*

Số là trong 1 năm chỉ liều chết 2 lần

其餘則熙熙而樂

Kỳ dư tắc hỉ hỉ nhi lạc,

còn thì được hú hí vui vẻ.

豈若吾鄉鄰之旦旦有是哉

Khởi nhược ngô hương lân nhi đán đán hữu thị tai!

Há lại như người làng ngày nào cũng bị nạn ấy ?

今雖死于此比吾鄉鄰之死

« *Kim tuy tử vu thử, Tỷ ngô hương lân chi tử,*

Nay đầu chết về nghề này so với người làng chết

« Đêm đêm ngủ chẳng yên nào,

« Sống còn, hũ rấn trông vào đó thôi !

« Nên kính-cần chăm nuôi rấn độc,

« Đợi đến kỳ đem nộp lên quan.

« Xong rồi, mới tạm là nhàn,

« Kiếm ăn đắp-đổi cho an kiếp người...

« Mỗi năm chỉ hai hồi sinh tử,

« Còn chuỗi ngày quên khổ, quên đau.

« Xóm làng có được thế đâu ?

« Tháng ngày nạn thuế nhộn đầu khôn khuây

« Tôi ví thử sau này rấn cắn,

« Thì cũng là may mắn lắm rồi :

則已後矣又安敢毒耶

Tắc kỷ hậu hĩ, hựu an cảm độc da ! »

là tôi được chết sau, đâu dám lấy làm cực khổ.

予聞而愈悲

Dư văn nhi dĩ bi.

Ta nghe nói càng thương.

孔子曰苛政猛於虎也

« Khổng-tử viết : « Hà chính mãnh ư hồ dã ».

Khổng-tử nói : Chính-sách tàn-ngược dữ hơn cọp.

吾嘗疑於是

Ngô thường nghi ư thị.

Ta nghe lời nói ấy

今以蔣氏觀之尤信

Kim dĩ Tưởng-thị quan chi, yưu tín.

nay xem chuyện họ Tưởng mới tin.

嗚呼孰知賦歛之毒

Ô-hô ! Thục tri phú liễm chi độc,

Ôi, ngờ đâu sự cực-khổ về thuế má

有甚是蛇者乎故爲之說

Hữu thậm thị xà dã hồ ! Cố vi chi thuyết,

lại hơn sự bắt rắn ru ! Bởi vậy viết bài này,

以俟夫觀人風者得焉

Dĩ sĩ phù quan nhân phong giả, đắc yên.

để giúp ích cho người đi xem-xét dân tình.

« Xóm làng chết lụi, chết vùi,

« Ấy là tôi chết sau người, chả hơn ! »

Ta nghe nói lòng càng xúc động,

Nhớ khi xưa Đức Khổng dạy rằng :

« Hễ mà chính-sự ngược-tàn

« Thì còn khốc-hại hằng ngàn hùm beo ».

Độc câu cũ, lúc đầu chưa tỏ,

Nghe chuyện này mới rõ gớm ghê :

Than ôi, thuế-má nặng-nề,

So vào rấn độc, có bề độc hơn.

Viết văn ghi lại nguồn cơn,

Giúp ai muốn biết tình dân náo-nùng...



Nghe tin sợ rồi ngờ,

Rồi vui, ngồi viết thư

賀王參元失火書
HẠ VƯƠNG THAM-NGUYỄN
THẤT HỎA THƯ

*THƯ MỪNG VƯƠNG THAM-NGUYỄN
BỊ CHÁY NHÀ*

柳宗元
Liêu-tôn-Nguyên

得楊八書知足下遇火災
Đắc Dương-Bát thư, tri túc-hạ ngộ hỏa tai,
 Được thơ Dương-bát, biết bác bị cháy nhà.

家無餘儲僕始聞而駭
gia vô dư-trữ. Bộc thủy văn nhi hãi
 Nhà không còn gì. Tôi mới nghe mà sợ

中而疑終乃大喜
Trung nhi nghi, chung nãi đại hỉ.
 rồi nghi-ngờ, sau thành mừng to

蓋將弔而更以賀也
Cái tương điếu nhi canh dĩ hạ dã.
 nên định chia buồn, đổi thành chúc mừng

道遠言畧猶未能究知其狀
Đạo viễn ngôn lược, do vị năng cứu tri kỳ trạng,
 đường xa, thơ vắn-tắt, chưa cứu-xét được tình trạng

若果蕩焉泯焉而悉無有
nhược quả đãng yên dẫn yên nhi tất vô hữu
 nếu quả cháy rụi hết cả

乃吾所以尤賀者也
nãi ngô sở dĩ ưu hạ giả dã.
 lại càng nên mừng hơn.

足下勤奉養樂朝夕
Túc-hạ cần phụng dưỡng, lạc triều-tịch,
 Bác chăm phụng-dưỡng hôm sớm vui-vầy

Được tin Dương-Bát qua

Cho biết bác cháy nhà.

Của cải không dư trữ,

Tôi lo buồn. xót-sa.

Nghe tin, sợ rồi ngờ,

Rồi vui. ngồi viết thơ,

Chẳng chia buồn hóa-hoạn

Lại mừng gặp thời-cơ.

Đường xa, lời sơ lược,

Tình hình sao rõ được,

Nhà cửa nếu tận thiêu,

Thật nên mừng hơn trước.

Từ trước bác chăm lo

Nuôi gia-đình ấm no,

惟恬安無事是望也

duy điềm an vô sự thị vọng dã
chỉ mong bình-an vô sự mà thôi

今乃有焚燒赫烈之虞

Kim nãi hữu phân dạn hách liệt chi ngu
nay gặp lúc lửa cháy chơ-trụi cả

以震駭左右

đĩ chấn hãi tả hữu
làm cho người xung-quanh đều sợ hãi

而脂膏滫醢之具

nhi chi-cau tu tủy chi cụ
mà những đồ thực-dụng

或以不給吾是以始而駭也

hoặc dĩ bất cấp, ngô thị dĩ thủy nhi hãi dã.
có khi không đủ dùng, tôi sợ lúc đầu là vì thế

凡人之言皆曰

Phàm nhân chi ngôn giai viết :
Người ta thường nói :

盈虛倚伏去來之不可常

Doanh hư ỷ-phục, khứ lai chi bất khả thường
Đầy vơi, qua lại, mỗi lúc một khác

或將大有爲也乃始厄困震悸

hoặc tương đại hữu vi dã, nãi thủy ách khốn
chấn quĩ

hoặc sắp cho làm lớn thì trước phải cho chịu tai-
ách khổ-sở

Mở mang cơ-nghiệp cũ ;
Nay tận thiêu ra tro,

Vật cấp-dưỡng còn đâu ?

Há không ngại hay sao ?

Bởi vậy tôi lo sợ

Khi nghe tin lúc đầu.

Thiên-hạ vẫn cho rằng

Đây vui chuyện bất thường.

Vả chẳng chuyển nghiệp lớn

Căn biến-cổ, tai ương.

於是水火之擊

ư thị hữu thủy hỏa chi nghịệt

như vậy gặp phải tai nạn nước lửa

有羣小之愠

hữu quần tiểu chi uẩn

gặp bọn tiểu-nhân hờn ghét

勞若變動而後能光明

lao khổ biến động nhi hậu năng quang minh

có lao-khổ thay đổi sau mới sáng tỏ

古之人皆然

Cổ chi nhân giai nhiên.

Người xưa đều vậy

斯道遼濶誕漫

Tư đạo liêu khoát diên mạn

Đạo ấy mênh-mông sâu rộng

雖聖人不能以是必信

tuy thánh-nhân bất năng dĩ thị tất tín

Đền thánh-nhân cũng chưa lấy làm tin

是故中而疑也

thị cố trung nhi nghi dã.

vì thế tôi lấy làm nghi-ngờ vậy

以足下讀古人書

Dĩ túc-hạ độc cổ-nhân thư

Như bác đọc sách cổ-nhân

Lắm kẻ ghét người hiền,

Đem lời dèm dề hèn ;

Nhưng có khổ, có biển,

Sau rồi mới làm nên.

Bình-minh tia sáng dội

Là đã qua đêm tối.

Đạo-lý rất bao-la

Thánh-hiền xưa vẫn nói ;

Chưa hẳn tin người xưa,

Nên tôi nói nghi-ngờ.

Tài năng bác đầy-đủ,

Cơ-hội là bây giờ.

爲文章善小學

vi văn chương, thiện tiểu học
làm văn-chương, giỏi nghệ-thuật

其爲多能若是

Kỳ vi đa năng nhược thị
Đã nhiều tài như thế

而進不能出羣士之上

nhi tiến bất năng xuất quần sĩ chi thượng
mà tiến không vượt được mọi kẻ sĩ

以取顯貴者蓋無他焉

đĩ thủ hiển quý giả, cái vô tha yên!
để lấy sang-quý là nghĩa làm sao

京城人多言足下家有積貨

Kinh thành nhân đa ngôn túc-hạ gia hữu tích hóa
Trong kinh-thành ai cũng đồn bác giàu có

士之好廉名者

Sĩ chi hiếu liêm danh giả,
Kẻ sĩ giữ tiếng

皆畏忌不敢道足下之善

giới úy-kị bất cảm đạo túc-hạ chi thiện
đều sợ không dám nói cái giỏi của bác

獨自得之心蓄之

Độc tự đắc chi, tâm súc chi
chỉ tự biết, để trong lòng

Bác là người yêu văn,
Ham đọc sách cổ-nhân,
Lại giỏi về nghệ-thuật,
Tài-đức vẹn mười phần.

Mà thấy bước công-danh,
Chưa đưa đến hiền-vinh,
Đứng trên hàng sĩ-tử,
Sự nghiệp chưa đạt thành,

Chỉ vì chốn đẽ-kinh
Nhân sĩ trọng thân-danh,
Vốn biết bác giàu-có
Ngại trách-cứ vào mình.

銜忍而不出諸口

Hàm nhẫn nhi bất xuất chư khẩu

nhẫn nại không nói ra nên công-lý khó tỏ rõ,

以公道之難明而世之多嫌也

đĩ công đạo chi nan minh nhi thế chi đa hiềm dã.

đòi nhiều kẻ ngại-ngùng

一出口則噴噴者

nhất xuất khẩu, tắc khái khái giả

nói ra, thì sợ hãi

以爲得重賂

đĩ vi đắc trọng lộ

c người nghi đã ăn hồi-lộ nhiều

僕自貞元十五年

Bộc tự Trinh-nguyên thập ngũ niên

Tôi từ năm Trinh-nguyên 15,

見足下之文章舊之者

Kiến túc-hạ chi văn-chương, súc chi giả,

Thầy văn-chương bác uẩn-súc

蓋六七年未嘗言

cái lục thất niên vị thường ngôn

mà sáu bảy năm chưa dám ngỏ lời

是僕私一身而負公道久矣

thị bộc tư nhất thân nhi phụ công đạo cửu hĩ.

ây là tôi chỉ vì riêng tôi mà phụ công-đạo,

Không tiến cử bác được

Bởi e lời xuyên-tạc,

Thiên-hạ hay nghi-ngờ

Có chè-lá tiền bạc.

Công-lý khó sáng tỏ.

Năm Trinh-Nguyên thập-ngũ,

Quen bác lại yêu tài,

Nhưng không giúp tiến-thủ.

非特負足下也

Phi đặc phụ túc-hạ dã.

Không nhưng là phụ bác vậy

及爲御史尚書郎

Cập vi ngự-sử thượng thư lang,

Đền khi làm ngự-sử thượng-thư lang

自以幸爲天子近臣

tự dĩ hạnh vi thiên-tử cận thần,

lầy làm mong được cận-thân của vua

得奮其舌思以發明

đắc đoạt kỳ thiết, tư dĩ phát minh

có thể nói được rồi,

足下之鬱塞

túc-hạ chi uất-tắc,

giải được nỗi uất-ức của bác

然時稱道於行列

nhiên thời xưng đạo ư hành liệt

nhưng đời nay đạo suy

猶有顧視而竊笑者

do hữu cố thị nhi thiết tiếu giả

vẫn có kẻ nghi-kỵ mà cười thầm

僕良恨脩己之不亮

Bộc lương hận tu kỷ chi bất lượng

tôi tự giận không đủ sáng suốt

Bảy năm đã qua rồi.

Ích-kỷ thật là tôi !

Phụ cả nền công-lý

Há phụ bác mà thôi !

Làm Ngự-sử, trước đây

Tôi tưởng đã đến ngày

Tiến bác vào điện-ngọc :

Trở-lực vẫn còn gay.

Vẫn lo lời thị-phi,

Vẫn có kẻ đa nghi.

Chỉ tại e miệng tiếng

Mà tôi im lặng đi.

素譽之不立而爲世嫌之所加
tô dự chi bất lập nhi vị thế hiềm chi sở gia.

vì danh-dự trong sạch chưa tỏ, mà đời càng thêm ghét,

常與孟幾道言而痛之
Thường dữ Mạnh Cơ-Đạo ngôn nhi thống chi.

thường bàn với Mạnh Cơ-Đạo mà đau xót

乃今幸爲天火之所滌盪
Nãi Kim hạnh vi thiên hỏa chi sở địch đãng

Nay may có trận hỏa tai

凡衆之疑慮舉爲炭埃
Phàm chúng chi nghi lự, cử vi than ai !

bao nhiêu nghi-ngờ tan ra tro bụi

黔其廬赭其垣
Kiểm kỳ lư, giả kỳ viên

nhà tường cháy đen

以示其無有而足下之才能
đi thị kỳ vô hữu, nhi túc-hạ chi tài năng

chứng tỏ bác không có gì, tài năng bác

乃可以顯白而不污
Nãi khả dĩ hiên bạch nhi bất ô

mới hiển nhiên không nhơ.

其實出矣
Kỳ thực xuất hĩ.

thực-trạng ở đó mà ra

Tôi mù-quáng, ân-hận,

Không suy nghĩ tường-tận,

Với bác Mạnh, thường than.

Nay lửa trời thiêu tận

Cửa nhà bác, một phen

Trơ bốn bức tường đen,

Nghi-kị tan mây khói,

Đức, tài, phát khởi lên.

是祝融回祿之相吾子也

Thị Chúc-dung hồi lộc chi tương ngô tử dã

ây là Bà Hỏa ban lộc lại cho bác vậy

則僕與幾道十年之相知

tắc bộc dĩ Cơ-Đạo thập niên chi tương tri

khiến cho tôi cùng Cơ-Đạo biết bác mười năm rồi

不若茲火一夕

bất nhược tư hỏa nhất tịch

không bằng một đêm bị hỏa tai

之爲足下譽也宥而彰之

chi vi túc-hạ dự dã, hựu nhi chương chi,

ây là danh-dự bác lại chói lợi

使夫蓄之於心者

xử phù súc chi ư tâm giả

những ý-kiến giấu trong lòng

咸得開其喙

hàm đắc khai kỳ tưế

nay đã có thể mở miệng được

發策決科者授之而不慄

phát sách quyết khoa giả, thụ chi nhi bất lâm

có cho đồ cao không còn sợ nghi-ngờ nữa

雖欲如響之蓄縮受侮

tuy dục như hưởng chi súc tước thụ vũ.

không như lúc trước, có dè dặt

Thế-nhân hết chuyện dèm.

Mọi trở-ngại đều êm,

Bà Hỏa ban ơn đấy :

Mười năm thua một đêm :

Mười năm chỗ cố-tri

Chẳng giúp bác được gì.

Bác gắng ra thi cử

Tài học át dèm-chê !

其可得乎於茲吾有望於子

Kỳ khả đắc hồ? U tư ngô hữu vọng ư tử

cũng không thể được nữa cho nên tôi mong ở bác

是以終乃大喜也

thị dĩ chung nãi đại hỉ dã.

và rốt cục rất mừng vậy

古者列國有災同位者皆相弔

Cổ-giả liệt quốc hữu tai,

đồng-vị giả giai tương điếu

Xưa kia liệt quốc gặp nạn

Cùng ngôi tât cũng viếng thăm

許不弔災君子惡之

hứa bất điếu tai, quân tử ố chi

không thăm hỏi khi tai nạn, người quân-tử ghét vậy

今吾之所陳若有以異乎古

kim ngô chi sở trần nhược thị hữu dĩ dị hồ cổ.

Tôi nay phân bày như vậy là khác với cổ nhân

故將弔而更以賀也

Cố tương điếu nhi canh dĩ hạ dã

cho nên định chi buồn mà lại thành chia mừng

顏曾之養其爲樂也大矣

Nhan Tăng chi dưỡng kỳ vi lạc dã đại hỉ

Phụng dưỡng như Nhan Tăng còn gì vui bằng

又何闕焉

hựu hà khuyết yên!

Còn gì thiếu nữa đâu!

E-ngại nhẹ lâng-lâng,

Mong ở bác vô chừng

Nên trong thư có đoạn

Thành-thật tỏ lời mừng.

Liệt quốc, khi lâm nạn,

Xưa đều được nước bạn

Tới hỏi thăm chia buồn,

Cho khỏi gây thù-oán.

Tôi nghĩ có khác thường

Chia buồn hóa chia mừng,

Tương-lai bác rạng-rỡ

Vui-vẻ còn ai bằng !



Cây ta viết ra đây bài ký...

岳陽樓記

NHẠC-DƯƠNG LẬU KÝ

BÀI KÝ LẬU NHẠC-DƯƠNG

范仲淹

Phạm-trọng-Yêm

TIỂU-TRUYỆN. — *Phạm-trọng-Yêm sinh đời Tống, người Ngô-huyện, tự Hy-Văn, đỗ tiến-sĩ. Thời Nhân-Tôn, cùng Hàn-Kỳ đem quân ra dẹp giặc Tây-Hạ, được triều-đình trọng-dụng, bổ làm khu-mật-viện phó-sứ sau lên chức tham-trì chính-sự.*

Phạm khi còn là tú-tài thường có câu tỏ chí :

« Kẻ sĩ-phu phải lo trước việc thiên-hạ lo, vui sau cái vui của thiên-hạ ». Câu này sau Phạm viết vào bài Ký (1) mà chúng tôi dịch sau đây.

Trong khi trần-thủ Diên-an, quân Tây-Hạ sợ oai Phạm, bảo nhau : Phạm-trọng-Yêm trong bụng chứa hàng vạn giáp binh.

(1) Ký là bài văn ghi chép hoặc một sự-kiện, hoặc một cuộc du-lịch trong đó tả cảnh có tăng, thứ, lại thêm lời nghị-luận.

慶曆四年春

Khánh-Lịch tứ niên xuân,

Mùa xuân, năm thứ tư niên-hiệu Khánh-Lịch,

滕子京謫守巴陵郡

Đềng Tử-Kinh trích thú Ba-lăng quận.

ông Đềng-tử-Kinh bị trích làm thái-thú quận Ba-lăng

越明年政通人和

Việt minh niên, chính thông nhân hòa,

Đền năm sau, chính sự thông đạt, lòng người vui-vẻ,

百廢具興乃重修岳陽樓

增其舊制

*bách phế câu hưng, nãi trùng tu Nhạc-dương lâu
tăng kỳ cựu chế.*

phàm việc gì từ trước phê thì đều sửa lại cả.

Bền sửa-sang lại lâu Nhạc-dương,

刻唐賢今人詩賦於其上

*Khắc Đường hiền kim nhân thi phú ư kỳ
thượng,*

khắc những thơ phú của các nhà hiền sĩ từ đời

[Đường đến đời nay ở trên lầu,

屬予作文以記之

chức dư tác văn dĩ ký chi.

cậy ta làm bài văn để kỷ-niệm.

予觀夫巴陵勝狀

Dư quan phủ Ba-lăng thắng trạng,

Ta ngắm xem :

Đằng-tử-Kinh giáng làm thái-thú,

Quận Ba-lăng xa chỗ kinh-sư,

Mùa xuân Khánh-licھ thứ tư.

Năm sau, chính-sự đã vừa hòa-thông.

Dân vui-vẻ một lòng mến đức,

Việc thanh-thời, ra sức sửa-sang :

Trùng-tu lâu cũ Nhạc-dương,

Khắc ghi thơ phú từ Đường tới nay.

Cậy ta viết ra đây bài ký,

Ta ngắm xem cảnh-trí hữu-tình :

在洞庭一湖

tại Động-dinh nhất hồ,

Cảnh đẹp nhất của Ba-lăng là hồ Động-dinh,

岬遠山吞長江

hàm viễn sơn thôn trường giang,

ngậm bóng núi, nuốt nước sông,

浩浩湯湯橫無際涯

hạo hạo đãng đãng, hoành vô tế nhai ;

mông-mênh man-mác, không biết đâu là bờ ;

朝暉夕陰氣象萬千

triều huy tịch âm, khí tượng vạn thiên,

ánh sáng buổi sớm, bóng râm ban chiều,

khí tượng muôn nghìn thay đổi,

此則岳陽樓之大觀也

thử tắc Nhạc-dương lâu chi đại quan dã,

đây thật là cái đại-quan của lầu Nhạc-dương,

前人之述備矣

tiền nhân chi thuật bị hỹ.

mà người xưa đã thuật lại nhiều rồi.

然則北通巫峽

Nhiên tắc bắc thông Vu-giáp,

Song Động-dinh mặt bắc thông đến núi Vu-giáp,

南極瀟湘

nam cực Tiêu-Tương,

mặt nam thông đến suối Tiêu-Tương,

Kỳ-quan, nhất hồ Động-Đình,

Nuốt sông, ngậm núi, mông-mênh dạt-dào.

Lầu Nhạc-dương bóng chiều nắng sớm,

Khách văn-chương đề-phẩm đã nhiều.

Bắc thông Vu-giáp non cao,

Phía Nam suối chảy ào-ào : Tiêu-tương.

遷客騷人多會於此

thiên khách tao nhân, đa hội ư thử,

là những chỗ hay tụ hội của những người trích giáng,
và những bọn tao-ngâm ;

覽物之情得無異乎

lãm vật chi tình đắc vô dị hồ ?

không biết đôi cảnh này, nỗi cảm-xúc của những
người ấy có khác nhau không ?

若夫淫雨霏霏連月不開

Nhược phù dâm vũ phi phi,

liên nguyệt bất khai ;

Khi mưa dầm gió bắc, liên-miên suốt tháng,

陰風怒號濁浪空排

âm phong nộ hào, trọc lãng không bài ;

mưa gió gào thét, sóng cuộn lên không,

日星隱曜山岳潛形

nhật tinh ẩn diệu sơn nhạc tiềm hình ;

trăng sao mù-mịt, sông núi lò-mò,

商旅不行牆傾楫摧

thương lữ bất hành, tường khuynh tiệp tồi ;

thuyền buôn đóng bên, cột buồm nghiêng, bánh lái
gãy,

薄暮冥冥虎嘯猿啼

bạc mộ minh minh, hổ khiêu viên đề ;

chiều hôm tối đen, hổ gào vượn hú,

Kẻ trích-giáng vẫn thường tụ-hội,

Cùng tao-nhân chia mỗi cảm-hoài.

Những đêm mưa gió tối trời,

Non chìm-chìm bóng, nước bời-bời tuôn.

Bánh lái gãy, cột buồm nghiêng-đổ,

Bao thuyền buôn nép gió : bẽnh-bồng.

Vượn kêu, cọp rống hải hùng,

登斯樓也則有去國懷鄉
憂讒畏譏

*đăng tư lâu dã, tắc hữu khứ quốc hoài
hương, ưu sàm úy cơ,*

ai lên lầu này, xa nước nhớ làng, lo sợ sàm báng,

滿目蕭然感極而悲者矣

mãn mục tiêu nhiên, cảm cực nhi bi giả hỹ !

mà lại trông thấy cảnh tiêu điều ở trước mắt,

tất phải cảm mà thương khóc vậy.

至若春和景明波瀾不驚

Chi nhược xuân hòa cảnh minh, ba lan

bất kinh

Khi mùa xuân êm ái, sóng gió im lặng, trên dưới

上下天光一碧萬頃

Thượng hạ thiên quang, nhất bích vạn

khoảnh ;

sáng tỏ, trời nước xanh biếc một màu,

沙鷗翔集錦麟游泳

sa âu tường tập, cầm lân du vịnh ;

đàn sa-âu lặn lội tự do,

岸芷汀蘭郁郁青青

ngạn chỉ đình lan, úc úc thanh thanh ;

cỏ quanh bờ xanh tươi mơn-mởn.

而或長烟一空

nhi hoặc trường yên nhất không,

Hay là khi một trời khói trắng,

Kẻ xa nhớ nước, người trung sợ dèm.

Lên ngắm cảnh thương-tâm nhường ấy

Ai là không cảm thấy lệ rơi!

Ngày xuân sáng sửa vui tươi,

Mặt hồ âu trắng, chân trời cỏ non.

Khói mây tỏa, bóng vờn hạt ngọc

皓月千里

hạo nguyệt thiên lý ;

muôn dặm trăng trong,

浮光耀金靜影沉璧

phù quang diệu kim, tĩnh ảnh trầm bích ;

Sóng nổi lớp vàng, bóng chìm hạt ngọc,

漁歌互答此樂何極

ngư ca hổ đáp, thử lạc hà cực !

tiếng hát xướng họa của bọn thuyền chài, vui biết chừng nào !

登斯樓也

Đăng tư lâu dã,

則有心曠神怡寵辱皆忘

tắc hữu tâm khoáng thần di, sủng nhục giai vong,

ai lên lầu này, tâm khoáng thần di, quên cả vinh nhục,

把酒臨風其喜洋洋者矣

bả tửu lâm phong, kỳ hỉ dương dương giả hĩ !

uống rượu hóng gió mát, vui biết là chừng nào !

嗟夫予嘗求古仁人之

Ta phù ! Dư thường cầu cổ nhân nhân chi

心或異二者之爲何哉

tâm, hoặc dị nhị giả chi vi hà tai ?

Than ôi ! ta muốn tìm xem lòng các bậc nhân đời xưa lại thấy khác sự buồn sự vui vừa nói trên này :

Ánh trắng trong, muôn đợt sóng vàng.

Tiếng chài đua hát âm vang.

Lên đây ngắm cảnh, lòng càng thanh-thời :

Hóng gió mát quên đời vinh nhục,

Đem rượu ngon mà chuốc say vui.

Than ôi, hai mối buồn vui,

Thử tìm ở tấm lòng người ngày xưa,

Thì thấy chẳng như vừa nói đó,

Bạc nhân-nhân nghĩ có khác đời :

不以物喜不以己悲

Bất dĩ vật hỉ, bất dĩ kỷ bi ;

không vì cảnh vật mà mừng,

cũng không vì thân thể của mình mà buồn,

居廟堂之高則憂其民

cư miếu đường chi cao, tắc ưu kỳ dân :

ở chỗ cao như trên lang-miếu thì lo dân,

處江湖之遠則憂其君

xử giang hồ chi viễn, tắc ưu kỳ quân :

ở chỗ xa như ngoài giang-hồ thì lo vua,

是進亦憂退亦憂

thị tiến diệc ưu, thoái diệc ưu,

thê mà tiến cũng phải lo, mà thoái cũng phải lo vậy.

然則何時而樂耶

nhiên tắc hà thời nhi lạc da ?

Song thê thì lúc nào được vui ?

其必曰先天下之憂而憂

Kỳ tất viết : « Tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu,

後天下之樂而樂歟

hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc dư ! »

Tất phải trả lời rằng : « Khi lo là lo trước cái lo của thiên-hạ, khi vui là vui sau cái vui của thiên-hạ ».

噫微斯人吾誰與歸

Y ! Vi tư nhân, ngô thù dĩ quy ?

Than ôi ! nếu không phải được người như thê, thì ta cùng với ai ?

Mừng vui đâu ở cảnh ngoài,

Buồn lo cũng chẳng ai-hoài đến thân !

Nơi chín bệ : vì dân nhắc nhở,

Ngoài bốn phương : vì chúa bõn-chõn.

Tiểu lo, thoái lại lo đồn,

Hỏi lo như vậy, thì còn vui đâu ?

Xin thưa lại : vui sau, lo trước,

Lo trước người những bước chênh vênh,

Đến khi gặp hội thanh-bình,

Đề người vui đã, ta dành vui sau.

Vui lo như vậy hãy cầu,

Ít ai được vậy, dễ hầu theo ai !



Vua dùng Lý-Tín cho là đặc-nhân !

爲君難

VI QUẢN NAN

LÀM VUA KHÔNG PHẢI DỄ

歐陽永叔

Âu-dương Vĩnh-Thúc

TIỂU-DẪN. — Âu-dương-Tu sinh năm 1007, mất năm 1072, tự *Vĩnh-Thúc*, biệt hiệu « *Lục nhật cư sĩ* » quê ở Lư-lăng, tỉnh Giang-tây. Đời vua Tống Nhân-tôn đỗ tiến-sĩ làm quan Cơ-mật phó-sứ, tham-tri chánh-sự, đến đời Tống Thần-tôn thăng Binh bộ thượng-thư, sau vì không đồng chính-kiến với Vương-An-Thạch, làm thái-tử thiếu-sư rồi về hưu. Khi tạ-thế được truy-tặng « *Văn trung hâu* ». Âu-dương-Tu là một danh-nhân trong thi-từ cổ-văn, và là một trong số 8 người có tiếng giỏi về cổ-văn trong thời Đường và Tống. Sáng tác rất nhiều, những thi-văn đều thu vào « *Lục nhật cư sĩ tập* ».

Sở-dĩ có hiệu « *Lục-nhật* » là vì ông tự hào : đã làm 1 ngàn bài văn, giữ được 1 vạn cuốn sách, lại có 1 cây đàn, 1 bàn cờ, 1 hồ rượu, và chính mình là 1 người sông già trong những thứ đó (tất cả là sáu chữ 1).

I

語曰爲君難者孰難哉

Ngữ viêt : vì quân nan giả thực nan tại !

Luận-ngữ nói : làm vua khó, điều gì là khó hơn cả ?

蓋莫難於用人夫用人之術

Cái mọc nan ư dụng nhân. Phù dụng nhân chi thuật

khó là ở cách dùng người. Cách dùng người, phải cho người

任之必專信之必篤

nhiệm chi tất chuyên, tín chi tất đốc

có quyền và tín cần rất mực.

然後能盡其材而可共成事

nhĩ hậu năng tận kỳ tài nhi khả cộng thành sự

sau mới khiến trở hết tài và nên được việc

及其失也任之欲專

cập kỳ thất dã, nhiệm chi dục chuyên,

đến khi hỏng việc, mà lại vẫn muốn chuyên dùng

則不復謀於人而拒絕羣議

tắc bất phục mưu ư nhân nhi cự tuyệt quần nghị

tất không bàn được với ai, phải bắt chấp dị-nghị, ấy là

是欲盡一人之用

thị dục tận nhất nhân chi dụng

muốn dùng hết khả năng một người

而先失衆人之心也

nhĩ tiên thất chúng nhân chi tâm dã

mà trước đã bỏ hết lòng dân vậy

信之欲篤則一切不疑

Tín chi dục đốc, tắc nhất thiết bất nghi

Khi đã tín cần hết mực, tất không nghi kỵ gì

I

Làm vua còn khó gì hơn ?

Đem câu Luận-ngũ ra bàn thử coi.

Khó thay là thuật dùng người :

Trao quyền, tin cậy, ấy hai lẽ hằng,

Khiến người trở hết tài-năng,

Rồi ra việc lớn mới rằng thành-công.

Ví bằng việc chẳng như lòng,

Mà người, vẫn muốn chuyên dùng, không
[thay,

Thì còn phải hỏi ai đây,

Ý dân đem gác bỏ ngay mái ngoài.

Ấy là dùng được một người,

Để lòng dân mất, đủ tai hại mình !

而果於必行是不審事之可否

nhi quả ư tất hành, thị bất thẩm sự chi khả phủ

mà quyết thi-hành, ấy là không xét việc nên hay không

不計功之成敗也

bất kế công chi thành bại dã

không kể công thành hay bại

夫違衆舉事又不審計而輕發

Phù vi chúng cử sự hựu bất thẩm kế nhi khinh phát

Bỏ lời chúng-nhân mà hành-sự, lại không suy-xét mà khinh thường

其百舉百失而及於禍敗

Kỳ bách cử bách thất nhi cập ư họa bại

thì trăm việc đều hư, phải gặp tan vỡ.

此理之宜然也

thử lý chi nghi nhiên dã

ấy là lẽ đương nhiên vậy

然亦有幸而成功者

nhiên diệc hữu hạnh nhi thành công giả

nên may mà thành-công

人情成是而敗非

nhân tình thành thị nhi bại phi

thì thói đời vốn cho được là phải thua là trái

則又從而贊之

tắc hựu tòng nhi tán chi

nên lại theo nhau mà tán-dương

Nên chẳng, không tính cho rành,

Coi thường quăn-chúng, chỉ mình là hay !

Việc hư chẳng sớm thì chầy :

Tai-trương đã rắp những ngày tính-toan.

Nên công hoặc cũng có phen.

Thói thường thấy được là khen ngay rồi.

Tự cho rằng trái mọi người,

以其違衆爲獨見之明

đi kỳ vi chúng độc kiến chi minh

là bỏ ý chúng-nhân, mới tỏ mình là sáng-suốt

以其拒諫爲不惑羣論

đi kỳ cự gián vi bất hoặc quần luận

cự hết mọi lời can, không nghe quần-chúng

以其偏信而輕發爲決於能斷

đi kỳ thiên tín nhi khinh phát vi quyết ư năng đoán

tín riêng một mình mà quyết đoán hành-sự

使後世人君慕此三者以自期

xử hậu-thế nhân quân mộ thử tam giả dĩ tự kỳ

đề các vua về sau mộ ba điều ấy đề tự kỳ vọng,

至其信用一失而及於禍敗

chí kỳ tín dụng nhất thất nhi cập ư họa bại

Khi sự tín dùng đã mất mà gặp họa bại

則雖悔而不可及

thì tuy hối nhi bất khả cập

thì hối không kịp nữa.

此甚可歎也

thử thậm khả thán dã

Thật là đáng buồn vậy.

前世爲人君者力拒羣議

Tiền thế vi nhân quân giả lực cự quần nghị

Đời trước làm vua không lưu ý đến lời chúng

專信一人而不能早悟

chuyên tín nhất nhân nhi bất năng tảo ngộ

tín dùng một người mà không sớm tỉnh ngộ

Mà làm nên việc, mới tài, mới gan.

Nhẹ xem dư-luận dân-gian,

Tự tin, độc-đoán, chẳng bàn nông sâu.

Khiến cho vua chúa đời sau

Nêu ba điều ấy làm đầu trị dân.

Tới khi nước lửa sa chân,

Bấy giờ mới rõ nguyên-nhân tại mình.

Ăn-năn thôi cũng chỉ đành !

Việc xưa còn chép sử-xanh thiếu gì :

以及於禍敗者多矣

dĩ cập ư họa bại giả đa hĩ

để đến nỗi mang họa, nhiều lắm vậy.

不可以徧舉請試舉其一二

bất khả dĩ biền cử thỉnh thí cử kỳ nhất nhị

Không thể kể xiết, nay chỉ xin kể một hai thí dụ

昔秦苻堅地大兵強

Tích Tần Phù-Kiên địa đại binh cường

Xưa Phù-Kiên nước Tần đất lớn binh mạnh

有衆九十六萬號稱百萬

hữu chúng cửu thập lục vạn hiệu xưng bách vạn

có 96 vạn quân nói thặng lên 100 vạn

蔑視東晉指爲一隅

miệt thị Đông-Tấn chỉ vi nhất ngung

coi nước Đông-Tấn như một góc nhỏ

謂可直以氣吞之耳

vị khả trực dĩ khí thôn chi nhĩ

nói rằng có thể kéo thẳng sang nuốt sống được

然舉國之人皆言晉不可伐

nhĩ nhiên cử quốc chi nhân giai ngôn Tấn bất khả phạt

nhưng người nước ai cũng bảo Tấn không thể đánh được

更進互說者不可勝數

Cánh nển hỗ thuyết giả bất khả thắng số.

người can-ngăn nhiều không kể xiết

其所陳天時人事

Kỳ sở trần thiên thời nhân sự

giải-bày những lẽ thiên-thời, nhân-sự

Khéo chiều là chúa ưa nghe,

Quốc-gia nhường ấy suy-vi cũng thường.

Nước Tần một cõi nghênh-ngang,

Phù-Kiên trăm vạn khoe-khoang binh rông.

Ngó sang nước Tần miền Đông,

Nghĩ rằng một trận giao-phong, nuốt liền !

Dân cho là việc chưa nên,

Lựa lời can-gián giải-khuyên đã nhiều.

Thiên-thời nhân-sự đem nêu,

堅隨以強辯折之

Kiến tùy dĩ cường biện chiết chi

cò theo mà biện-giải (để dùng đánh)

忠言瑾論皆沮屈而去

trung ngôn đĩnh luận, giai thư khuất nhi khứ

lấy lời trung mà luận, đều bị đuổi về

如王猛苻融老成之言也不聽

như Vương-Mãnh Phù-Dung lão thành chi ngôn dã bất thính

như Vương-Mãnh Phù-Dung là những bậc lão-thành nói cũng không nghe

太子宏少子說至親之言也不聽

thái tử Hoành thiếu tử Sằn chí thân chi ngôn dã bất thính

thái tử Hoành, thiếu tử Sằn là người chí thân nói cũng không nghe

沙門道安堅平生所信重者也

Sa môn Đạo-An, Kiến bình-sinh sở tín trọng giả dã

nhà sư Đạo-An, ngày thường được Phủ-Kiến tín trọng nhất.

數爲之言不聽惟聽信一將軍

Sắc vi chi ngôn bất thính duy thính tín nhất Tướng quân

nhiều lần nói cũng không nghe, chỉ tin một tướng-quân

慕容垂者垂之言曰

Mộ-dung Thùy giả, Thùy chi ngôn viết

Mộ-dung-Thùy. Thùy tâu :

陛下內斷神謀可以

Bệ hạ nội đoán thần mưu khả dĩ

Lệ-hạ trong có thần-mưu có thể

Ý vua đã quyết, chẳng theo nửa phần.

Vương, Phò, hai vị lão-thần,

Hai hoàng-tử cũng phân-trần phải chẳng ;

Sư Đạo-An được kính nhường,

Đức vua vẫn lại coi thường, không nghe.

Chỉ tin tướng Mộ-dung-Thù

Thù tâu : « Bệ-hạ mọi bề anh-minh,

« Chiến hòa mưu-lược ở mình,

不煩廣詢朝臣以亂聖慮

bất phiến quảng tuần Triều-thần dĩ loạn thánh-lự
không phiến hỏi quần-thần cho loạn ý

堅大喜曰與吾共定天下者

Kiên đại hỉ viết : dữ ngô cộng định thiên-hạ giả
Kiên rất mừng nói : cùng ta định thiên-hạ

惟卿爾於是決意不疑

duy khanh nhĩ ; ư thị quyết ý bất nghi
chỉ có khanh ! Thế là quyết-định không nghi gì nữa

遂大舉南伐兵至壽春

toại đại cử nam phạt, binh chí Thọ-xuân
bèn cử đại-binh đánh miền nam, binh đến Thọ-xuân

晉以數千人擊之大敗而歸北

Tấn dĩ số thiên nhân kích chi đại bại nhi quy Bắc,
Tấn có mấy ngàn quân đánh cho thua to, chạy về Bắc

至洛陽九十六萬兵

chí Lạc-dương, cửu thập lục vạn binh
Đến Lạc-dương 96 vạn quân

亡其八十六萬堅自此兵威沮喪

vong kỳ bát thập lục vạn. Kiên tự thử binh uy thư táng
chết 86 vạn. Kiên từ đó binh uy tan vỡ

不復能振遂至於亂亡

bất phục năng chấn, toại chí ư loạn vong
không nổi lên được, rồi đến chết.

近五代時後唐清泰帝

Cận Ngũ-đại thời hậu Đường Thanh-thái đế
Gần ta thời ngũ-đại, vua Thanh-Thái nhà hậu Đường

« Triều-thần đâu biết tình-hình thấp cao ! »

Vua khen : « Thật đáng hiên-lưu,

« Được khanh, thiên-hạ tóm thâu dễ rồi ! »

Thế là chẳng nghĩ xa-xôi,

Kéo sang phạt Tấn, lính thôi... chậi đường !

Mấy ngàn quân Tấn can-trường

Diệt cho một trận tan-hoang binh Tấn.

Lạc-dương đếm lại bại quân :

Tám mươi sáu vạn, chết nhẵn còn mười !

Binh-uy từ đấy suy-đổi,

Vấn-hối chẳng được, thân phôi chiến-trường.

Vua Thanh-Thái, đời Hậu-Đường

Trong thời Ngũ-Đại, chuyện càng gẫn hơn.

患晉祖之鎮太原也

họa Tấn-Tổ chi trấn Thái-nguyên dã

sợ Tấn-Tổ trấn đất Thái-nguyên

地近契丹恃兵跋扈

Địa cận Khiết-đan thị binh bạt hồ

gần nước Khiết-đan, cậy có quân mạnh ngang ngược chống lại nhà vua

議欲徙之於鄆州舉朝之士

ngị dục徙 chi ư Vận-châu, cử triều chi sĩ

bèn únh dấy Tấn-Tổ đi Vận-châu. Các quan

皆諫以爲未可帝意必欲徙之

giai gián dĩ vi vị khả, đế ý tất dục徙 chi

đều can rằng chưa thể được, ý vua vẫn muốn đánh

夜召常所與謀樞密直學士

dạ triệu thường sở dĩ mưu khu-mật trực học sĩ

đêm triệu quan khu-mật trực học-sĩ

薛文遇問之以決可否

Tiết-văn-Ngộ vấn chi, dĩ quyết khả phủ

Tiết-văn-Ngộ là người thường cùng bàn mưu

文遇對曰臣聞作舍道邊

Văn-Ngộ đối viết : thân văn tác xá đạo biên

hỏi ý-kiến để quyết nên hay không

Văn-Ngộ tâu : Thẩn nghe làm nhà bên đường

三年不成此事斷在陛下

tam niên bất thành, thử sự đoán tại bệ-hạ

ba năm không xong (vì người qua lại bàn luận) việc này quyết tại bệ-hạ

Những e Tãn-Tồ Thái-nguyên,
Y mình gấn đất Khiết-đan, lộng-hành :
Một vùng chưa thuộc triều-đình,
Nếu cho nuôi sức, rồi thành họa sau.
Tính điều đổi đến Vận-châu,
Muru thần nhiều kẻ rập đầu khuyên can,
Vua vờ Văn-Ngộ tới bàn
(Vốn quan khu-mật hoàn-toàn tin yêu)
Đang đêm, triệu hỏi mọi điều,
Ngộ rằng : — Bệ-hạ hơi đâu lo-lường !
« Thần nghe : nhà cất bên đường
« Kẻ qua người lại dọc ngang phẩm-bình,
« Cả năm nhà cũng chưa thành,
« Việc này bàn với triều-đình thêm lâu,
« Quyết nơi bệ-hạ chớ đâu ! »

何必更問羣臣帝大喜曰

hà tất cánh vấn quần thần. Đế đại hỉ viết :

chẳng cần hỏi quần-thần. Vua cả mừng nói :

術者言我今年當得一賢佐

Thuật giả ngôn ngã kim niên đương đắc nhất hiền tá

Thầy số nói năm nay trẫm được một hiền-thần

助我中興卿其是乎

trợ ngã trung hưng, khanh kỳ thị hồ ?

giúp nghiệp trung-hưng, ấy là khanh chăng ?

即時命學士草制徙晉祖於鄆州

tức thì mệnh học-sĩ thảo chế di Tấn-Tổ ư Vận-châu

Tức thì ra lệnh quan học-sĩ thảo chiếu dời Tấn-Tổ đi Vận-châu

明旦宣麻在廷之臣失色

minh đán tuyên ma, tại đình chi thần thất sắc

sớm hôm sau, tuyên chiếu, triều-thần đều tái mặt

後六日而晉祖反書至

hậu lục nhật nhi Tấn-Tổ phản thư chí

Sáu ngày sau, thư Tấn-Tổ làm phản đưa đến,

清泰帝憂懼不知所爲

Thanh-thái đế ưu cụ bất tri sở vi

Vua lo sợ không biết làm thế nào

謂李崧曰我適見薛文遇

vi Lý-Tung viết : ngã thích kiến Tiệt-văn-Ngô

bảo Lý-Trung : nếu trẫm gặp Tiệt-văn-Ngô

Đức vua hợp ý gật đầu phán ngay :

— Có nhà thuật-sĩ cho hay,

« Năm nay Trẫm có dịp may gặp người

« Hiên-thần giúp nghiệp lâu dài

« Hẳn là khanh đó, ứng lời tiên-tri. »

Gọi quan học-sĩ tức thì

Xuống ngay chiếu-chỉ truyền về Thái-nguyên.

Dạy cho Tần-Tồ phải thuyên

Lên đường phó-nhậm qua miền Vận-châu.

Nghe tin, xiết nỗi lo âu,

Bá-quan thất-sắc, nhìn nhau hãi-hùng.

Quả-nhiên Tần-Tồ nổi xung,

Đứng ra làm phản, xưng hùng một phương

Vua Thanh-Thái những lo-lường

Nghĩ đường xử-trí, chẳng đường nào xong,

Nhà vua bảo với Lý-Tung :

— Vì Tiết-văn-Ngô hồng công-chuyện này !

« Trẫm mà thấy hẳn nơi đây,

爲之肉顫欲自抽刀刺之

vi chi nhục chiến, dục tự trều đao thích chi

sẽ bầm ra mà ăn, tự cầm dao cắt từng miếng thịt

嵇對曰事已至此悔無及矣

Tung đối viết : sự dĩ chi thế hồi vô cập hĩ

Trung tâu : việc đến thế này, hồi không kịp nữa.

但君臣相顧涕泣而已

đãn quân thần tương cố thê khấp nhi dĩ

Vua tôi nhìn nhau, ứa nước mắt khóc mà thôi.

由是言之能力拒羣議

do thị ngôn chi năng lực cự quần-nghị

Do đó thì biết : biết chống lại lời chúng

專信一人莫如二君之果也

chuyên tín nhất nhân, mạc như nhị quân chi quả dã

mà tin riêng một người, không ai quả-quyết bằng hai vua này

由之以致禍敗亂亡

do chi dĩ chi họa-bại loạn vong

mà rồi đi đến bại-vong

亦莫如二君之酷也

diệc mạc như nhị quân chi khốc dã

cũng không ai như hai vua này

方符堅欲與慕容垂共定天下

phương Phù-Kiến dục dữ Mộ-dung-Thùy cộng định thiên hạ

Khi Phù-Kiến định cùng Mộ-dung-Thùy định thiên-hạ

« Sẽ cho lệnh xuống phanh thây, mới vừa ! »

Tung rằng : « Đã lỡ sự-cơ,

« Trăm thân khôn chuộc, giận mà tổn hơi,

« Ăn-năn thì cũng đã rồi ! »

Nhìn nhau, giọt lệ chứa tôi rỏ dòng.

Gương hai vua ấy, ngấm trông

Bảo rằng : Dư-luận là không đáng căn,

Chuyên dùng cứ lấy người thân

Đề sau lâm cuộc phong-trần. lưu-ly !

Phù-Kiên dùng Mộ-dương-Thù

Tướng bình thiên-hạ, dễ bề dọc-ngang

清泰帝以薛文遇爲賢佐

Thanh-Thái để đi Tiết-văn-Ngô vì hiền tá

Thanh-Thái lấy Tiết-văn-Ngô làm hiền-thần

助我中興可謂臨亂之君

trợ ngã trung hưng, khả vị lâm loạn chi quân

giúp việc trung-hưng, có thể nói là hai vua gặp lúc loạn đã

各賢其臣者也或有詰予曰

các hiền kỳ thần giả dã, hoặc hựu cật dư viết

tin lẫn người hiền vậy. Hoặc có kẻ hỏi vặn rằng :

然則用人者不可專信乎

nhĩ nhiên tắc dụng nhân giả bất khả chuyên tín hồ

Thế thì dùng người không thể tin hẳn hay sao ?

應之曰齊桓公之用管仲

Ưng chi viết : Tề-hoàn-công chi dụng Quản-Trọng

Tôi đáp : Tề-hoàn-công dùng Quản-Trọng

蜀先主之用諸葛亮

Thục tiên-chủ chi dụng Gia-cát-Lượng

Thục tiên-chủ dùng Gia-cát-Lượng

可謂專而信矣不聞

Khả vị chuyên nhi tín hĩ,

có thể nói là tin rất mực vậy

舉齊蜀之臣民非之也

bất văn cử Tề Thục chi thần dân phi chi dã

không nghe thần dân Tề Thục cho là trái.

Thanh-Thái-để đòi Hậu-Đường

Tin Tiết-văn-Ngô đồng-lương đáng tài :

Hai vua cùng lỗi cả hai,

Kẻ mừng lương-tướng, người vui hiền-thần !

Luận ra ai chẳng phân-vân :

Dùng người, có thể mười phần tin không ?

Xin thưa : Tiên-chủ, Hoàn-công,

Khổng-Minh, Quán-Trọng dốc lòng tin nghe.

Dân-gian chẳng thấy dèm-chê,

蓋其令出而舉國之臣民從

Cái kỳ lệnh xuất nhi cử quốc chi thần dân tòng

Bởi lệnh ra mà thần dân cả nước tuân theo

事行而舉國之臣民便

Sự hành nhi cử quốc chi thần dân tiện

việc làm mà thần dân cả nước lấy làm phải

故桓公先主得以專任而不貳也

Cố Hoàn-công, Tiên-chủ đắc dĩ chuyên nhiệm nhi bất nhị dã
cho nên Hoàn-công và Tiên-chủ mới giao quyền hoàn-toàn.

使令出而兩國之人

sử lệnh xuất nhi lưỡng quốc chi nhân

Nếu lệnh ra mà dân hai nước không theo

不從事行而兩國之人不便

bất tòng, sự hành nhi lưỡng quốc chi nhân bất tiện

việc làm mà dân hai nước không lấy làm phải

則彼二君者其肯專任而信之

thì bỉ nhị quân giả kỳ khảng chuyên nhiệm nhi tín chi

thì hai vua đó dễ thường chịu chuyên dùng và tin

以失衆心而斂國怨乎

đĩ thất chúng tâm nhi liễm quốc oán hồ.

đẽ mất dân-tâm, chuốc lấy oán-thoán ư ?

II

嗚呼用人之難難矣

ô hô dụng nhân chi nan, nan hi

Than ôi, dùng người khó thật là khó

未若聽言之難也

vị nhược thính ngôn chi nan dã

chưa khó bằng nghe lời người nói vậy

Nơi nơi tuân lệnh, không hề kêu-ca.

Việc làm hưởng-ứng gần xa,

Hoàn-công. Tiên-chủ mới là quyết tin.

Nếu giao cho đủ uy-quyền.

Nửa dân ta-thán khắp miền như ong,

Thì vua ắt chẳng dám dùng :

Dùng mà gây oán thà không, cho rồi !

II

Than ôi, cái thuật dùng người,

Khó nào bằng khó : nói lời, biết nghe !

夫人之言非一端也

phù nhân chi ngôn, phi nhất đoan dã

Lời nói không phải chỉ có một lối mà ra

巧辭縱橫而可喜

Xảo từ túng hoành nhi khả hỉ

Lời nói khéo, bay bướm, dễ nghe

忠言質樸而多訥

trung ngôn chất phác nhi đa nột

Lời trung-trực chất-phác, khó nghe

此非聽言之難難在聽者

thử phi thính ngôn chi nan, nan tại thính giả

Đó không phải là nghe khó; khó là ở người nghe

之明暗也諛言順意而易悅

chi minh ám dã. Du ngôn thuận ý nhi dị duyệt

sáng-suốt hay mê-muội lời nịnh vừa ý nên dễ làm vui

直言逆耳而觸怒此非聽言之難

trực ngôn nghịch nhĩ nhi súc nộ, thử phi thính ngôn chi nan

lời thẳng chọc tai sinh giận-dữ, đó là không phải lời nói khó

在聽者之賢愚也

tại thính-giả chi hiền ngu dã

Khó ở chỗ người nghe giỏi hay ngu vạy

是皆未足爲難也

thị giai vị túc vi nan dã

mà thế cũng chưa đủ là khó vạy

若聽其言則可用

nhược thính kỳ ngôn tắc khả dụng

nếu nghe lời dùng được

Lời kia đâu chỉ một bề,

Những câu bóng-bảy dễ mê-hoặc mình.

Còn câu trung-trực, chân-tình,

Vốn không bay-bướm, nên thành khó xuôi.

Khó là khó ở người thôi,

Nghe mà biết lựa, tùy người dở hay.

Người hay biết lựa lời ngay,

Mười phần dẫu khó, chưa gay cả mười !

Có lời, nghe rõ êm tai,

然用之有輒敗人之事者

hiển dụng chi, hựu triếp bại nhân chi sự giả

mà dùng thì làm hỏng việc

聽其言若不可用

thính kỳ ngôn nhược bất khả dụng

nghe lời nói không dùng được,

然非如其言不能成功者

hiển phi như kỳ ngôn bất năng thành công giả

mà không theo thì không thành công

此然後爲聽言之難也

thử hiển hậu vi thính ngôn chi nan dã

sau mới biết nghe lời là khó

請試舉其一二

thính thử cử kỳ nhất nhị

Xin nghe một, hai thí dụ :

戰國時趙將有趙括者

Chiến-quốc thời, Triệu tướng hữu Triệu-Quát giả

Thời Chiến-quốc, nước Triệu có tướng Triệu-Quát

善言兵自謂天下莫能當

thiện ngôn binh, tự vị thiên-hạ mạc năng đương

giỏi nói việc binh cơ, tự cho là không ai địch được

其父趙奢趙之名將

kỳ phụ Triệu-Sa, Triệu chi danh-tướng

Cha, Triệu-Sa, danh tướng nước Triệu dùng binh lão luyện,

老於用兵者也每與括言

lão ư dụng binh giả dã, mỗi dĩ Quát ngôn

mỗi khi nói chuyện với Quát

Đến khi áp-dụng, lại sai chẳng vừa.

Có lời, nghe trái khó ưa,

Không nghe thì việc khó mà thành-công.

Đẩn đo suy nghĩ cho cùng,

Mới hay lời nói, nghe không dễ nào !

Thử đem thí-dụ vài câu :

Như người Triệu-Quát khoe màu tài hoa.

Cha là danh-tướng Triệu-Sa,

Đã quen chiến-trận lại già mưu-toan.

亦不能屈然奢終不以括爲能也

diệc bất năng khuất, nhiên, Sa chung bất dĩ Quát vi năng dã
cũng không làm Quát phục được. Sa vẫn không cho Quát là

嘆曰趙若以括爲將

thán viết : Triệu nhược dĩ Quát vi tướng

giỏi, than rằng : Nước Triệu mà dùng Quát làm tướng

必敗趙事其後奢死

tất bại Triệu sự, kỳ hậu Sa tử

thì hỏng việc, sau Sa chết.

趙遂以括爲將其母自見趙王

Triệu toại dĩ Quát vi tướng, kỳ mẫu tự kiến Triệu-vương

Vua Triệu dùng Quát làm tướng, mẹ Quát đến tâu vua Triệu

亦言括不可用趙王不聽

diệc ngôn Quát bất khả dụng. Triệu-vương bất thính

cũng nói không dùng Quát được. Vua Triệu không nghe

使括爲將而攻秦

sử Quát vi tướng nhi công Tần

cho Quát làm tướng đi đánh Tần.

括爲秦軍射死趙兵大敗

Quát vi Tần quân xạ tử, Triệu binh đại bại

Quát bị quân Tần bắn chết, binh Triệu thua to

降秦者四十萬人院於長平

Hàng Tần giả tứ thập vạn nhân, khanh ư trường-bình

40 vạn quân hàng Tần bị chôn ở Trường-bình.

蓋當時未如括善言用兵

Cái đương thời vị như Quát thiện ngôn dụng binh

Đương thời nói việc binh không ai giỏi bằng Quát

Đêm ngày, thường vẫn khuyên-can

Mà con một mực nhơn-nhơn tự-hào.

Cha lo : Nước Triệu về sau

Nếu dùng Triệu-Quát ắt mau suy-đổi...

Triệu-Sa khuất núi đi rồi,

Hay đâu Quát được vua vờ đến phong.

Triệu-mẫu ngăn vua chẳng xong ;

Vua sai Quát cứ tấn công nước Tần,

Trúng tên, hồn Quát về thần,

Một phen thất trận, Triệu-quân tan-tành.

Hàng Tần, bốn chục vạn binh

Bị chôn ở đất Trường-bình thảm thương !

Nói lời khoe mẽ ngênh-ngang,

亦未有如括大敗者也

diệt vị hữu như Quát đại bại giả dã
mà cũng chưa ai thảm bại bằng Quát.

此聽其言可用用之輒敗人事者

Thử thính kỳ ngôn khả dụng, dụng chi triếp bại nhân sự giả
Ấy là lời nói nghe được mà dùng đến thì hư việc

趙括是也秦始皇欲伐荆

Triệu Quát thị dã. Tần-thĩ-hoàng dục phạt Kinh
như trường-hợp Triệu-Quát vậy. Tần-thĩ-hoàng
định đánh Kinh-Sở

問其將李信用兵幾何

vấn kỳ tướng Lý-Tín : dụng binh kỷ hà
hỏi tướng Lý-Tín : phải dùng bao nhiêu quân

信方年少而勇對曰不過二十萬足矣

Tín phương niên thiếu nhi dũng đối viết : bất quá nhị thập vạn túc hĩ

Tín tuổi trẻ, hăng-hái, tâu : chỉ 20 vạn là đủ

始皇大喜又問以老將王翦

Thĩ-hoàng đại hĩ, hựu vấn dĩ lão tướng Vương-Tiến
Thĩ-hoàng cả mừng, lại hỏi lão-tướng Vương-Tiến

曰非六十萬不可始皇不悅曰

viết : phi lục thập vạn bất khả. Thĩ-hoàng bất duyệt viết :

Tiến nói : không 60 vạn thì không được. Thĩ-hoàng không
vui, nói :

將軍老矣何其怯也因以信爲可用

Tướng quân lão hĩ, hà kỳ khiếp dã ! nhân dĩ Tín vi khả dụng
Tướng-quân già mất rồi, sao mà nhát thối. Bèn lấy Tín làm
dùng được

Ai bằng Triệu-Quát tổn-thương não-nễ !

Ấy là lời nói dễ nghe

Dễ nghe đem dụng nhiều khi không thành !

Tần thủ-hoàng muốn đánh Kinh,

Hỏi người Lý Tín, cần binh bao người ?

Tín, bầu máu trẻ đang sôi

Tâu rằng : Không quá số hai trăm nghìn.

Vua mừng, lại muốn vững tin

Hỏi thêm Vương-Tiến là viên tướng tài.

Tiến rằng : « Sáu chục vạn người

« Diệt Kinh họa mới tính bài thành công. »

Vua nghe, chẳng được hài lòng,

Hỏi : « Sao lão-tướng đề-phòng quá đa ?

« Phải chăng nhát sợ vì già ? »

Vua dùng Lý-Tín, cho là đặc-nhân.

卽與二十萬使伐荊

tức dữ nhị thập vạn xứ phạt Kinh
liền cho 20 vạn quân đi đánh Kinh-Sở

王翦遂謝病退老於頻陽

Vương-Tiến toại tạ bệnh thoái lão ư Tần-dương
Vương-Tiến bèn tạ bệnh về dưỡng lão ở Tần-dương

己而信大爲荊人所敗

Dĩ nhi Tín đại vi Kinh nhân sở bại
Rồi đó Tín bị quân Kinh-Sở đánh thua chạy về

亡七都尉而還始皇大慙

vong thất đô úy nhi hoàn. Thĩ-hoàng đại tàm
chết 7 đô-úy, Thĩ-hoàng rất xấu hổ.

自罵如頻陽謝翦

tự mạt, như Tần-dương tạ Tiễn
Tự trách mình, đi Tần-dương tạ Tiễn

因强起之翦曰必欲用臣

nhân cưỡng khởi chi. Tiễn viết : tất dục dụng thân
cưỡng Tiễn ra binh. Tiễn nói : nếu dùng hạ-thần

非六十萬不可於是卒以

phĩ lục thập vạn bất khả. U thị lĩ dĩ
không 60 vạn không thể được, rồi lĩnh 60 vạn ra đi,

六十萬而往遂以滅荊

lục thập vạn nhi vãng, toại dĩ diệt Kinh
sau diệt được Kinh-Sở.

夫初聽其言若不可用

Phũ sơ thĩng kỳ ngôn nhược bất khả dụng
Trước nghe lời Tiễn cho là không dùng được

Giao cho hai chục vạn quân.

Tiến liền cáo bệnh lui chân quê nhà.

Tín đi rước lấy oan-gia :

Bảy đô-úy chết, binh thua chạy về !

Vua Tần hỏi chuyện trước kia,

Tần-dương tìm Tiến mời vẽ cãm quân.

Tiến rằng : « Như muốn dùng thần

« Quân sáu chục vạn phải căn mới yên »

Lãnh binh ra đến trận tiền

Giao-tranh chẳng mấy, diệt liền được Kinh.

Lời nghe như trái tai mình

然非如其言不能以成功者

nhiên phi như kỳ ngôn bất năng dĩ thành-công giả
sau thấy không theo lời ấy thì không thành-công

王翦是也且聽計於人者

Vương-Tiến thị dã. Thả thính kế ư nhân giả
như trường-hợp Vương-Tiến vậy đó. Nghe kế người bàn

宜如何聽其言若可用

nghi như hà? thính kỳ ngôn nhược khả dụng,
nên thế nào? nghe lời mà xét dùng được

用之宜矣輒敗事

dụng chi, nghi hĩ; triếp bại sự
thì dùng là nên, rút cục hỏng việc

聽其言若不可用捨之宜矣

thính kỳ ngôn nhược bất khả dụng, xả chi, nghi hĩ
nghe lời không dùng được mà bỏ

然必如其說則成功

nhiên tất như kỳ thuyết tắc thành-công
cũng nên, nhưng nếu dùng thì lại thành-công

此所以爲難也予又以謂

thử sở dĩ vi nan dã. Dư hựu dĩ vi
thế mới là khó vậy. Tôi lại cũng nói

秦趙二主非徒失於聽言

Tần Triệu nhị chủ phi đồ thất ư thính ngôn
Hai vua Tần Triệu không phải vì nghe lời mà thua

亦由樂於用新進忽棄老成

diệc do lạc ư dụng tân tiến hốt khĩ lão thành
chỉ vì ham dùng tân-tiến, bỏ lão-thành

Mà không áp-dụng khó thành công cho :

Ấy gương Vương-Tiến chưa mờ,

Nghe lời nói khó, khó vừa lòng nhau.

Nghe lời mà thấy dễ theo

Theo thì việc chẳng như điều ước xưa.

Nghe lời dù thấy khó ưa,

Cứ đem áp-dụng, lại thừa thành-công

Hai vua Tần, Triệu long-đong,

Bởi nghe không xét đến cùng đã thôi !

Chỉ vì ham kẻ nói tài

Nên ngờ, không dụng những người trí năng.

此其所以敗也大抵新進之士

Thù kị sở dĩ bại dã. Đại đề tân tiến chi sĩ

cho nên thua vậy. Thường thì kẻ tân-tiến

喜勇銳老成之人多持重

hỉ dũng nhuệ, lão thành chi nhân đa trì-trọng

trí đương nhanh mạnh, kẻ già chậm vì thận-trọng

此所以人主之好立功名者

thù sở dĩ nhân-chủ chi hiếu lập công danh giả

cũng vì vua ham công-danh

聽勇銳之語則易合

thính dũng nhuệ chi ngữ tắc dị hợp

nghe kẻ nhanh mạnh thì dễ vừa lòng

聞持重之言則難入也

văn trì trọng chi ngôn tắc nan nhập dã

nghe kẻ chậm chạp thì khó vào tai

若趙括者則又有說焉

nhược Triệu-Quát giả tắc hựu hữu thuyết yển

như Triệu-Quát, thì còn một thuyết nữa.

予畧考史記所書

Dư lược khảo Sử ký sở thư

Tôi khảo sử-ký, thời ấy

是時趙方遣廉頗攻秦

thị thời Triệu phương khiển Liêm-pha công Tần

Triệu vừa mới khiển Liêm-Pha đánh Tần

頗趙名將也秦人畏頗

Pha, Triệu danh tướng dã. Tần nhân úy Pha

Pha là danh-tướng Triệu, Tần sợ Pha

Thiếu-niên đành máu đương hăng

Lão thành thận-trọng, chậm nhưng chắc
[nhiều.

Lập công tham lầy cho mau,

Lời người tri-trọng không vào trong tai.

Lời người hăng-hái dễ xuôi,

Đến khi hỏng việc mới ngồi ăn-năn...

Việc xưa Triệu đến đánh Tần

Lại còn có thuyết cũng cần xét qua.

Sử ghi : Triệu dụng Liêm-Pha

Nước Tần nghe tiếng, gần xa kinh-hoàng :

Biết Pha danh-tướng khó đương,

而知括虛言易與也

nhĩ tri Quát hư ngôn dị dũ dã
lại biết Quát chỉ có hư ngôn dễ dối

因行反間於趙曰

nhận hành phản gián ư Triệu viết 一 一
bèn làm kẻ phản-gián, lên Triệu rằng :

秦人所畏者趙括也

Tần-nhân sở úy giả, Triệu-Quát dã
người Tần chỉ sợ Triệu-Quát

若趙以爲將則秦懼矣

nhược Triệu dĩ vi tướng, tắc Tần cụ hi
nếu Quát làm tướng, chắc Tần sợ ngay.

趙王不悟反間也

Triệu-vương bất ngộ phản gián dã
Vua Triệu không hiểu kẻ phản-gián

遂起爲將以代頗

Toại khởi vi tướng dĩ đại Pha
bèn cử Quát thay Pha.

藺相如力諫以爲不可

Lạn-tương-như lực gián dĩ vi bất khả
Lạn-tương-như cố can rằng không nên

趙王不聽遂至於敗

Triệu-vương bất thính toại chí ư bại
Vua không nghe, đi đến thua trận.

由是言之括虛談無實

do thị ngôn chi : Quát hư đàm vô thực
Do đó mà nói : Quát nói giỏi mà không thực tài

Lại thừa biết Quát chỉ phùng hư-ngôn.

Đổi đầu với Quát dễ hơn,

Dùng mưu phản-gián, phao đồn khắp nơi

Rằng : « Tần riêng sợ Quát thôi,

« Quát mà làm tướng, Tần ngồi không an »

Triệu vương không biết mưu gian.

Bỏ Pha, giao Quát lo toan việc Tần.

Lạn Tương-như cố can-ngăn

Nhưng vua chẳng chuyển, vẫn khen Quát tài.

Quát thì được mã bên ngoài.

而不可用其父知之

nhi bất khả dụng, kỳ phụ tri chi

nên không thể dùng được, cha Quát cũng biết

其母亦知之趙之諸臣

kỳ mẫu diệc tri chi, Triệu chi chư thần

mẹ Quát cũng biết, các quan Triệu

藺相如等亦知之

Lạn-tương-như đẳng diệc tri chi

như Lạn-tương-như cũng biết thể.

外至敵國亦知之獨其主不悟爾

ngoại chí địch quốc diệc tri chi, độc kỳ chủ bất ngộ nhi

ngoài đến nước địch cũng biết, chỉ có vua là không tỉnh-ngộ

夫用人之失下天之人皆知

Phù dụng nhân chi thất, thiên-hạ chi nhân giai tri

Dùng người mà không phải cách, thiên-hạ đều biết

其不可用而獨其主不知者

kỳ bất khả dụng nhi độc kỳ chủ bất tri giả

là không nên, chỉ có vua không biết.

莫大之患也前世之禍

mạc đại chi hoạn dã. Tiền thế chi họa

Còn bệnh nào to hơn nữa

亂敗亡由此者不可勝數也

loạn bại vong do thử giả bất khả thắng số dã

Vạ bại vong từ trước vẫn do đó mà ra không xiết kể.

Còn trong, đâu có thực-tài đảm đương

Mẹ cha biết đã rõ-ràng

Triều-thần cũng thấy ngỗ-ngàng sợ lo.

Nước ngoài đều chắc Triệu thua

Chỉ riêng có một mình vua tin dùng !

Dùng người, ví chẳng xét cùng.

Đề thiên-hạ biết rằng không đáng tài,

Bệnh này nặng nhất trăn-ai,

Cổ kim đếm một chuỗi dài bại-vong !



*Chỉ lăm khi trở về già,
Lâu son gác tía mây tò thông-dong!*

書洛陽名園記後

THƯ «LẠC-DƯƠNG DANH-VIÊN KÝ» HẬU

ĐỂ CUỐI TẬP

«LẠC-DƯƠNG DANH-VIÊN KÝ»

李格非

Lý Cách-Phi

TIỂU-DẪN. — Lý Cách-Phi, tự Văn-Thúc, người đất Tề-nam, sinh đời Tống, đỗ tiến-sĩ, từng làm những chức giáo-thụ, bác-sĩ, hiệu-thư-lang, trước-tác tá-lang, Lễ-bộ viên-ngoại-lang. Triều Huy-Tôn, thầy kẻ gian lộng-quyền quá nhiều, nên cáo quan về.

Tập *Lạc-dương danh-viên ký* ghi chép những nơi biệt-thự hữu danh của công-khanh đời Bắc-Tống như Phú-Trịnh-công viên, Lã-Văn-Mục viên, cộng 19 sở, lời văn tao-nhã, được truyền-tụng một thời. Bài văn sau đây là bản bình-luận ở sau tập «*Danh-viên ký*».

洛陽處天下之中

Lạc-dương xử thiên-hạ chi trung

Đất Lạc-dương ở giữa toàn-quốc

挾穀澠之阻

kép Hào Thằng chi trở

kẹp vào giữa hai nơi hiểm-trở thiên-nhiên

là: Hào-sơn và Thằng-trì

當秦隴之襟喉

Đương Tần Lũng chi khâm hầu

đường vào hai đất Tần, Lũng là hai nơi quan-yêu

khác nào như cổ-áo, như cuống-họng

而趙魏之走集

nhi Triệu Ngụy chi tẩu-tập

mà lại là nơi tranh-cạnh của hai nước Triệu, Ngụy.

蓋四方必爭之地也

Cái tứ phương tất tranh chi địa dã.

Chính là chỗ đất mà bốn phương tất phải tranh giành nhau.

天下常無事則已

Thiên-hạ thường vô sự, tắc dĩ

Lúc thiên-hạ thái-bình vô sự, không kể,

有事則洛陽必先受兵

hữu sự, tắc Lạc-dương tất tiên thụ binh

Nếu lúc có việc tranh-chấp nhau thì Lạc-dương bị nạn binh-đao trước tiên.

Lạc-dương nằm giữa trung-nguyên :

Một bên Hào-lĩnh, một bên Thăng-trì.

Thiên-nhiên thế hiểm chở-che,

Hai miền Tần, Lũng cùng về một nơi.

Lũy-tường sẵn được thợ trời

Chấn cho Triệu, Ngụy, nơi nơi vững-vàng.

Yết-hầu chính ở Lạc-dương :

Ấy nơi thâu-tập bốn phương tranh mỗi.

Thái-bình, thì chẳng kể rồi,

Một khi khởi hấn, châm ngòi là đây.

予故常曰洛陽之盛衰

Dư cố thường viết : Lạc-dương chi thịnh-suy

Cho nên ta thường nói : Lạc-dương thịnh hay suy

天下治亂之候也

Thiên-hạ trị-loạn chi hậu dã.

là trung-triệu của sự trị-loạn trong nước vậy,

方唐貞觀開元之間

Phương Đường Trinh-quán Khai-nguyên chi gian

Đời Đường khoảng niên-hiệu Trinh-quán và Khai-nguyên (đời thái-bình)

公鄉貴戚開館列第

công-khanh quý-thích khai quán liệt đệ

hàng công-khanh và hoàng-tộc xây biệt-thự la liệt

於東都者號千有餘邸

ư Đông-đô giả hiệu thiên hữu dư đệ

tại Lạc-dương có kể hàng ngàn nóc

及其亂離繼以五季之酷

Cập kỳ loạn-ly kế dĩ Ngũ-Quý chi khổ

Đến khi ly-loạn, sau đến loạn Ngũ-Quý (sau Hậu-Đường) thảm khổ

其池塘竹樹, 兵車蹂躪

kỳ trì đường trúc thụ, binh xa nhu lạp

ao đường, vườn-tược bị xe nhà binh giầy-xéo

廢而爲丘墟, 高亭大榭

phế nhi vi khâu-khư, cao-đình đại-tạ

tàn phá thành gò đồng, đình cao tạ lớn

Ta từng có dịp phân-bày :

Đô này suy, thịnh : nước này nguy, yên !

Đời Đường (Trình-quán, Khai-nguyên)

Đã dư giầu-mạnh, lại quen thanh-bình.

Các hàng hoàng-tộc, công, khanh,

Xây lâu, dựng các ở kinh, kê ngàn...

Về sau ly-loạn gian-nan,

Qua đời Ngũ-Quý điêu-tàn thảm-thê.

Những nơi sấm-uất xưa kia,

Bình xa giày-xéo khác gì gò hoang.

煙火焚燎，化而爲灰燼

yên hỏa phẫn liêu, hóa nhi vi hôi-tân

bị thiêu-hủy, biến thành đông tro tàn

與唐共滅而俱亡

dữ Đường cộng diệt nhi câu vong

cùng với nhà Đường cùng bị diệt vong

無餘處矣，予故嘗曰

vô dư xứ hĩ. Dư cố thường viết :

không chỗ nào còn. Nên ta từng nói :

園園之廢興

viên phổ chi phĩ-hưng,

nhà cửa vườn tược hưng-vượng hay bại vong, là

洛陽盛衰之候也

Lạc-dương thịnh-suy chi hậu dã.

trung triệu của sự thịnh-suy đất Lạc-dương

且天下之治亂

Thả thiên-hạ chi trị loạn

vả chẳng sự trị-loạn của quốc-gia

候於洛陽之盛衰而知

hậu ư Lạc-dương chi thịnh-suy nhi tri

cứ xem Lạc-dương thịnh-suy thì hiểu ngay.

洛陽之盛衰

Lạc-dương chi thịnh-suy

Lạc-dương thịnh hay suy

Đình cao, nhà lớn thênh-thang,

Sau cơn khói lửa, tang-thương đến điều !

Tro tàn một đống quạnh-hiu,

Vận, so ra cũng diệt theo nhà Đường...

Cho nên ta mới nói rằng :

Lâu-dài, vườn-tược, mất chẳng ? hay còn ?

Là theo vận-mạng nước non,

Thịnh, suy, thấy rõ, đâu hơn đô-thành !

候於園圃之興廢而得

hậu ư viên-phổ chi phễ hưng nhi đắc.

cứ xem ở vườn tược dinh thự còn hay mất thì biết rõ.

則名園記之作予豈徒然哉

tắc Danh-viên-ký chi tác, dư khởi đồ nhiên tai !

Như được thể thì tác-phẩm « Danh-viên-ký » ta há coi là vô-ích ?

嗚呼公鄉大夫方進於朝

Ô hô ! công-khanh đại-phu phương tiến ư Triều

Ôi, quan sang chức lớn lúc mới bổ vào triều

放乎一己之私意以自爲

phóng hồ nhất kỷ chi tư ý dĩ tự vị

cứ thả cho theo tư-ý mình, chỉ vị riêng mình

而忘天下之治忽

nhi vong thiên-hạ chi trị hốt

mà quên khuấy sự quốc-gia thịnh-trị, hay bại-hoại

欲退享此樂, 得乎

dục thoái hưởng thử lạc, đắc hồ ?

chỉ muôn lúc lui về hưởng hạnh-phúc nơi vườn tược dinh-thự. Đâu có được như ý ?

唐之末路是矣

Đường chi mạt-lộ thị hĩ.

Nhà Đường đến đường cùng cũng vì thế.

Đô-thành, muốn biết tình-hình,

Chỉ trông nhà cửa là mình hiểu ngay.

Ta gom vào tập ký này,

Há là vô-ích, ghi đây mấy dòng :

Than ôi ! hoàng-tộc, vương-công,

Một khi tham-dự vào trong triều-đình,

Là lo bù-đắp riêng mình,

Dân-sinh, quốc-kế, thôi đành bỏ qua...

Chỉ lắm khi trở về già,

Lầu son gác tía mấy tòa thông-dong !

Lòng này được toại hay không ?

Nhà Đường đến bước đường cùng... gẫm coi...



Rõ là nghi-vệ đường-đường

Hỏi rằng công-nghiệp ra tuồng gì chưa?

賣柑者言

MẠI CAM GIẢ NGÔN

LỜI NGƯỜI BÁN CAM

劉基

Lưu-Cơ

TIỂU-DẪN. — Sinh cuối đời Nguyên (1311-1375), Lưu-Cơ tự Bá-Ôn, quán tỉnh Chiết-giang. Đỗ tiên-sĩ, thông thiên-văn, giỏi binh-pháp. Làm quan với nhà Nguyên, nhưng không đắc dụng, bỏ về quê ở. Sau được Minh-thái-tổ vời ra, ông giúp nhiều mưu chước thu phục nhân-dân Trung-hoa. Vua thường gọi là «lão tiên-sinh» chứ không gọi bằng tên. Bị Hồ-duy-Dung dèm-pha, phẫn-uất mà chết. Văn-chương họ Lưu tỏ khí-phách khác người, cùng với Tông-Liêm nổi tiếng danh-sĩ một thời.

杭有賣果者善藏柑

Hàng hữu mại quả giả, thiện tàng cam :

Ở Hàng-châu có anh buôn quả cây khéo dành-dập cam lắm.

涉寒暑不潰

Thiệt hàn thử bất hội,

Qua mùa nóng mùa lạnh mà cam vẫn không thối nát,

出之燁然玉質而金色

xuất chi diệp nhiên, ngọc chất chi kim sắc.

Đem bày ra trông đẹp lắm rõ ràng chất ngọc sắc vàng !

置於市價十倍人爭鬻之

Tri ư thị giá thập bội, nhân tranh dục chi.

Bán tại chợ, giá rất đắt người ta tranh nhau mua.

予貿得其一

Dư mậu đắc kỳ nhất.

Ta cố chuốc được một quả.

剖之如有烟撲口鼻

bổ chi như hửu yên phác khẩu tị.

Bửa ra có hơi-khói sặc lên mũi.

視其中則乾若敗絮

Thị kỳ trung, tắc can nhược bại nhũ.

Coi ở trong thời đã thối nhũn.

予怪而問之曰

Dư quái nhi vấn chi viết :

Ta lấy làm lạ, hỏi người bán cam :

若所市於人者

« Nhược sở thị ư nhân giả,

Cam này đem bán cho người ta,

Đất Hàng có kẻ buôn cam

Khéo tay gìn-giữ quanh năm không hà.

Vẻ tươi đẹp, màu da vàng thắm,

Đề lâu ngày không rám, không khô.

Bày ra ai cũng thích mua.

Giá tiền dẫu đắt, vẫn đua chuốc hoài.

Ta ngẫu-hứng mua chơi một quả,

Bóc vỏ ngoài, thấy tỏa hơi lên.

Lạ-lùng, vội bửa ra nhìn,

Thì trong mớ thẽch... thôi tiền mất toi !

Gọi anh lái, ngỏ lời nghiêm trách :

— Gớm cho người điêu-chác thế à ?

« Cam này bán để người ta

將以實籩豆奉祭祀

tương dĩ thực biên đậu, phụng tể tự,

Dùng đồ đựng cúng thần thánh,

供賓客乎將銜外以惑愚瞽乎

cung tân khách hồ? Tương huyển ngoại dĩ hoặc ngu cồ hồ?

đãi đọa tân khách ư? hay là cớ trang sức bề ngoài, bán cho đất, để lừa dối kẻ ngu ngốc gà-mờ ư?

甚矣哉爲欺也

Thậm hĩ tai vi khi dã! »

Sao mà gian-dối quá vậy?

賣柑者笑曰

Mãi cam giả tiểu viết :

Người bán cam cười, đáp :

吾業是有年矣

« Ngô nghiệp thị hữu niên hĩ.

« Tôi chuyên nghề bán cam đã lâu năm lắm.

吾賴是以食吾軀

Ngô lại thị dĩ tự ngô khu.

Nhờ nghề này để sinh-nhai (nuôi thân)

吾售之人取之

Ngô thụ chi, nhân thủ chi,

Tôi bán ra, người mua lấy,

未有所言而獨不足於子乎

vi hữu sở ngôn, nhi độc bất túc ư tử hồ?

chưa từng thấy ai hỏi mỗi chẻ trách, nay chỉ thấy có mình

« Mang về đãi khách hay ra cúng thần ?

« Người mua há ngu-đần hết thấy

« Mà tính bài xằng-bậy thế chẳng ! »

Lái cam cười nhạt đáp rằng :

— Tôi đây dĩ nghệ đã từng bấy lâu,

« Buôn quanh-quần chỉ cầu lấy sống,

« Khách xa gần ai cũng tìm mua

« Chẳng ai chê trách bao giờ,

« Đến nay mới một ông là không ưng.

世之爲欺者不寡矣

Thế chi vi khi giả bất quả hĩ,

Ở đời biết bao nhiêu kẻ gian dối.

而獨我也乎

nhi độc ngã dã hồ?

Đâu có một mình tôi.

吾子未之思也

Ngô tử vi chi tư dã...

Ông nông lòng không biết nghĩ sâu.

今夫佩虎符坐臯比者

Kim phù : bội hồ phù, tọa cao bì giả,

Kìa ! thời nay biết bao kẻ đeo ấn hổ ngồi trên nệm da lừm,

洸洸乎干城之具也

quang quang hồ can thành chi cụ dã ;

Trông rõ đường đường phương diện quốc-gia

果能授孫吳之略耶

quả năng thụ Tôn Ngô chi lược da?

Thế mà lục thao tam lược của Tôn-Tấn Ngô-Khởi có biết tý gì chăng ?

峨大冠拖長紳者

Nga đại quan, đà trường thân giả,

Lại những kẻ mũ cao, áo dài,

昂昂乎廟堂之器也

ngang ngang hồ miếu đường chi khí dã ;

ngênh ngang ra vẻ là quan cả phò vua giúp nước.

果能建伊臯之業耶

quả năng kiến Y Cao chi nghiệp da?

Thế mà có dựng nổi nghiệp lớn như Y-Doãn Cao-Dao không ?

« Ông há chẳng biết rằng bao kẻ :

« Chỉ chăm chăm tìm kẻ lừa người.

« Phải đâu có một mình tôi,

« Dám tin ông xét việc đời chưa sâu...

« Kìa những kẻ mình đeo ấn hõ,

« Nệm da beo ngời rõ uy-nghi,

« Vẻ ngoài lăm-liệt gớm-ghe,

« Mà trong thao-lược có gì hay chẳng ?

« Lại những kẻ nghiêm-trang trịnh-trọng :

« Mũ đội cao, đai rộng xênh-xang,

« Rõ là nghi-vệ đường-đường

« Hỏi rằng công-nghiệp ra tuồng gì chưa ?

盜起而不知御

«Đạo khởi nhi bất tri ngự,

Trộm cướp nổi lên mà không biết cách ngăn ngừa !

民困而不知救

dân khốn nhi bất tri cứu,

Dân tình khốn khổ mà không tìm phương cứu trợ,

吏奸而不知禁

lại gian nhi bất tri cấm,

quan tham lại những mà không biết cách ngăn cấm !

法敎而不知理

pháp độ nhi bất tri lý,

Pháp độ đồ nát mà không biết cách sửa sang !

坐縻廩粟而不知恥

tọa mi lẫm túc nhi bất tri sỉ.

Ngồi ôm lấy kho tàng mà không biết lờ !

觀其坐高堂騎大馬

Quan kỳ tọa cao đường, kỳ đại mã,

Kìa xem, ở nhà cao, cưỡi ngựa béo,

醉醇醴而飫肥鮮者

túy thuần lễ nhi ú phì tiên giả,

uống rượu thơm, ăn đồ béo,

孰不巍巍乎可畏

thục bất巍巍 hồ khả úy,

Rõ ra vẻ oai nghiêm, ai mà không sợ,

赫赫乎可象也

hách hách hồ khả tượng dã.

Trông ra bộ hách dịch, ai thấy chẳng kinh.

« Giặc cướp-phá, không ngừa được hẳn

« Dân đóii-ngheo cũng vẫn lăm-than !

« Lại còn tham những đủ đường,

« Của kho sẵn đó tiêu hoang sá gì !

« Ở lâu cao, đi, về, ngựa lớn,

« Tiệc tùng luôn, chè chén linh-đình.

« Vênh-vang rõ khéo hợm mình

« Ai trông mà chẳng thất-kinh rụng-rời !

又何往而不金玉其外

Hựu hà vãng nhi bất kim ngọc kỳ ngoại,
Có gì đâu, chẳng qua là : ngọc vàng màu mỡ ngoài da,

敗絮其中也哉

bại như kỳ trung dã tai?
mà trong dơ bẩn thôi tha vô cùng !

今子是之不察而以察吾柑

Kim tử thị chi bất sát, nhi dĩ sát ngô cam... »
Thế mà ông ngơ đi không xử đến, lại chỉ xét-nét quả cam
của tôi ».

予默然無以應

Dư mặc nhiên vô dĩ ứng.
Ta đờ hòng ra không nói năng gì được cả.

退而思其言

Thoái nhi tư kỳ ngôn,
Lui về nghĩ những lời của anh hàng cam.

類東方生滑稽之雄

loại Đông phương sinh hoạt kê chi hùng.
Hệt lời hoạt-kê hùng hồn của Đông-Phương-Sóc.

豈其憤世嫉邪者耶

Khởi kỳ phẫn thế嫉 tà giả da,
Phải chăng là bức tức đời, căm hờn kẻ gian-nịnh

而託於柑以諷耶

nhi thác ư cam dĩ phúng da?
Thác, ngụ vào chuyện quả cam để răn người đời chăng ?

« Nhưng rút lại : bề ngoài vàng ngọc,

« Mà đến trong cũng mỗc khác gì !

« Ông không chỉ-trích ai kia,

« Lại đi chỉ-trích riêng nghề bán cam ? »

Ta nghe vậy, đành im hết cãi

Trở ra về, nghĩ-ngợi gần xa :

Chuyện đâu ai khéo bày ra

Lỗi Đông-phương-Sóc (1) rõ là hoạt-kê !

Ấy cũng vị lòng kia ngay thẳng

Ghét trò đời đời trắng thay đen.

Trái cam chi sá vật hèn,

Ngụ lời trào-phúng, mong rèn người sau.

(1) Tên một nhà văn-học đời Hán, sở-trường vẽ ngón khôi-bài, thường mượn lời trào-phúng để can-gián lỗi vua.



Ngựa xe bận-rộn thân mình

Sao bằng hoa rượu mặc tình nhớn-nhờ

桃花塢
ĐÀO-HOA Ồ

LƯNG ĐÀO-HOA

唐伯虎
Đường Bá Hồ

TIỂU-DẪN. — Đường Dần tự Bá-Hồ biệt-hiệu Lục-Như, sinh vào thời Minh, quê ở Ngô-huyện. Đỗ cử-nhân, tính tình hào phóng hiếu khách, văn-chương tao-nhã, ngôn bút hội-họa cũng tinh-công.

Hay say-mê sắc đẹp, lắm phen phiêu-lưu bể ái, để lại nhiều giai-thoại trong Tình-sử.

桃花塢裏桃花菴

Đào-hoa ồ lý, đào hoa am

桃花菴裏桃花僊

Đào-hoa am lý, đào-hoa tiên

桃花仙花種桃樹

Đào-hoa tiên-nhân chủng đào thụ

又折花枝當酒錢

Hựu chiết hoa-chi đương tửu tiền

酒醒只在花前坐

Tửu tỉnh chỉ tại hoa tiền tọa

酒醉還須花下眠

Tửu túy hoàn tu hoa hạ miên

花前花後日復日

Hoa tiền hoa hậu, nhật phục nhật

酒醉酒醒年復年

Tửu túy tửu tỉnh, niên phục niên

不願鞠躬車馬前

Bất nguyện cúc-cung xa-mã tiền

但願老死花酒間

Đãn nguyện lão tử hoa tửu gian

Lũng đào-hoa, hoa-am sẵn đó ;

Trong hoa-am, lại có hoa-tiên.

Hoa-tiên vun gốc đào tiên,

Cành đào đem bẻ lấy tiên mua men.

Khi tỉnh rượu, đòi phen ấp-ủ ;

Mà khi say, lăn ngủ bên hoa.

Bên hoa ngày tháng la-đà,

La-đà ngày tháng là ta phỉ-nguyên.

Hay gì thói cửa quyền luôn cúi !

Ta chỉ cầu thác với rượu hoa...

車塵馬足貴者趣

Xa-trần mã-túc quý-giả thú

酒盡花枝貧者緣

Tửu trản hoa chi, bần-giả duyên

若將富貴比貧賤

Nhược tương phú-quý tỉ bần-tiện

一在平地一在天

Nhất tại bình địa, nhất tại thiên

若將貧賤比車馬

Nhược tương bần-tiện tỉ xa-mã

他得驅馳我得閑

Tha đắc khu-trì, ngã đắc nhàn

世人笑我忒風癲

Thế-nhân tiếu ngã thắc phong điên,

我笑世人看不穿

Ngã tiếu thế-nhân khan bất xuyên :

記得五陵豪傑墓

Ký đắc Ngũ-lăng hào-kiệt mộ ?

無酒無花鋤作田

Vô tửu vô hoa sừ tác điền !

Giấu sang có thú kiêu-sa,

Ta nghèo chén rượu nhàn hoa vui-vầy.

So phú-quý sao tầy thanh-bạch :

Thanh-bạch yên, phú-quý bấp-bênh !

Ngựa xe bận-rộn thân mình,

Chi bằng hoa rượu mặc tình nhớn-nhờ...

Thiên-hạ cứ cười ta gàn dở

Ta chỉ cười thiên-hạ hồ-đồ :

Anh-hùng nằm dưới năm mồ,

Dấu xưa khét tiếng trên gò Ngũ-lăng,

Mà hoa, mà rượu, không từng,

Thì nay cây cối san bằng, cũng thôi !



Ra sân tay sẵn bút

Viết chữ «tương-tư» này...

相 思

TUƠNG-TU

NHỚ NHAU

情 史

Tình-sử

拭翠飲雙蛾

Thức thủy, liêm song nga,

爲勞心中事

Vì uất tâm trung sự,

匿管下庭除

Nịch quản hạ đình trừ,

書就相思字

Thư tựu tương-tư tự.

此字不書石

Thử tự bất thư thạch,

此字不書紙

Thử tự bất thư chỉ,

書向秋葉上

Thư hướng thu-diệp thượng,

願隨秋風起

Nguyện tùy thu phong khởi.

**Vuốt lại bên mái tóc,
Đăm đăm chau đôi mày,
Niềm riêng lòng phẫn-uất
Ra sân tay sẵn bút
Viết chữ tương-tư này.**

Chữ chẳng viết lên đá

Chữ chẳng viết lên giấy

Trời thu mượn lá vàng

Viết cho gió cuốn lấy.

天下有心人

Thiên hạ hữu tâm nhân

盡解相思死

Tận giải tương tư tử ;

天下負心人

Thiên hạ phụ tâm nhân,

不識相思意

Bất thức tương tư ý.

有心與負心

Hữu tâm dĩ phụ tâm

不知落何地

Bất tri lạc hà địa.

Người đời ai có lòng,

Ắt hiểu tương-tư khổ ;

Người đời ai phụ lòng,

Tương-tư đâu có rõ !

Có lòng hay phụ lòng,

Lá này rạt vẽ đâu ?



PHỤ-LỤC

những bài hán-văn
đã có bản dịch cũ



Đàn cầm thánh-thót mây dây!

琴者引
CẨM GIẢ DẪN

CHUYỆN CÔ CẨM

阮攸

Nguyễn-Du

TIỂU-DẪN. — Nguyễn-Du sinh năm Cảnh-hưng 26 (1765) tại làng Tiên-diễn, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, Trung-Việt. 19 tuổi đỗ tú-tài (1783) không chịu ra giúp nhà Tây-Son. Mãi 1802, mới ra làm quan triều Gia-long. Năm 1813, cầm đầu sứ-bộ sang Trung-hoa. Năm 1820, được cử sang sứ lần nữa, chưa kịp đi thì nhuốm bệnh rồi từ-trần.

Bài này ông thuật lại chuyện một nữ nghệ-sĩ từng gặp thừa thiếu-thời, rồi trải bao chính-biến, ông lại tái-ngộ vào mấy chục năm sau, vào lúc ông đã lòng tuổi, mà cô Cẩm nhan-sắc cũng đã tàn-tạ.

龍城佳人

Long thành giai nhân

Người đẹp Thăng-Long

不記名字

Bất ký danh tự

Họ tên không rõ

獨善絃琴

Độc thiện huyền cầm

Tiếng đàn nào nùng

舉城之人以琴名

Cử thành chi nhân dĩ Cầm danh

Đời gọi Nàng Cầm danh tự đó

學得先朝宮中供奉曲

*Học đắc tiên triều cung trung « Cung-Phụng
[khúc »*

Khúc Cung-Phụng triều xưa học chôn thâm cung

自是天上人間第一聲

Tự thị thiên thượng nhân gian đệ nhất thanh

Tự cho khắp dưới đất trên trời hiếm có

余在少年曾一見

Dư tại thiếu niên từng nhất kiến

Tuổi trẻ một lần ta gặp gỡ

監湖湖邊夜開宴

Giám-Hồ hồ biên dạ khai yến

Tiệc bên Hồ Giám một đêm nọ

Thành Thăng-Long nhớ từ thừa nọ,

Bậc giai-nhân tên họ ai hay

Đàn cầm thánh-thót mấy dây

Khắp thành quen miệng gọi ngay : Nàng Cầm

« Cung Phụng khúc » xưa ngâm trong Nội

Phổ nên chương tiếng nổi một thời

Nhớ ngày đương độ vui chơi

Giám-Hồ yến tiệc gặp người tài hoa

此時三七正芳年

Thử thời tam thất chính phương niên

Đương thì hai một morn tươi hồng

春風掩映桃花面

Xuân phong yểm ánh đào hoa diện

Hây hây xuân vẽ đào cợt gió

酡顏慙態最宜人

Đà nhan hám thái tối nghi nhân

Rượu dỏ say duyên đượm vẻ nồng

歷亂五聲隨手變

Lịch loạn ngũ thanh tùy thủ biến

Đàn năm tiếng ngón buông to nhỏ

緩如涼風度松林

Hoãn như lương phong độ tùng lâm

Khoan như gió nhẹ lướt ngàn thông

清如隻鶴鳴在陰

Thanh như chỉ hạc minh tại âm

Trong như hạc lẻ kêu trời không

烈如荐福碑頭碎霹靂

Liệt như Tiễn-Phúc bi đầu toái tích lịch

Mạnh như sét nổ đánh tan bia Tiễn-Phúc

哀如莊鳥病中爲越吟

Ai như Trang tích bệnh trung vi Việt-Ngâm

Buồn như Khúc-Việt Trang-tích ngâm não lòng

Tuổi hăm một nồn nà lộng lẫy
 Gió xuân êm hây hây bông đào
 Men tô duyên nảo nùng sao
 Nỉ non năm tiếng thấp cao tuyệt vời
 Theo tay ngọc lòng người ủ rữ
 Tiếng bỗng trầm to nhỏ miên-man
 Khoan như gió lướt thông ngàn
 Trong như tiếng hạc lạc đàn kêu sương
 Mạnh như sấm phũ-phàng xé đá
 Tiến-Phúc bia nỗ phá âm ăm (1)
 Buồn như khúc Việt ai ngâm (2)
 Nỗi lòng Trang-Tích âm thầm mà đau

(1) Tiến-Phúc bi : bia chùa Tiến-Phúc ở Nhiều-châu, tỉnh Giang-tây. Đời Tống, Phạm Trọng-Yêm làm thứ-sử Nhiều-châu, chữ viết rất tốt. Một hôm có hạn đến xin chữ, Phạm bảo nên đến chùa Tiến-Phúc gặp chữ ở bia, còn quý hơn. Khi hạn đến chùa thì gặp cơn mưa, sấm-sét ăm-ăm đánh tan mất tấm bia.

(2) Trang-Tích, đời Xuân-thu, người nước Việt làm quan nước Sở. Khi Trang ốm, vua Sở muốn biết Trang còn nhớ nước cũ không, triệu-thần có kẻ tâu :

— Người ốm hay nhớ quê-hương nay Trang đương nằm bệnh, nếu nhớ nước Việt thì sẽ hát tiếng Việt, bằng không thì hát tiếng Sở.

Vua cho người dò xem, thì thấy Trang hát tiếng Việt, giọng rất bi-ai.

聽者靡靡不知倦

Thính giả mi mi bất tri quỵện

Nỉ non thánh thót nghe không chán

盡是中和大內音

Tận thị Trung hòa Đại nội âm

Đại nội Trung Hòa chính khúc xưa

西山諸臣滿座盡傾倒

Tây sơn chư thần mãn tọa tận khuynh đảo

Quân tướng Tây sơn trên tiệc đều lão đảo

徹夜追歡不知曉

Triệt dạ truy hoan bất tri hiếu

Lăn lóc thâu đêm sáng chẳng ngờ

左拋右擲爭纏頭

Tả phao hữu trịch tranh缠 đầu

Nghiêng ngả tranh giành thưởng găm lượ

泥土金錢殊草草

Nê thổ kim tiền thù thảo thảo

Ngàn vàng coi rẻ tựa bùn cỏ

豪華意氣凌公侯

Hào hoa ý khí lăng công hầu

Hào hoa trí khí thách công hầu

五陵年少不足道

Ngũ lăng niên thiếu bất túc đạo

Ngũ lăng niên thiếu cuộc đành bỏ

Điệu êm ả nghe lâu chẳng mỏi

Chính khúc này Đại Nội triều xưa

Tây-sơn quân tướng thần thờ

Ngả nghiêng đến sáng còn chưa thỏa lòng

Quăng lụa thưởng tây đông tiu-tít

Vàng tựa bùn cứ việc vung tay

Công hầu hào khí đua say

Ngũ lăng niên thiếu một bày sá chi

并將三十六宮春

Tinh tương tam thập lục cung xuân

Khéo là lướt ba mươi sáu cung

換取長安無價寶

Hoán thủ Tràng An vô giá bảo

Báu Tràng an ngọc lành khôn đo

此夕回頭二十年

Thử tịch hồi đầu nhị thập niên

Hai mươi năm trước, Òi từ thừa..

西山敗後余南遷

Tây sơn bại hậu, dư Nam thiên

Tây-sơn thua rồi, Nam bộ chơi

咫尺龍城不復見

Chỉ xích Long Thành bất phục kiến

Long Thành gang tấc còn mù mịt

何況城中歌舞筵

Hà huống thành trung ca vũ diên

Khúc điệu cung tàn nhớ cũng thôi

宣撫使君爲余重買笑

Tuyên phủ sứ quân vì dư trùng mãi tiếu

Tuyên Phủ vì ta mua vui lại mở tiệc

席中歌妓皆年少

Tịch trung ca kỹ giai niên thiếu

Cả nhi tươi trẻ chập trong lầu

席末一人髮半華

Tịch mạt nhất nhân phát bán hoa

Cuối bàn một Ả sương pha tóc

Dạo khúc xuân diễm kỳ lả lướt

Băm sáu cung thánh thót xinh xinh

Tràng-An treo ngọc liên thành

Phẩm cao vô giá, tài tình riêng ai

Thoảng hai chục năm trời từ đấy

Tây-sơn thua, ta trẩy Nam Hà

Long-Thành gang tấc còn xa

Điệu xưa nhớ mấy cũng là đành thôi !

Tuyên-phủ-sứ lại mời dự tiệc

Thiếu chi người mày biếc má hồng

Cuối bàn phảng phất não nùng

顏醜神枯形畧小

Nhan xú thần khô hình lược tiều

Mặt vồ thần khô vẻ héo rầu

狼藉殘眉不飾粧

Lang tạ tàn mày bất sức trang

Ủ rũ duyên tàn mày điểm nhạt

誰知便是當年城中第一調

Thùy tri tiện thị đương niên thành trung đệ

[nhất điệu]

Ai biết trong thành thừa trước đàn hay chiêm

[giải đầu]

舊曲新聲暗淚垂

Cựu khúc tân thanh ám lệ thùy

Khúc xưa giọng mới gieo thấm lệ

耳中靜聽心中悲

Nhĩ trung tĩnh thính tâm trung bi

Réo rắt bên tai gọi nỗi đau

猛然憶起二十年前事

Mãnh nhiên ức khởi nhị thập niên tiền sự

Hoảng hốt nhớ lại hai mươi năm chuyện cũ

監湖湖邊曾見之

Giám-Hồ hồ biên từng kiến chi

Hồ Giám bên hồ đã gặp nhau

城郭推移人事改

Thành quách suy di nhân sự cải

Thành quách đổi thay người cũng đổi

Một nàng đầu tóc hình dung bơ phờ

Mình gãy vỡ mây thừa duyên nhạt

Ai biết Nàng oanh liệt xưa kia

Khúc đau lẹ chảy đầm đìa

Khiến người nghe những đê mê xót thăm

Chợt nhớ lại bao năm chuyện cũ

Từng bên ai vui thú Hổ xưa

Thành tàn duyên cũng xác xơ

幾度桑田變蒼海

Kỷ độ tang điền biến thương hải

Mây lần bãi biển hóa nương dâu

西山基業一旦盡消亡

Tây sơn cơ nghiệp nhất đán tận tiêu vong.

Công nghiệp Tây sơn một sớm tiêu tan hết

歌舞空留一人在

Ca vũ không lưu nhất nhân tại

Ca vũ một người còn lại sau

瞬息百年曾幾時

Thuãn tức bách niên tăng kỷ thì

Trăm năm một thoáng dài bao nă

傷心往事淚沾衣

Thương tâm vãng sự lệ triêm y

Xót nỗi niềm xưa áo dẫm châu

南河歸來頭盡白

Nam hà quy lai đầu tận bạch

Nam hà trở gót thương đầu bạc

怪底佳人顏色衰

Quái đê giai nhân nhan sắc suy

Nhan sắc người xưa cũng đổi màu

雙眼瞪瞪空想像

Song nhãn trừng trừng không tưởng tượng

Thăm nỗi trùng trùng mà bở ngỡ

可憐對面不相知

Khả liên đối diện bất tương tri

Rõ ràng mở mắt biết ai đâu !

Ngậm ngùi mấy cuộc biển mờ dâu xanh

Rối một sớm bại thành là thế

Cảm khúc ca Trời để một người

Trăm năm một thoáng bao dài

Ngậm ngùi chuyện cũ cho đời buồn đau

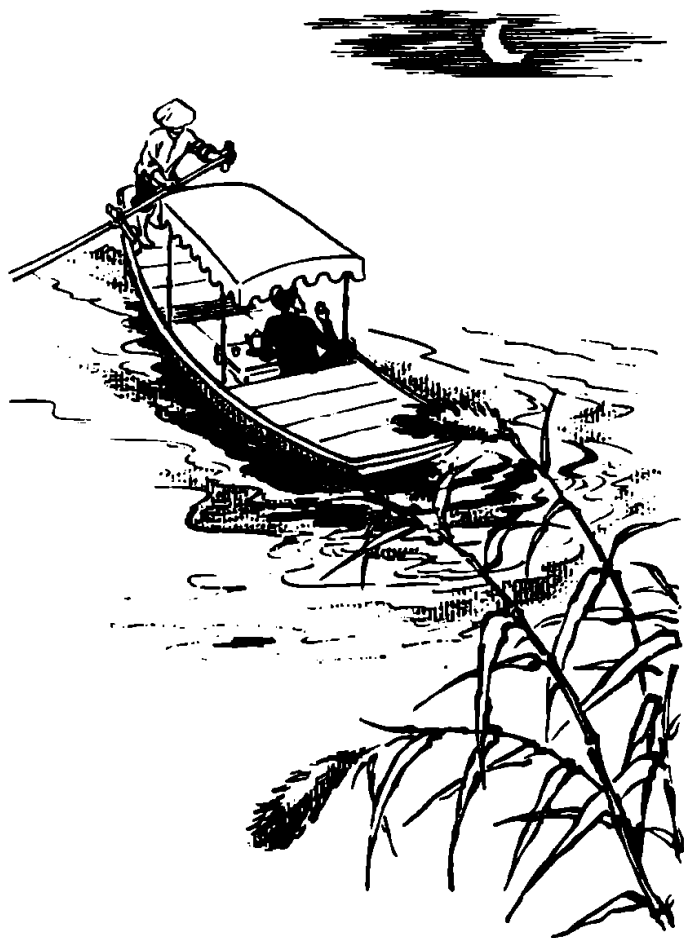
Ở Nam về, mái đầu đã bạc

Người đẹp xưa cũng khác hình xưa

Giương đôi mắt ngó mà mơ

Thảm thay ai biết bây giờ là ai !

*Bản dịch theo nguyên điệu,
và song thất lục bát, của Học-Canh*



Sóng quăn-quại ruột còng quăn-quại
Cảnh ãu-hiũ, ãm lại ãu-hiũ...

秋夜旅懷吟

THU ĐẠ LỮ HOÀI NGÂM

KHÚC NGÂM CỦA KHÁCH ĐI ĐƯỜNG
ĐÊM THU

丁日慎

Đinh Nhật-Thận

TIỂU-DẪN. — Đinh sinh năm 1814 tại làng Thanh-liêm, huyện Thanh-dương, tỉnh Nghệ-an (Trung-Việt). Thông-minh lanh-lợi, có trí nhớ vượt bậc, nhưng không chịu bó buộc theo trường quy nên thi hỏng mãi, năm 1837 mới đỗ cử-nhân, năm sau đỗ tiến-sĩ.

Tính cương-trực, làm tri-phủ chẳng bao lâu phải về. Rút khỏi hoạn trường về lập ấp, mở trường dạy học và làm thuốc. Kết giao với Nguyễn-hàm-Ninh và Cao-bá-Quát, bị ngờ trong việc họ Cao khởi nghĩa ở Bắc, nên bị giam lỏng ở Huế. Ông xót-sa vì cảnh-ngộ, làm bài *Thu dạ lữ hoài ngâm* để tỏ bày tâm-sự.

Đặc-điểm bài này là viết bằng chữ Hán, mà theo thể *song thất lục bát* là một thể riêng của quốc-âm.

秋夜靜天光隱約

Thu dạ tĩnh, thiên-quang ần-ước,

— Đêm thu lặng-lẽ, thấp-thoáng trời, sáng trắng.

隔疏簾淡酌金罍

Cách sơ liêm đạm chước kim-lôi,

— Cách rèm thưa thoáng rót chén rượu con bằng vàng.

天辰人事相催

Thiên-thời, nhân-sự tương thôi

— Thời-trời và việc người thúc giục nhau.

浮生若夢幾回爲歡

Phù-sanh nhược mộng kỷ hồi vi hoan ?

— Kiếp phù-sanh như giấc mộng, được mấy hồi vui.

人對景花間月照

Nhơn đối cảnh, hoa gian nguyệt chiếu

— Người ngắm cảnh (thây) trăng rọi giữa lòng hoa.

景撩人樹杪風吹

Cảnh liêu nhơn, thụ diêu phong xuy,

— Cảnh trêu người (xui) gió thổi trên ngọn cây.

這般料少人知

Giá ban liệu thiều nhơn tri,

— Phong cảnh hữu tình, liệu chừng cũng ít người biết thưởng thức.

Đêm thu lặng, bóng trời thấp-thoáng

Cách rèm thưa, chuốc chén kim-lôi.

« Thiên-thời như-sự tương thối »

Kiếp chiêm-bao để mấy hồi hôn-hoan ?

Người đối cảnh, hoa gian trắng tỏ

Cảnh trên người ngọn gió rung cây.

Nỗi-niềm ai biết chẳng ai ?

聞來風月與誰爲秋

Nhàn lai phong nguyệt dữ thùy vi thu ?

— Trong lúc thông thả cùng ai trông trăng hứng gió hưởng thú vui mùa thu.

詩四絕治渝雅愛

Thi tứ tuyệt di du nhả ái

— Ngâm bốn câu thơ làm vui.

酒三杯瀟洒離懷

Tửu tam bôi tiêu-sái li-hoài

— Mượn ba chén rượu rửa sạch mối sầu biệt-ly.

燈前獨對書齋

Đăng tiền độc đối thư-trai,

— Trong phòng văn một mình ngồi đối ngọn đèn

傷心客地有懷古人

Thương tâm khách địa hữu hoài cổ-nhân !

— Chạnh lòng đất khách, sức nhớ người xưa...

香水外忽聞漁韻

Hương thủy ngoại, hốt văn ngư-vận

— Ngoài sông Hương, chợt nghe tiếng hò mái đẩy của lũ phường chài.

從何來棹進江邊

Tùng hà lai, trạo tẫn giang biên ?

— Từ đâu mà chèo tới bên sông thê nhĩ ?

Cùng ai trăng gió đêm này với thu ?

Thơ nhĩ-ái, bốn câu buồn vận

Rượu ly-hoài ba chén làm khuây.

Trước đèn trong chốn thư-trai

Chạnh lòng dặt khách, nhớ người đời xưa.

Ngoài Hương-thủy, tiếng ngư vắng-vắng

Thuyền từ đâu chèo thẳng bên giang ?

徘徊月夜霜天

Bồi hồi nguyệt dạ sương-thiên,

— Đêm trắng trời sương lòng luông bồi hồi.

寒山暗認客船更非

Hàn sơn ám nhận khách thuyền cánh phi.

— Đoán là thuyền khách non Hàn, té ra không phải.

曲江水何辰大杜

Khúc-giang-thủy, hà thì Đại-Đỗ ?

— Trên sông Khúc, ngày nào nhà thơ Đỗ-Phủ...

一孤舟繫故園心

Nhứt cô-châu hệ cố-viên tâm,

— Buộc dây lòng quê ở lá thuyền cô

辰留八首詩吟

Thời lưu bát thủ thi-ngâm,

— Lúc ấy để lại tám bài thu hứng...

令人旅思轉深鄉情

Linh nhân lữ-tứ chuyển thâm hương tình.

— Khiến người có tứ lữ-du, bỗng nặng lòng cô-quận.

昔我往青青柳絮

Tích ngã vãng thanh-thanh liễu như,

— Xưa ta đi, tơ liễu xanh xanh.

Lờ-mờ đêm nguyệt trời sương,

Thuyền ai tưởng khách non Hàn, lại không.

Khúc-giang thủy nhớ ông Đại-Đỗ :

Buộc con thuyền lòng cũ bơ-vơ.

Hứng thu đề tâm bài thơ

Xui người đất khách gần-ngơ tình làng.

Xưa ta đi, liễu đang xanh thẽ,

Trương-Kể, một thi-sĩ đời Đường có bài thơ *Đêm qua Phong-Kiểu* : « Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên. Giang phong ngư hỏa đối sầu miên. Cô-tô thành ngoại Hàn-sơn-tự. Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền ». Nguyễn-hàm-Ninh dịch : « Qua kêu trăng lặn trời sương, lửa chài le-lói, sầu vương giấc hồ. Thuyền ai đậu bến Cô-tô, nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn-sơn. »

Đỗ-Phủ hiệu là Tử-mĩ, thi-hào đời Đường, một buổi chiều thu ngồi trên sông Khúc, nhân nhớ nhà mà làm ra tám bài thu-hứng, trong có câu : « *Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ, cô châu nhất hệ cố viên tâm* ». Người xưa dịch : « Khóm trúc tuôn đôi hàng lệ cũ, con thuyền buộc một mối tình nhà ».

Cô châu nhất hệ cố viên-tâm, mà tác-giả đổi lại là *nhứt cô châu cố viên-tâm*, c hai chữ *nhứt* và *cố* ghép vào nhau thì thừa một, và cái hay của câu thơ ở vào *nhứt hệ*, thì nay mất đi cả.

兩三聲初語黃鶯

Lưỡng tam thanh sơ ngữ hoàng-oanh.

- Chim hoàng oanh vừa thỏ-thẻ vài ba tiếng.

而今菊已含英

Nhi kim cúc dĩ hàm anh.

- Nay cúc đã ngậm vàng.

柳陰庭外寒鳴流蟬

Liễu-âm đình ngoại hàn-minh lưu-thiên.

- Trong bóng liễu ngoài thềm tiếng ve đã kêu lạnh.

昔我去翻翻桃臉

Tích ngã khứ, phiên-phiên đào-kiềm,

- Xưa ta đi, nụ đào chúm chím.

兩三枝初占東風

Lưỡng tam chi sơ chiếm đông-phong,

- Gió đông mới điểm một đôi cành.

而今蘭已成叢

Nhi kim lan dĩ thành tùng,

- Nay lan đã thành chùm.

桃夭軒外落從寒霜

Đào-yêu hiên-ngoại lạc tòng hàn sương.

- Hoa đào ngoài hiên đã rụng theo sương lạnh.

Chim hoàng-oanh thả-thẻ ba câu

Bằng nay cúc đã hoa thâu

Liều kia nghĩ cũng âu-sầu vì ve.

Xưa ta đi, đào khoe tiểu-kiếm,

Ngọn đông-phong mới điểm ba hàng.

Bằng này lan đã chồi sương

Đào non nghĩ cũng vớ-vàng vì thu.

胡爲乎淒涼客舍

Hồ vi hồ thê-lương khách xá?

— Làm chi vậy ? buồn lạnh nơi nhà lạ...

日優遊幾個冠童

Nhật ưu-du kỷ cá quan đồng !

— Ngày làm bạn với mấy đứa học trò vừa biết đội khăn.

安能夜夜書房

An năng dạ-dạ thư phòng?

— Sao mà cứ chịu đêm đêm ngồi ở phòng sách...

芭蕉泣露昆虫鳴秋

Ba tiêu khấp lộ, côn trùng minh thu.

— Nghe giọt sương khóc trên tàu chuối, tiếng dế kêu giữa đêm thu ?

胡爲乎夷猶旅館

Hồ vi hồ di-do lữ-quán?

— Làm chi vậy ? cứ lẩn-lữa nơi quán trọ.

歲逡巡已半霜煙

Tuế thoan-tuần dĩ bán sương-yên !

— Thâm thoát sương khói đã nửa năm trời.

安能暮暮西軒

An năng mộ-mộ tây hiên?

— Sao cứ đêm đêm ở hiên tây.

Làm chi vậy buồn rầu dặt khách?

Ngày quán-đồng mượn thích làm khuây.

Có đêm nương bóng hồi tây

Tiếng sương khóc lá, hơi may gọi trùng.

Làm chi vậy lạnh-lùng quán lữ,

Năm, sương-yên hết nửa đi rồi.

Có đêm ngồi nhẩn thư trai,

風搖庭竹月懸屋樑

Phong dao đình trúc, nguyệt huyền ốc lương.

— (Ngồi nhìn) gió lay cành trúc trước thềm, và mảnh trăng treo trên tường nhà.

不是做何郎投筆

Bất thị tở hà lang đầu bút

— Nghĩ mình chẳng phải như ai, vứt bút viết thư.

將忠肝爲國從軍

Tương trung can vị quốc tùng quân.

— Đem lá gan trung-liệt ra đấu-quân.

此身空自風塵

Thử thân không tự phong trần,

— Cái thân này luông vì sô phong-trần mà xui ra vậy.

坐中虛視寢宸徒聞

Tọa trung hư thị, tầm thần đồ văn!

— Trong chỗ ngồi luông xem (mà thẹn), trong lúc nằm, luông nghe (mà buồn).

不是做何人捧檄

Bất thị tở hà nhân phủng hịch.

— Chẳng phải làm như người nọ vâng tờ hịch.

將孝心離戚從官

Tương hiếu tâm ly thích tùng quan

— Vì lòng hiếu mà phải từ-giã bà con đi làm quan.

Gió lay bên trúc, nguyệt cài trên lương.

Nào có phải như chàng ném bút,

Vì vua mà đồng-mác cho cam ?

Luống đem thân-thể cát lăm,

Thấy, ngồi hồ mặt, nghe, nằm thẹn tai !

Nào có phải như ai vâng hịch

Vì thân mà xa cách cho xong ?

Ban-Siêu đòi Hán làm nghề viết mướn, sau vứt bút mà rằng :
« *Làm trai phải lo lập công ngoài nghìn dặm, há cứ ngồi tạo
giấy mũi ư ?* »

Phúng-hịch : Mao-Nghĩa đòi Đông-Hán, rất có hiệu. Được bỏ
làm quan, Nghĩa lãnh hịch rất mừng-rỡ. Khi mẹ chết, bỏ
quan về.

他鄉何事盤桓

Tha-hương hà sự bàn-hoàn?

— Ở quê người chuyện trò cùng ai?

白雲飛處牡丹開辰

Bạch vân phi xứ, mẫu-đan khai thần.

— Trong chỗ mây trắng bay, khi hoa mẫu đơn nở.

今日自海濱遠顧

Kim nhật tự hải-tân viễn cố,

— Ngày nay từ nơi cửa biển trông ra xa.

一輕帆直渡歸陵

Nhật khinh phàm trực độ quy-lăng.

— Một lá buồm nhẹ-nhàng bay thẳng về cồn.

鄉魂沸沸如醺

Hương hồn phất phất như tưng,

— Lòng quê bỗng dưng sôi nổi như nổi nước nóng

逐帆忽已破層層波

Trục phàm hốt dĩ phá từng từng ba.

— Theo lá buồm ấy bỗng đã vượt qua lớp sóng dào.

明日自山家遠眺

Minh nhật tự sơn-gia viễn thiêu,

— Ngày mai từ cái nhà trên núi trông ra đằng xa.

Bỗng không khách địa bình-bồng,

Trông mây lại nhớ, xem bông lại buồn.

Ngày nay đứng trông miền biển rộng,

Một lá bướm thẳng đóng về cồn.

Lòng quê đâu đã cuộn cuộn

Phút theo bướm vượt mấy ngàn sóng khơi.

Ngày mai đứng trông nơi non thẳm

Mao-Nghĩa đời Hán là một người hiếu-hạnh, làm quan úy ở phủ An-dương, được thăng quan lĩnh ở phủ ấy. Ông căm tở hịch mà lấy làm vui, vui vì cha mẹ đang còn.

片 孤 雲 帶 曉 浮 空

Phiến cô-vân đai hiều phù không.

— Một làn mây cô, đeo ánh rạng đông nổi lên giữa trời.

鄉 心 杳 杳 如 蓬

Hương-tâm niều-niều như bông,

— Lòng quê bồi rồi như dây bông bong.

隨 雲 忽 已 過 重 重 山

Tùy vân hốt dĩ quá trùng-trùng san.

— Theo làn mây ấy chợt đã bay qua lớp lớp non xanh.

何 處 是 鄉 閭 雁 信

Hà xứ thị hương-quan nhạn tín

— Tin nhạn ở quê làng nào thây phương nào đâu ?

悠 哉 難 寫 盡 心 情

Du tai nan tả tận tâm tình

— Dài theo tâm này, khó tả cho xiết được

夜 聞 妙 諦 鐘 聲

Đạ văn Diệu-đế chung thanh

-- Đêm buồn nghe tiếng chuông chùa Diệu-đế.

海 門 鼓 響 御 城 砲 催

Hải môn cổ hưởng Ngự-thành pháo thôi.

— Tiếng trống canh ngoài cửa bể, tiếng súng nổ trên mặt thành.

Một làn mây sớm ngấm trên không.

Lòng quê đâu đã bỗng-bồng,

Phút theo mây kéo mãi trùng non xa.

Trông tin nhận biết là đâu tá ?

Tâm-tình này ai tả cho nên ?

Đêm, chùa Diệu-đế chuông rền,

Trống vang cửa biển, súng rên thành vàng.

江 曲 曲 腸 迴 曲 曲

Giang khúc khúc, trường hồi khúc khúc,

— Sông từng khúc, ruột cũng từng khúc

景 悠 悠 夜 復 悠 悠

Cảnh du du, dạ phục du du.

— Cảnh thê mải, đêm lại thê mải

蕭 條 館 旅 亭 秋

Tiêu điều quán lữ đình thu

— Buồn bã thay vẻ thu nơi quán khách

隣 家 椿 楮 江 頭 棹 聲

Lân-gia thung chử, giang đầu trạo thanh.

— Tiếng chày giã gạo bên nhà hàng xóm, tiếng chèo khua đầu sông.

嗟 客 地 紆 縈 心 事

Ta khách địa vu-oanh tâm sự,

— Thương mình nơi đất khách tâm-sự bồi-rời

嘆 閨 人 情 緒 可 憐

Thán khuê nhân tình tự khả liên.

— Nghĩ đến bạn phòng khuê, mối tình mới đáng chua xót là dường nào?

更 深 燈 滅 案 前

Canh thâm đăng diệt án tiền

— Canh khuya ngọn đèn lu-lờ trên án...

Sông quẩn-quại, ruột càng quẩn-quại,

Cảnh điều-hiu, đêm lại điều-hiu.

Lữ-du ai chẳng tiêu-diêu ?

Tiếng chày trong xóm, tiếng chèo ngoài sông !...

Thân dặt khách nảo-nùng tâm-sự,

Thương người quê tình-tự bấy giờ.

Đêm khuya cơn tỏ cơn mờ,

含情掩扇空懸月明

Hàm tình yểm phiến không huyền nguyệt minh.

— (Minh ai) ngậm sâu, lầy quạt, che mặt lại, luồng để mặc vầng trăng sáng lạnh lòng treo.

孤枕裡三更寤寐

Cô-chẩm lý, tam canh ngụ-mị,

— Trên gối, năm canh mơ-màng

片幽懷誰是爲憐

Phiến u-hoài thùi thị vi lân?

-- Mảnh tình u-ẩn ai thương cho mình?

情頭夜半無人

Tình đầu dạ bán vô nhân,

— Nửa đêm một mảnh tình riêng, không ai chung với

睡來報蝶醒辰鳴鷄

Thụy lai báo điệp, tỉnh thân minh kê.

— Hễ chợp mắt ngủ, bướm đã thoảng qua mộng, mà bừng mắt dậy, gà đã gáy bên tai.

有辰或鄉閨夕炤

Hữu thời hoặc hương-khuê tịch chiếu,

— Hoặc có lúc trong cửa buồng, ánh trời tà giọi vào

下堂來欲造花樓

Hạ đường lai, dục tạo hoa lâu.

— Bước xuống thêm lại muốn trở lên lầu hoa

Gấm tình che quạt luống thừa bóng trăng.

Năm canh những mơ-màng trên gối,

Mảnh tình này biết nói cùng ai ?

Thương thay đêm vắng không người

Ngủ thời buồn báo, dậy thời gà kêu.

Hoặc có lúc bóng chiều trong khốn,

Bước xuống thêm, lại muốn lên lâu.

忽驚燕葺泥巢

Hốt kinh yễn tráp nê-sào,

-- Chợt thấy con én tha bùn làm tổ, mà giật mình

鸞羞炤鏡鳳愁懶梳

Loan tu chiểu kính, phượng sầu lại sơ.

-- Thẹn ngắm gương loan, biếng cài lược phượng.

有辰或織機夜靜

Hữu thời hoặc chức-cơ dạ tĩnh

-- Hoặc có lúc đương đêm thanh vắng, nàng ngồi ở trên máy dệt

呼童來初整燈明

Hô đồng lai, sơ chỉnh đăng minh

-- Gọi người nhà bảo kê sáng đèn lên

忽聞雁渡江聲

Hốt văn nhạn độ giang thanh

-- Bỗng nghe tiếng nhạn bay qua sông không ngừng lại, biết là chim nhạn không đem thơ cho mình

機慵足踏梭停手拋

Cơ dung túc đạp, thoan đình thủ phao.

-- Thì chân biếng đạp máy, tay liền buông thoi.

可憐夜焚膏達旦

Khả lân dạ phần cao đạt đán

-- Thương thay có đêm chong đèn tới sáng

Phút nghe con én kêu sầu

Lược râu tóc chải, gương râu mặt soi.

Hoặc có lúc đưa thoi đêm tối,

Gọi con tì vừa tới điểm dăng

Phút nghe tiếng nhạn khơi chùng

Máy lời chân đạp, thoi ngừng tay đưa.

Thương thay có đêm chờ nửa gỏi

Đỗ-Phủ trọ ở đất Thục định trở về quê, chợt trông thấy đôi én từ Bắc vào Nam ngậm bùn để làm ổ mà giết mình cho cảnh lữ du từ hạ đã sang thu, bèn có câu thơ : « *Lữ thực song phi yên, hàm nê nhập bắc đường* ». Nghĩa là đôi én bay đi ăn xa ngậm bùn bay vào nhà làm ổ. Cỗ-thi lại có câu : « *Tích vị song phi yên, hàm nê sào cư thâu* », nghĩa là : trước làm đôi én chấp cánh cùng bay tha bùn làm ổ trong nhà người.

Cỗ-thi vịnh Tiết-phụ có câu : « *Phượng trục thanh tiêu viễn, loan tùy u cảnh trâm* ». (Mây thăm, chìm tăm phượng, gương mờ khuất bóng loan). Lại có câu : « *Vị văn thúy soa đầu thượng phượng, bất tri hương kính vị thủy hồi* ». (Hỏi thăm phượng đậu cảnh trâm, vì ai mái tóc hương thơm ngọt-ngào ?).

Chức-cầm hồi-văn của Tô-Huệ : « *Tam xuân hồng nhạn độ giang thanh. Thử thị li nhân đoạn trường tình* ». (Mỗi lần nghe nhạn qua sông, râu lòng một thiếp ba đông nhớ chàng).

夜沈沈不見佳音

Dạ trầm trầm bất kiến giai âm

-- Đêm vắng chẳng thấy tin lành

擲梭望望庭陰

Trịch thoan vọng vọng đình âm

-- Nàng bèn ném thoi ra ngóng ở trước thềm

霜寒蟋蟀咱吟聲愁

Sương hàn tất suất thính ngâm thanh sầu.

-- Nghe sương rơi lạnh-lùng, dễ ngâm buồn-bã

望不見悠悠我獨

Vọng bất kiến du du ngã độc

-- Trông chẳng thấy ai, chỉ vò-vó một mình

顧閨門載復言還

Cố khuê môn tải phục ngôn hoàn

-- Ngảnh lại phòng khuê, tự nhủ: thôi đi vào!

咱家鷄唱西欄

Thính gia kê xướng tây lan

-- Tiếng gà nhà ai gáy ở phía tây?

含情倚几挑殘孤燈

Hàm tình ỷ kỷ khiêu tàn cô đăng.

-- Nàng còn ngậm mảnh tình riêng, ngồi dựa ghế, khêu
mỏi ngọn đèn lẻ-loi cho hao dầu, hết bấc!

Đêm gần qua, chẳng thấy thư về.

Gác thoi ra đứng bên hè,

Tai nghe tiếng dẽ rè-rè khóc sương,

Trông chẳng thấy, chán-chường than-thở,

Đoái phòng khuê muốn trở gót giày.

Gà ai eo-óc hồi tây ?

Gấm tình dựa ghẽ liền tay kêu đèn.

可憐日登庭自早

Khả lân nhật đăng đình tự tảo

-- Thường ngày ngủ dậy lên nhà trên thật sớm

日斜斜不到回書

Nhật tà tà bất đáo hồi thư

-- Bóng chiều đã xế, vẫn chưa thấy thư về

擊衣步步康衢

Lãm y bộ bộ khang cù

-- Lững thững ngoài đường vừa đi vừa vầy vò tà áo

蟬鳴楊柳帶愁眉看

Thiên minh dương-liễu đới sầu mi khan.

-- Tiếng ve ở cành liễu khiến người ủ-rủ mày sầu

望不見翻翻我獨

Vọng bất kiến phiên-phiên ngã độc

-- Trông chẳng thấy ai, trơ-vơ một mình ta

顧琴軒強欲爲情

Cố cầm hiên cương dục vi tình.

-- Bền quay vào trong chỗ mọi ngày ngồi đánh đàn, cố gảy một khúc làm khuây

忽貼蝶戲蘭屏

Hốt chiêm điệp hí lan bình

-- Chợt thấy bướm đùa với cành lan ở bình phong

Thương thay có ngày nhìn sáu khắc

Ngày gần tàn chẳng gặp thư sang,

Xuống thêm, ra đứng bên đàng

Mây sầu lá liễu hàng hàng khóc ve.

Trông chẳng thấy, lại về đứng đợi

Đoái cầm hiên toan gọi ngón đàn

Bướm đâu trên-cột bình lan ?

合 樓 穿 襦 復 行 西 園

Hàm thê xuyên cừộc phục hành tây viên.

— Ngậm sầu xỏ giép lại trở ra vườn tây.

今 必 謂 秋 天 靜 好

Kim tất vị thu thiên tĩnh hảo,

— Bây giờ hẳn nằng cũng nói rằng : Trời thu tươi sáng

我 良 人 將 到 歸 期

Ngã lương-nhân tương đáo qui kỳ

— Chồng ta có lẽ đã gần tới ngày về

遑 知 世 路 蹺 蹺

Hoàng tri thế lộ nghiêu Khê !

— Biết đâu đường đời éo-le hiểm-trở ?

閩 山 千 里 未 期 曷 來

Quan-sơn thiên lý vị kỳ hạp lai !

— Non sông ngàn dặm đã dễ làm sao mà hẹn trước
đặng ngày về với nhau ?

今 必 謂 我 離 永 久

Kim tất vị ngã ly vĩnh cửu

— Rày hẳn nói rằng ta đi mãi không về nữa

自 長 安 或 抱 衾 裯

Tự Trường-an hoặc bào khâm trù

— Hoặc ở Tràng-an đã có người nâng khăn sửa túi rồi

Buồn tình mang dép ra vườn hái hoa.

Rày hấn bảo : « Trời đà mát-mẻ

Lương-nhân ta có lẽ gần về... »

Biết đâu đường thẽ nghiêu-khê

Dặm ngàn hồ dễ đi về cho năng ?

Rày hấn nói mình chừng lâu ở,

Ôm chấn-mễn hoặc đã có người ?

風情慣似風流

Phong tình quán tự phong lưu

— Thói phong-tình cũng quen đi như tánh phong-lưu

繁花矧友皇州帝城

Phồn-hoa thấn hữu hoàng châu đế thành.

— Đã là chỗ phồn hoa, lại là nơi đế-khuyết hèn chi...

苟非有人情也者

Cầu phi hữu nhân tình dã giả

— Nếu không phải có lòng lắt-léo như ai ấy...

胡而春而夏而秋

Hồ nhi xuân nhi hạ nhi thu.

-- Thì sao cứ lần-lữa hết xuân qua hạ, lại qua thu?

由來紫閣紅樓

Do lai tử các hồng lâu

— Xưa nay những nơi lầu hồng gác tía

英雄不住丈夫難持

Anh hùng bất trú trượng phu nan trì.

— Dẫu anh-hùng, trượng-phu cũng không cầm lòng đậu.

如此者誰知之者

Như thử giả, thù tri chi giả?

-- Như vậy, thì ai biết cho ta?

Phong-lưu tánh đã quen rồi,

Phồn-hoa lịch-sự lại mùi Tràng-an !

Nếu chẳng thế, bàn-hoàn chi mãi

Hết xuân rồi, hạ lại sang thu ?

Lầu hồng cung cấm ấy ru ?

Anh-hùng lại với trượng-phu ai từ ?

Như thế ấy, bây giờ ai biết ?

Thơ « Hoàng-hạc-lâu » của Thôi-Hiệu : « *Nhật mộ hương quan hà xứ thị ? Yên-ba giang thượng sử nhân sầu...* ». Tản-Đà tiên-sinh dịch rằng : « *Quê nhà khuất bóng hoàng-hôn. Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai ?* ».

烟波中使我心愁

Yên ba trung sử ngã tâm sầu !

- Trên sông khói sóng khiến cho lòng ta thêm buồn

昂藏豈少年遊

Ngang tàng khởi thiếu niên du

- Há phải còn chơi ngang-tàng như lúc còn trẻ ?

風流舊態江湖故家

Phong-lưu cựu thái, giang-hồ cố-gia.

- Quen thói phong-lưu trước, lối giang-hồ thuở xưa

旅景每從哦裡痛

Lữ cảnh mỗi từng nga lý thống

- Nơi đất khách thường nhân cuộc ngâm-vịnh mà hóa ra ngâm-ngùi đau-đớn cho lòng

鄉魂空向夢中遊

Hương hồn không hướng mộng trung du

- Hồn quê lòng vật-vờ trong mộng

江山客亦知乎

Giang sơn khách diệc tri hồ

- Non sông ai có biết cùng chăng ?

情中更切路途艱難

Tình trung cánh thiết lộ đồ gian-nan.

- Trong lòng lại tha-thiết nỗi đường sá gian-nan.

Trông yên-ba khôn xiết dạ sầu.

Há còn trai-trẻ chi đâu

Phong-lưu thời cũ, giang-hồ lỗi xưa.

Cảnh du-lữ câu thơ thồn-thức,

Bóng hương-quan trước mắt mơ-màng

Non sông khách có biết chăng?

Vẫn tình thì nhớ, nhưng đường thì khơi.

雖曰己藻蘋婦事

Tuy viết dĩ tảo tần phụ-sự,

— Tuy đã nói rằng việc đàn-bà tảo-tảo...

內齊家上祀祖先

Nội tề-gia thượng tự tổ-tiên.

— Trong xem sóc việc nhà, trên thờ cúng tổ-tiên

澗毛潢水微度

Giản mao hoàng-thủy vi kiến,

— Tuy rau khe nước suối cũng tỏ được lòng thành

安知主饋能賢婦人

An tri chủ quỹ năng hiền phụ nhân.

— Nhưng đã chắc đâu làm tròn phận sự của một người đàn-bà giỏi, tay hòm chìa khóa trong nhà ?

可知者十分家幼

Khả tri giả thập phần gia-ấu,

— Duy một điều có thể biết chắc được là mười phần con trẻ nhà ta...

一門中共保無危

Nhất môn trung cộng bảo vô nguy.

— Trong một cửa đều được giữ gìn, khỏi nguy-hiểm

別辰正在孩兒

Biệt thời chính tại hài nhi

— Lúc ta ra đi, thì con ta chính đương măng sữa

Tuy rằng nói đã ngờii tần-tảo,

Trên tôn-đường, trong đạo tễ-gia.

Rau khe nước suối cũng là,

Mình xa nhà biết ở nhà làm sao ?

“

Duy biết trẻ đũa nào đũa nấy,

Trong gia-đình đều thấy yên-vui

Lúc đi trẻ mới hay cười,

年來想已髮垂牙生

Niên lai tưởng dĩ phát thùi nha sinh.

— Qua năm này, có lẽ răng đã mọc, tóc đã dài rồi.

可愛者其兄之子

Khả ái giả kỳ huynh chi tử

— Dễ thương nhỉ ! Thằng con của ông anh !

年三十四中來

Niên thập tam thập tứ trung lai

— Tuổi chừng mười ba mười bốn

吾兄亦曰幸哉

Ngô huynh diệc viết hạnh tai

— Anh ta cũng nói rằng may thay !

底今未覺離開學堂

Đề kim vị giác thùi khai học đường.

— Chẳng biết ngày nay đã có ai mở trường ?

可思者同窗二契

Khả tư giả đồng song nhị khế

— Đáng nhớ quá nhỉ ! Hai ông bạn (cùng đèn cùng sách), cùng ngồi học với ta trong một cửa sổ năm xưa

芝蘭香細細猶聞

Chi lan hương tế tế do văn

— Mùi chi-lan thoang-thoảng còn nghe !...

Tóc răng nay đã ra người lớn khôn.

Vài thằng cháu trời thương cũng khá

Tuổi năm nay chừng đã trưởng-thành.

Phúc nhà mừng trộm cho anh,

Năm nay biết đã học-hành cùng ai ?

Bạn đèn sách một hai tri-thức,

Mùi chi-lan sức-nước một nhà

Lời đức Không-Tử : « *Dĩ thiện nhân giao như nhập chi lan chi thất, cửu nhi bất văn kỳ hương, tức dĩ hóa hĩ* » (chơi với người lành như vào cái nhà có hoa chi-lan, nếu lâu không biết mùi thơm nữa là đã hóa theo người ấy rồi).

Một hai tri-thức : đây là trở vào Cao-bá-Quát và Nguyễn-hàm-Ninh.

馬杯自挹輕塵

Mã bôi tự ấp khinh trần

— Nhớ khi giã nhau, ngồi trên ngựa, cầm vôi chén rượu (trận mưa bay) rưới tan bụi trần...

渭城此後故人亦辭

Vị-thành thử hậu, cố-nhân diệc từ.

— Sau khi ấy ở Vị-thành bạn-bè đành cũng tan lìa.

不知後北圻起匪

Bất tri hậu Bắc kỳ khởi phỉ

— Chẳng biết về sau ở Bắc-kỳ có giặc nổi dậy...

二吾兄已未回辰

Nhị ngô huynh dĩ vị hồi thân

Hai anh ta đã về chưa?

嗟哉同病相憐

Ta tai đồng bệnh tương lân

— Ôi, cùng chung một bệnh, cùng thương nhau

一瀟湘一向秦一方

Nhứt Tiêu-tương, nhứt hướng Tần nhứt phương

— Người thì tới sông Tiêu-tương, kẻ ở lại nước Tần?

將何日更相對語

Tương hà nhật cánh tương đối ngữ

— Hầu ngày nào lại ngồi đôi mặt nhau nói chuyện...

Từ phen cắt chén quan-hà

Vị-thành lúc ấy rồi mà Dương-quan.

Sau chẳng biết ngoài miền Bắc động

Hai anh ta có chóng hôi-hương?

Than ôi đồng bệnh cùng thương

Một Tần, lại một Tiêu-tương một trời.

Đến bao giờ cùng ngồi kể chuyện

Đường-thi : « *Vị thành triều vũ ập khinh trần, khách xả thanh thanh liễu sắc tẩn. Khuyển quân cánh tận nhất bởi tiêu, tẩy xuất Dương-quan vô cố nhân* » (Thành Vị mưa mai rưới bụi trần, trước nhà, ngành liễu sắc thêm xuân ; có nhau hãy gắng cầm ly rượu : rồi nữa Dương-quan ai cố-nhân ?).

Miền Bắc động vì họ Cao khởi nghĩa, không biết Cao và Nguyễn có được an-toàn không ?

Thơ Trịnh-Cốc : « *Sở thanh phong địch li đình vãn, quân hướng Tiêu-tương ngã hướng Tần* ». Ngô-tất-Tổ dịch : « *Đình hôm tiếng sáo nào-nùng, anh đi bên Sở, tôi trông đường Tần* ».

叙 閨 情 又 叙 客 衷

Tự khuê-tình hựu tự khách trung

— Nói đến tình nhà lại nói đến lòng người

而 今 秋 月 秋 風

Nhi kim thu nguyệt thu phong

— Mà nay trăng thu, gió thu, thơ thu, rượu thu, ầy

秋 吟 秋 飲 情 中 者 誰

Thu ngâm thu ẩm tình trung giả thùy ?

ai chung tình với ta ?

對 離 景 淚 垂 雙 眼

Đối ly cảnh, lệ thùy song nhãn,

— Trông cảnh ly-biệt, hai hàng lệ tuôn rơi

顧 鄉 關 路 限 重 山

Cố hương quan lộ hạn trùng san,

— Ngảnh lại quê, núi non ngăn lây đường

酒 殘 獨 倚 欄 杆

Tửu tàn độc ỷ lan-can

— Tiệc rượu tan rồi, một mình ngồi dựa cầu-lơn

覺 來 眼 看 夜 還 淒 涼

Giác lai nhãn khán dạ hoàn thê lương.

— Bừng mắt dậy, đêm thê-lương vẫn hoàn thê-lương !...

Kề hương-tình cho đến khách-trung.

Mà nay nào nguyệt nào phong,

Nào thì nào tửu biết cùng ai hay.

Sâu ly-biệt tuôn đầy hai mắt

Bóng hương-quan xa khuất dặm ngàn.

Rượu rồi ngồi dựa lan-can

Chiêm bao tỉnh giấc đêm tàn vẽ thu...

Bản dịch cũ

tương truyền là tác-giả tự dịch lấy



Bao giờ đập đổ đất bằng?

秋夜旅懷吟

THU ĐẠ HOÀI NGÂM

KHÚC NGÂM CẢM HOÀI ĐÊM THU

奇童

Kỳ-Đồng

TIỂU-DẪN. — Kỳ-Đồng nguyên tên là Nguyễn-văn-Cẩm, sinh vào cuối đời Tự-đức (8-10-1875), tại làng Trung-lập, phủ Tiên-hung, tỉnh Hưng-yên (Bắc-Việt). Thiên-tư đỉnh-ngộ, mới ngoài 10 tuổi đã đi thi hạch, quan trường thấy có tài lạ, làm sớ về kinh, vua Thành-Thái sắc cho hai chữ « Kỳ-Đồng ». Mấy năm sau, hợp bạn đứng ra chồng Pháp. Pháp bắt giữ rồi cho sang học ở Alger, đỗ tú-tài khoa-học và văn-chương. Pháp cho ông về khai-khẩn đồn-diễn ở Yên-thê. Vì có nhiều người theo lên Yên-thê, Pháp sợ ông liên-lạc với Đốc-Thám, năm 1898, đày ông sang đảo Marquises. Bây giờ ông mới 25 tuổi. Ông tạ-thê ở Tahiti năm 1929, thọ 55 tuổi. Bài trên đây, ông trứ-tác khi còn ở nhà, lúc lòng còn đang ôm mỗi hận mất nước và mong mỗi có ngày khôi-phục.

Sở dĩ ông dùng cùng một đề với Đinh Nhật-Thận, có lẽ vì ông cũng muốn phỏng cái lối « *Lục bát gián nhứt* » là lối đặc-biệt của ta đem áp-dụng vào chữ Hán.

天氣入中秋之夜
Thiên khí nhập trung-thu chi dạ,

蕭條經四坐霜寒
Tiêu-diêu kinh tứ tọa sương hàn.

仙家別占清閒
Tiên gia biệt chiếm thanh-nhàn,

打殘棋陣飲殘菊杯
Đả tàn kỳ trận, ẩm tàn cúc bôi !

九天外樓臺歌管
Cửu thiên ngoại, lâu đài ca quản,

碧溪連滿澗桃花
Bích-kê liên mãn giản đào hoa.

芳樽一感歲華
Phương tôn nhất cảm tuế hoa.

悠然不覺是何乾坤
Du nhiên bất giác thị hà càn khôn !

號杜宇千村寂寞
Hào đồ vũ thiên thôn tịch-mịch,

唧虫聲四壁淒涼
Tức trùng thanh tứ bích thê lương !

可憐自古戰場
Khả lân tự cổ chiến trường,

苔封金簇烏襪孤魂
Đài phong kim thốc ô nhượng cô hồn !

Đêm trung-thu trời mây trong trẻo,

Sương đầm đầm lạnh lẽo bốn bên.

Thanh-nhàn riêng một cảnh tiên,

Mảng vui cò thánh rượu hiền tiêu-dao !

Ngoài chín cối đài cao đàn địch,

Suối liên khe nước biếc đào hồng.

Ngày dài thưởng chén rượu nồng

Cần-khôn nào biết là trong hay ngoài !

Tiếng quyên bỗng một trời khắc-khoải,

Lại bốn bề dễ gọi đau thương.

Buồn thay cảnh cũ chiến trường,

Cô-hồn quạ cúg, tên vàng bám rêu !

羣雄逐橫奔之鹿
Quần hùng trục hoành bôn chi lộc.

四海貼止屋之鳥
Tứ hải chiêm chỉ ốc chi ô.

天心未厭胡離
Thiên tâm vị yếm Hồ lô.

水深火熱來蘇者誰
Thủy thâm hỏa nhiệt lai tô giả thủy.

葵藿有心而向日
Quỳ hoắc hữu tâm nhi hướng nhật.

殘鶯何物却知秋
Tàn oanh hà vật khước tri thu?

西天堂陸交孚
Tây thiên đường bộ giao phu.

花裏競色羶狐同章
Hoa cừ cạnh sắc chiêm hồ đồng chương!

千尋栢經霜不變
Thiên tầm bách kinh sương bất biến.

雙南金百鍊彌剛
Song nam kim bách luyện di cương.

苟能鐵石肝腸
Cầu năng thiết thạch can trường :

留名竹簡留芳豹皮
Lưu danh trúc giản lưu phương báo bì !

Hươu một con, ủa theo bao kẻ, (1)

Quạ một bầy, bốn bề đều trông !

Giặc Hồ trời hãy còn dong,

Nước sâu lửa đỏ để hòng kêu ai ?

Lòng quỳ hoặc, theo trời mà hướng,

Tiếng oanh già vất vương hồn thu.

Lầu Tây chủ khách gặt gù,

Hoa-cừu rạng-rỡ, chiêm-hồ ngênh-ngang. (2)

Bách ngàn trượng mặc sương với gió,

Vàng trăm rèn càng tỏ thức son !

Can trường sắt đá chẳng sờn,

Dấu thơm ghi để nước non sau này ! (3)

(1) Tấn thất kỳ lộc, thiên-hạ cộng trục chi : nhà Tấn mất hươu (nước) mọi người tranh đuổi.

(2) Hoa-cừu : ngựa năm hoa, áo cừu ngàn vàng.

(3) Báo-bì : da con báo — Báo chết để da, người để tiếng thơm.

依是日義旗唱率

Y thị nhật nghĩa kỳ xướng-xuất,

將忠心取日虞淵

Tương trung tâm thủ nhật Ngu-uên.

洗清舊國山川

Tây thanh cựu quốc sơn xuyên,

阿童氣概一天高橫

A đồng khí khái nhất thiên cao hoành.

蓋忠義天青日白

Cái trung nghĩa thiên thanh nhật bạch,

而榮華雲白狗蒼

Nhi vinh hoa vân bạch cẩu thương.

立身所貴綱常

Lập thân sở quý cương thường,

休將一夢黃梁壯懷

Hưu tương nhất mộng hoàng lương tráng hoài.

人世罕逢開口笑

Nhân thế hãn phùng khai khẩu tiếu,

癡兒亦未了公家

Sì nhi diệc vị liễu công gia.

可憐六代豪華

Khả liên lục đại hào hoa,

遊麋梁館啼鴉宋臺

Du mi Lương-quán đề nha Tống-đài.

Ngày khởi nghĩa cờ bay rực rỡ,

Tấm lòng trung nào sợ bóng chiều ! (1)

Giang-sơn cố-quốc sạch mẫu,

Đồng vang vang tiết trời lâu lâu xanh.

Áng trung nghĩa rõ hình nhật nguyệt,

Bả vinh hoa mây biếc chó mờ.

Cương thường gốc cũ ngàn xưa,

Kê vàng giấc mộng buồn mơ sá gì !

Người đời ít gặp khi cười hả,

Trẻ nhọc nhằn vất vả nào vui.

Sáu đời thịnh trị thương ôi,

Lương-đình hươu nhớn, Tống-đài quạ kêu !

(1) Ngu-uyên : nhật chí Ngu-uyên, thị vị hoàng-hôn — mặt trời đến Ngu-uyên là bóng xế (Hoài-nam-tử).

人世不知皆嬌我
Nhân thế bất tri giai kiều ngã,

容才無主可憐君
Dung tài vô chủ khả liên quân.

徘徊人事天辰
Bồi hồi nhân sự thiên thần,

花經眼酒入唇那堪
Hoa kinh nhãn, tửu nhập thân, na kham.

欲問禪曇而奉佛
Dục vấn thiền đàm nhi phụng Phật,

禪曇非石室蘭臺
Thiền đàm phi thạch-thất lan-dài.

金蓮座下如來
Kim liên tòa hạ Như-Lai.

難將巨燭大開昏衢
Nan tương cự chúc đại khai hôn cù!

欲問蓬壺諸仙子
Dục vấn Bồng hồ chư tiên tử.

蓬壺空流水桃花
Bồng hồ không lưu thủy đào hoa.

商山寂寞芝歌
Thương sơn tịch mịch chi ca,

武陵往迹煙霞深深
Vũ-Lăng vãng tích yên hà thâm thâm

Người ngu si những trêu cùg chọc,

Tài không vua hãy khóc thương anh !

Trông trời mà cảm sự mình,

Rượu môi hoa mắt để dành làm ngư !

Có lúc muốn lên chùa quy Phật,

Tránh việc đời không sách không hoa.

Sen vàng dưới bộ Thích Ca,

Những e đuốc Tuệ còn xa hôn phạm !

Lại có lúc muốn làm tiên tử,

Lên Bồng-hồ suối cũ đào hoa.

Thương-sơn bật tiếng đàn ca, (1)

Vũ-lăng thăm thăm yên-hà mơ mơ ! (2)

(1) Thương-sơn : dãy núi ở huyện Thương, tỉnh Thiểm-tây. Cuối đời Tần, bốn ông già (tứ hạo) ẩn ở đó.

(2) Vũ-lăng : dãy núi ở tây-ngạn hồ Động-dĩnh, đời Tống, các chí-sĩ ẩn ở đó.

黯黯月而沉沉夜
Âm âm nguyệt nhi trầm trầm dạ.

指秋江欲下孤舟
Chỉ thu giang dục hạ cô châu.

江楓漁火對愁
Giang phong ngư hỏa đối sầu,

風搖桂棹月浮金樽
Phong giao quế trạo nguyệt phù kim tôn !

人勸我侯門一見
Nhân khuyển ngã hầu môn nhất kiến.

即青年可便封侯
Tức thanh niên khả tiện phong hầu :

我知其曲如鈞
Ngã tri kỳ khúc như câu,

鞍車駟馬我求何爲
Yên xa tứ mã ngã cầu hà vi.

人勸我高飛遠走
Nhân khuyển ngã cao phi viễn tẩu,

恐西塵欲垢人馬
Khủng Tây-trần dục cấu nhân yên.

我知我直如弦
Ngã tri ngã trực như huyền,

爲輪爲磬隨天賦形
Vì luân vì đàn tùy thiên phú hình.

Đêm nguyệt dãi tỏ mờ, mờ tỏ,

Chiều dòng thu in rõ thuyền ai ;

Cảm thương cây bãi đèn chài,

Gió đưa chèo quế trắng soi chén vàng !

Người khuyên đến cao sang quyền tước,

Tuổi trẻ-trung dễ được phong hầu.

Nhưng mà lời nói uốn câu,

Lợi danh xe-ngựa ta cầu chi đây.

Họ lại khuyên cao bay xa chạy,

Bụi đầy đường cảm thấy tanh hôi.

Lòng như dây thăng mắc ai,

Không trời. luân đạ ôi thôi khó thành !

我必謂人生自古
Ngã tất vị nhân sinh tự cổ,

未逢時何苦勞心
Vị phùng thời hà khổ lao tâm.

盤溪一尺追尋
Bàn Khê nhất xích truy tìm.

可能垂釣夢吟羅熊
Khả năng thùy điều mộng ngâm bi hùng.

我必謂英雄無盡
Ngã tất vị anh hùng vô tận,

待明君方引級升
Đãi minh quân phương dẫn cấp thăng.

萃原抱道幾曾
Sấn nguyên bảo đạo cơ từng,

聘車三至可能鼎調
Sinh xa tam chí khả năng đỉnh điều.

斯世未逢堯舜禪
Tư thế vị phùng Nghiêu Thuấn thiện,

不如高卧且加餐
Bất như cao ngọa thả gia xan.

洞知故國江山
Đổng tri cố quốc giang san,

人民城郭朝班屬胡
Nhân dân thành quách triều ban thuộc Hồ !

Ta nghĩ rằng người sinh tự cổ,

Chửa gặp thời, lao khổ ích chi ?

Về câu Bàn-thạch vội gì,

Điểm hùng có ứng cá kia mới hồng !

Ta lại nghĩ anh hùng lắm hội,

Chờ minh-quân chớ lỗi duyên lành !

Ruộng Săn cấy cấy nương mình,

Xe vò ba lượt điều canh cũng vừa !

Cánh Đường Nghiêu nay chưa trở lại,

Chi cho bằng ăn rồi nằm cao.

Giang san cố quốc buồn sao.

Nhân dân thành quách đã trao giặc Hồ.

識時務在乎俊傑

Thức thời vụ tại hồ tuấn kiệt,

星競光而月未明

Tinh cạnh quang nhi nguyệt vị minh.

風塵何日掃清

Phong trần hà nhật tảo thanh,

龍驤首起穀城羽飛

Long nhương thủ khởi Cốc thành vũ phi.

因感興吟詩絕夜

Nhân cảm hứng ngâm thi tuyệt dạ,

一篇中字可珠璣

Nhất thiên trung tự khả châu kỳ.

世人認作蒼龜

Thế nhân nhận tác thi quy,

避凶趨吉兩岐分明

Tỵ hung xu cát lưỡng kỳ phân minh !

Người tuần kiệt biết chờ thời vụ,

Sao long lanh đề ủa vầng trăng.

Bao giờ đập đổ bất bằng,

Cắt đầu vỗ cánh dặm băng vầy vùng ! (1)

Đêm nay hứng ngụ lòng vài khúc,

Một thiên đầy châu ngọc ai ơi.

Thi, rùa, quẻ bói dạy đời,

Tránh hung theo cát, đôi nơi rành-rành !

Bản dịch của Học-Canh

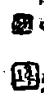
(1) Cốc-thành : núi ở đông-bắc tỉnh Sơn-đông, xưa Hoàng-thạch-công hẹn Trương-Lương ở đó.

(2) Thi, qui : cỏ thi, mai rùa, dùng để bói.



此竹如草竹
 其方舒頤
 傷不為聞
 多少情傷
 之如

己亥秋
 通字
 畫
 畫



MỤC-LỤC

TRANG

Tả-khâu-Minh

Tử-Sản dặn con phép trị dân	1
Thiệu-công can vua cấm dị-nghị	11
Thúc-Hương chúc mừng Tuyên-Tử nghèo	23

Văn nước Tê

Nhan-Súc khuyên Tể-vương quý-trọng kẻ sĩ	35
---	----

Văn nước Triệu

Triệu Uy-hậu hỏi sứ nước Tê	47
-----------------------------------	----

Lễ Ký

Chính-sách hà-khắc tàn-bạo hơn cộp	89
--	----

Khuất-Bình

Bói đường cư-xử	65
-----------------------	----

Hàn-phi-Tử

Giữ gốc cây đợi thỏ	79
---------------------------	----

Hoài-nam-Tử

Ông lão trên ải mắt ngựa	83
--------------------------------	----

Đỗ-Phủ

Người lính-lệ thôn Thạch-hào	91
------------------------------------	----

Vương-Bột

Bài tự gác Đăng-vương	99
-----------------------------	----

Đỗ-Mục

Bài phú cung A-phòng	127
----------------------------	-----

Lý-Hoa

Viếng bãi chiến-trường xưa	147
----------------------------------	-----

Lư-Đổng

Nhớ ai	171
--------------	-----

Liễu-tôn-Nguyên

Lời người bắt rắn	177
-------------------------	-----

Thư mừng Vương Tham-Nguyên bị cháy nhà ..	193
---	-----

Phạm-trọng-Yểm

Bài ký lầu Nhạç-dương	213
-----------------------------	-----

Áu-dương-Tu

Làm vua không phải dễ	227
-----------------------------	-----

Lý Cách-Phi

Đề Lạc-dương danh-viên ký	269
---------------------------------	-----

Lưu-Cơ

Lời người bán cam	279
-------------------------	-----

Đường-bá-Hồ

Lũng Đào-hoa	291
--------------------	-----

Tình Sử

Nhớ nhau	297
----------------	-----

Phụ lục	303
---------------	-----

Nguyễn-Du

Chuyện cô Cầm	305
---------------------	-----

Đinh-nhật-Thận

Khúc ngâm của khách đi đường đêm thu	319
--	-----

Kỳ-Đổng

Khúc ngâm cảm hoài đêm thu	361
----------------------------------	-----

Hán-Văn Tinh-Tuý của Lãng-Nhân,
do Nam-Chi Tùng-Thư xuất-bản, Kim-
Lai ấn-quán ấn-hành, in lần thứ nhất
30 cuốn giấy Navarre, 270 cuốn giấy
độc-biệt không bán, đánh số từ 1
đến 300 và 3.000 cuốn giấy thường.

Giấy phép Bộ Thông-Tin
226 BTT / BC / XB ngày 18-1-1965



KIM LAI AN-QUÁN

Giá tiền : 95 \$